**THÔNG ĐIỆP EVANGELIUM VITAE**

**(TIN MỪNG VỀ SỰ SỐNG)**

**CỦA ĐỨC THÁNH CHA GIOAN PHAOLÔ II**

**GỬI CÁC GIÁM MỤC, LINH MỤC, PHÓ TẾ, TU SĨ NAM NỮ, GIÁO DÂN**

**VÀ MỌI NGƯỜI THIỆN CHÍ**

**VỀ GIÁ TRỊ VÀ TÍNH BẤT KHẢ XÂM PHẠM**

**CỦA SỰ SỐNG CON NGƯỜI**

**Công bố ngày 25.3.1995**

\*\*\*



\*\*\*

**NHẬP ĐỀ**

**1.** TIN MỪNG VỀ SỰ SỐNG ở ngay trung tâm sứ điệp của Chúa Giêsu. Hàng ngày được Giáo Hội mến yêu tiếp nhận. Tin Mừng về sự sốngphải được can đảm và trung thành loan báo, như một tin vui cho con người ở mọi thời đại và thuộc mọi nền văn hoá.

Vào buổi bình mình ơn cứu độ, có một hài nhi sinh ra; việc đản sinh này được loan báo như một tin vui: “Này ta báo cho anh em một niềm vui lớn và là niềm vui cho toàn dân: hôm nay đã sinh ra cho anh em vị Cứu Tinh, Ngài là Kitô Đức Chúa, trong thành của Đavít” (Lc 2,10-11). Quả vậy, việc giáng sinh của Chúa đã toả ra “niềm vui quan trọng” này, nhưng, vào ngày lễ Giáng Sinh, ý nghĩa sung mãn của việc mọi người sinh ra cũng được biểu lộ và niềm vui Đấng Thiên sai mang tới đã xuất hiện như nền tảng và sự hoàn chỉnh của niềm vui vẫn đi theo với việc chào đời của bất kỳ em bé nào (x. Ga 16,21).

Khi bày tỏ điều ấy ở ngay trung tâm sứ mệnh cứu thế của mình, Chúa Giêsu nói: “Tôi đến, để họ được sống và được sống dồi dào” (Ga 10,10). Thực thế, Chúa muốn nói về sự sống “mới” và “vĩnh cửu” là hiệp thông với Chúa Cha, sự thông hiệp mà mọi người được mời gọi tới, nhờ ơn sủng của Chúa Con, qua tác động của Chúa Thánh Thần, Đấng thánh hoá. Chính trong “sự sống này mà mọi phương diện và mọi giây phút cuộc đời con người nhận được ý nghĩa đầy đủ của chúng.

***Giá trị không thể so sánh của nhân vị con người***

**2.** Con người được gọi tới sự sống sung mãn vượt xa những chiều kích của cuộc sinh tồn trên trái đất này, bởi vì đó là sự tham dự vào chính sự sống của Thiên Chúa.

Sự phát triển sự sống như thế – một cách bất ngờ và không do công trạng nào – đã được sáng tỏ nhờ lời hứa ban sự sống thần linh và được canh tân nhờ ơn ban sự sống thần linh, sự phát triển ấy sẽ đạt tới độ hoàn chỉnh trong cõi vĩnh hằng (x. 1 Ga 3,1-2). Đồng thời, ơn gọi siêu nhlên này nhấn mạnh tính cách tương đối trong sự sống trên trần gian của người nam và người nữ. Thực vậy, sự sống này là một thực tại, không phải là “chót” mà là “áp chót”; dù sao cũng là một thực tại thánh thiêng được trao phó cho ta để ta giữ gìn một cách có trách nhiệm và để ta đưa nó tới mức toàn thiện trong tình yêu và trong sự hiến dâng bản thân mình cho Thiên Chúa và cho anh em ta.

Giáo Hội biết rằng Tin Mừng về sự sống đây, đã được Chúa trao cho Giáo Hội (1), gặp thấy âm hưởng sâu sắc và mang tính thuyết phục trong con tim từng người, có tín ngưỡng cũng như không có tín ngưỡng, bởi vì, vượt trên mọi chờ mong, Tin Mừng này đáp ứng một cách rất đáng ngạc nhiên. Mặc dầu nhiều khó khăn và bấp bênh, người nào chân thành mở rộng lòng đón nhận chân lý và điều thiện đều có thể nhờ ánh sáng của lý trí, nếu không kể tới việc nhận biết – theo luật tự nhiên được ghi trong tâm hồn (x. Rm 2,14-15) – giá trị thánh thiêng của sự sống con ngườl, từ khởi điểm tới tận cùng của nó; người chân thành có thể khẳng định quyền của mọi người được thấy người ta tôn trọng toàn vẹn báu vật đầu tiên này của mình. Cuộc chung sống giữa con người và cộng đồng chính trị cũng đặt cơ sở trên sự nhìn nhận quyền sống này.

Việc bảo vệ và làm nổi bật giá trị của quyền sống phải đặc biệt là công việc của những ai tin vào Chúa Kitô, vì ý thức chân lý kỳ diệu mà Công đồng Vatican II nhắc nhớ: “Qua việc Nhập thể, Con Thiên Chúa, một cách nào đó, đã kết hiệp chính mình với bất kỳ con người nào (2). Trong biến cố cứu độ này, nhân loại đã tiếp nhận không những mặc khải về Tình yêu vô cùng của Thiên Chúa Đấng “yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một của Ngài” (Ga 3,16), mà cả mặc khải về giá trị không thể so sánh của mọi nhân vị con người.

Và khi kiên trì tìm hiểu mầu nhiệm Cứu độ, Giáo Hội tiếp nhận giá trị này với sự ngạc nhiên mỗi ngày mỗi mới mế hơn (3). Và Giáo Hội cảm thấy mình được gọi để loan báo cho con người mọi thời đại biết “Tin Mừng” này, là nguồn hy vọng mạnh mẽ và vui mừng chân thực cho từng giai đoạn lịch sử. Tin Mừng về tình yêu của Thiên Chúa dành cho con người. Tin Mừng về phẩm giá con người và Tin Mừng sự sống, là một Tin Mừng duy nhất và bất khả phân chia.

Vì thế con người, con người sống động, tạo nên con đường đầu tiên và căn bản của Giáo Hội (4).

***Những đe dọa mới chống lại sự sống con người***

**3.** Nhờ mầu nhiệm Ngôi Lời Thiên Chúa “đã thành xác phàm”” (x. Ga 1,14), hết thảy mọi người đều được trao phó cho sự săn sóc hiền mẫu của Giáo Hội. Vì thế bất cứ sự đe doạ nào chống lại phẩm giá và sự sống con người cũng xúc phạm tới trái tim của Giáo Hội, sự đe doạ ấy quả là đụng chạm tới Giáo Hội ở ngay trung tâm đức tin của Giáo Hội vào mầu nhiệm Nhập Thể cứu độ của Con Thiên Chúa, và đụng chạm tới sứ mệnh loan báo Tin Mừng về sự sống trên toàn cầu cho mọi loài thụ tạo (x. Mc 16,15).

Ngày nay việc loan báo Tin Mừng lại đặc biệt trở nên cấp bách, vì số lượng gia tăng và mức độ nghiêm trọng rõ rệt của các mối đe doạ sự sống đối với nhiều người và nhiều dân tộc, nhất là khi sự sống này còn non nớt và không có gì bảo vệ. Thêm vào những tai ương đau đớn xưa kia, như cảnh cùng khổ, đói kém, bệnh dịch ở từng miền, bạo lực và chiến tranh, ngày nay lại nảy sinh nhiều tai ương khác, mang hình thái mới lạ và chiều kích đáng sợ hãi.

Trong một trang về hiện trạng thê thảm hiện nay, Công đồng Vatican II đã mạnh mẽ biểu lộ nỗi xót xa trước vô số tội ác và sự mưu sát sự sống con người. Ba mươi năm sau, tôi xin mượn lời của phiên họp khoáng đại Công đồng, để khóc thương một lần nữa, và cũng mạnh mẽ như vậy, nhân danh toàn thể Giáo Hội, và chắc chắn, cũng diễn tả đúng tâm tình của mọi lương tâm ngay thẳng: “Tất cả những gì chống lại sự sống, như mọi thứ giết ngươi, diệt chủng, phá thai, làm chết êm dịu và ngay cả tự tử nữa; tất cả những gì xâm phạm đến sự toàn vẹn của con người, như cưa cắt huỷ hoại một phần cơ thể, tra tấn thể xác hay tinh thần, tìm cách cưỡng bức tâm lý; tất cả những gì xúc phạm đến phẩm giá con người như cảnh sống dưới mức con người (infra-humain), giam tù vô cớ, lưu đầy viễn xứ, bắt làm nô lệ, cảnh mãi dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ em; hoặc những điều kiện làm việc hạ phẩm giá khiến công nhân trở thành ngang hàng với dụng cụ thuần tuý để thu lợi, không màng tới nhân cách tự do và có trách nhiệm của họ: tất cả những đối xử trên và những đối xử tương tự, quả thật là ô nhục. Chúng vừa làm suy đồi văn minh, vừa làm mất phẩm giá những ai thi hành các điều ấy, và hơn nữa phẩm giá những người phải gánh chịu những điều ấy, và chúng đã xúc phạm nặng nề đến vinh danh của Đấng Tạo Hoá”. (5)

**4.** Khốn thay, viễn cảnh đáng lo ngại ấy, không những không thu hẹp lại, mà còn lan rộng mãi ra: với những viễn ảnh do tiến bộ khoa học kỹ thuật mở rộng, người ta thấy phát sinh nhiều hình thức mới xâm phạm phẩm giá con người đồng thời người ta hình thành và sắp xếp một mẫu văn hoá mới, làm cho những tội phạm chống sự sống có thêm một bộ mặt chưa từng có và – nếu có thể – nó còn bất chính hơn nữa; nó gây nên nhiều chuyện nghiêm trọng; nhiều tầng lớp rộng lớn trong dư luận quần chúng biện minh cho một số tội ác chống lại sự sống, nhân danh những quyền tự do cá nhân, và, khởi đi từ giả định trước, họ cho rằng không những họ được miễn tố, mà còn được nhà nước cho phép, để thực hiện những việc ấy, trong sự tự do tuyệt đối và, hơn thế, còn được các dịch vụ y tế can thiệp miễn phí nữa.

Tất cả những điều ấy gây ra một sự thay đối sâu xa trong cách nhìn sự sống và các quan hệ giữa những con người. Sự kiện những luật lệ của nhiều quốc gia, khi được dịp liền bỏ xa những nguyên tắc tạo lập nền Hiến Pháp của họ, đã chấp nhận không trừng phạt, mà hơn nữa, còn cho là hoàn toàn hợp pháp những việc chống phá sự sống, sự kiện ấy vừa là triệu chứng đáng lo ngại, vừa là nguyên nhân không thể coi thường phát sinh sự sụp đổ về luân lý: những chọn lựa mà ngày xưa ai cũng luôn xa tránh, thì ngày nay dần dần trở nên được trân trọng về mặt xã hội! Cả y học, là khoa có sứ mệnh bảo vệ và chăm sóc sự sống con người, cũng luôn sẵn sàng tiếp tay rộng rãi trong một vài lãnh vực cho việc thực hiện các hành vi chống con người; làm như vậy, y học đã tự bóp méo khuôn mặt của mình, mâu thuẫn với chính mình và làm tổn thương phẩm giá những người thực hiện các hành vi ấy. Trong bối cảnh văn hoá và pháp luật như vậy, cả những vấn đề quan trọng về dân số, xã hội và gia đình, đang đè nặng trên nhiều dân tộc trên thế giới và đòi hỏi sự quan tâm có trách nhiệm và hoạt động của các cộng đồng quốc gia và quốc tế, những vấn đề ấy cũng có nguy cơ được giải quyết một cách sai trái và lầm lẫn, đi ngược lại chân lý và lợi ích của các cá chân và các dân tộc.

Kết quả mà người ta đạt được thì thật bi thảm: nếu nhìn vào việc xảy ra hiện tượng loại bỏ biết bao nhân mạng đang nảy sinh hoặc đang trên đường suy thoái, là đặc biệt nghiêm trọng và đáng sợ, thì cũng không kém phần nghiêm trọng và đáng sợ việc chính lương tâm con người, như bị mờ tối đi bởi bấy nhiêu những điều kiện sống tệ hại như vậy, càng thêm khó nhìn ra để phân biệt điều tốt điều xấu, về những điểm liên hệ tới giá trị căn bản của sự sống con người.

***Hiệp thông với tất cả các Giám mục hoàn cầu***

**5.** Vấn đề những đe doạ chống lại sự sống con người trong thời đại ta đã là đối tượng cho Hội nghị bất thuờng của các Hồng Y tại Roma từ ngày 4 đến ngày 7 tháng Tư, năm 1991. Sau khi nghiên cứu sâu rộng vấn đề và các thách đố đối với cả gia đình nhân loại và riêng cộng đồng Kitô giáo, các vị Hồng y đã bỏ phiếu đồng thanh thỉnh cầu tôi, với quyền bính của Người kế vị Thánh Phêrô, tái khẳng định giá tri sự sống con người, và tính bất khả xâm phạm của sự sống ấy, để đáp ứng trước những hoàn cảnh hiện thời cũng như các vụ mưu sát ngày nay đang đe doạ sự sống con người.

Sau khi tiếp nhận thỉnh cầu ấy ngày lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống năm 1991, tôi đã gửi một lá thư riêng tới từng chư huynh trong hàng Giám Mục, để mỗi vị, theo tinh thần giám mục đoàn, góp phần cộng tác với tôi nhằm soạn thảo văn kiện về vấn đề này (6). Các Giám mục đã hồi âm, đã cho tôi những thông tin, những gợi ý và những kiến nghị thật là quí báu. Cũng nhờ cách ấy, các ngài đã mang lại một chứng từ cho việc đồng tâm tham gia chân thành vào sứ mệnh giáo huấn và mục vụ của Giáo Hội trong chủ đề Tin Mừng về sự sống.

Cũng qua lá thư ấy, ít lâu trước ngày Kỷ niệm “Một trăm năm thông điệp Rerum Novarum” tôi đã xin tất cả các ngài chú ý đến một điều tương tự kỳ lạ này: “Cũng như cách đây một thế kỷ, chính giai cấp công nhân bị áp bức trong những quyền lợi căn bản, và Giáo Hội đã bảo vệ họ, bằng cách mạnh dạn tuyên bố những quyền thánh thiêng của con người lao động, thì ngày nay, khi một lớp người khác bị áp bức trong những quyền lợi căn bản về sự sống, Giáo Hội cũng cảm thấy mình phải can đảm như thế để lên tiếng nói thay cho người không có tiếng nói. Giáo Hội luôn luôn nhắc lại tiếng kêu trong Tin Mừng là phải bảo vệ những người nghèo khổ trên thế giới, những người bị đe doạ, bị khinh bỉ, những người không được cho hưởng quyền con người (7).

Ngày nay có muôn vàn con người yếu đuối, không phương tiện tự vệ, bị coi rẻ trong quyền căn bản được sống còn, đặc biệt là trường hợp các hài nhi sắp được sinh ra. Nếu vào cuối thế kỷ trước Giáo Hội không được im lặng trước những bất công ở thời đó, thì ngày nay Giáo Hội càng không thể im lặng, khi mà cùng với những bất công, lại thêm lên, trên nhiều miền ở khắp thế giới, những bất công và những hiện tượng áp bức còn nặng nề hơn, đôi khi được trình bày như là những yếu tố của tiến bộ nhằm tổ chức “trật tự thế giới mới”.

Thông Điệp này là kết quả do sự cộng tác của Hàng Giám mục ở mọi nước trên thế giới, muốn tái khẳng định cách chính xác và mạnh mẽ giá trị của sự sống con người và tính bất khả xâm phạm của sự sống ấy, và đồng thời, nhân danh Thiên Chúa: tha thiết kêu gọi tất cả mọi người và từng người: Hãy tôn trọng, bảo vệ, yêu thương và phục vụ sự sống, toàn diện sự sống con Người! Chỉ trên con đường này, bạn mới gặp được công bình, phát triển, tự do đích thực cũng như hoà bình và hạnh phúc!

Ước mong những lời này đến được với tất cả các con cái của Giáo Hội! Ước mong những lời này tới được mọi người thiện chí đang lo lắng cho lợi ích của từng cá nhân, nam cũng như nữ và cho vận mệnh của toàn xã hội.

**6.** Trong mối hiệp thông sâu xa với từng anh chị em của tôi trong Đức Tin và phấn khởi trong tình thân hữu chân thành với tất cả mọi người, tôì muốn lại được suy niệm và loan báo Tin Mừng về sự sống, là ánh rạng ngời của chân lý soi sáng mọi lương tâm, ánh rạng ngời sinh động chữa trị mọi cái nhìn mờ tối, là nguồn vô tận của sự kiên trì và lòng can đảm để đối diện với những thách đố luôn luôn mới mẻ mà chúng ta gặp trên đường đời.

Và, trong khi tôi suy tư về những cảm nghiệm phong phú sống động trong Năm quốc tế Gia đình, như để đưa ra một kết luận cho lá thư tôi gửi tới “từng gia đình cụ thể của mọi miền trên trái đất” (8), với một niềm tin tưởng mới tôi hướng nhìn tới tất cả các gia đinh và ước mong sự dấn thân của mọi người lại tái sinh và được tăng cường, ở mọi cấp bậc, để nâng đỡ gia đình, ngõ hầu cho ngày nay nữa – giữa biết bao khó khăn và đe doạ nặng nề – gia đình vẫn không ngừng là “cung thánh sự sống” (9), theo ý định của Thiên Chúa.

Với mọi thành phần trong Giáo Hội, dân tộc của sự sống và cho sự sống, tôi gửi lời kêu gọi cấp bách nhất, để tất cả chúng ta có thể mang lại cho thế giới những dấu chỉ mới của Hy Vọng, bằng cách hành động để công lý và tình liên đới được tăng trưởng, để khẳng định một nền văn hoá mới của sự sống con người, để xây dựng nền văn minh chính thực của chân lý và tình thương.

\*\*\*

**CHƯƠNG I**

**TIẾNG MÁU EM NGƯƠI TỪ ĐẤT KÊU ĐẾN TA**

**NHỮNG ĐE DỌA HIỆN NAY CHỐNG LẠI SỰ SỐNG CON NGƯỜI**

***Căn nguyên của bạo lực chống lại sự sống***

***“Ca-in xông đến và giết chết Abel em mình” (St 4,8)***

**7**. Thiên Chúa không tạo nên sự chết, cũng chẳng vui vì các sinh vật bị diệt vong; ngài dựng nên muôn vật, cốt cho chúng được tồn tại … Thật vậy, Thiên Chúa tạo dựng con người để nó sống mãi, Ngài dựng con người theo hình ảnh Ngài. Chính bởi ác quỉ ghen tương mà sự chết đã xâm nhập thế gian; những ai thuộc về nó, đều kinh nghiệm đều đó (Kn 1,13-14; 2,23-24).

Tin Mừng về sự sống, được công bố ngay từ nguyên thuỷ với việc tạo dựng con người theo hình ảnh Thiên Chúa nhằm đạt đến một cuộc sống sung mãn và hoàn hảo (xem St 2,7; Kn 9,2-3), đã bị chống đối bởi kinh nghiệm đau thương về sự chết, sự chết ấy đã xâm nhập vào thế gian, và gieo rắc sự tối tăm phi lý trên cuộc sống con người. Sự chết xâm nhập thế gian bởi ác quỉ ghen tương (xem St 3,1.4-5) và bởi ông bà nguyên tổ phạm tội (xem St 2,17; 3,17-19). Sự chết còn xâm nhập thế gian một cách ác liệt, tại vì Ca-in đã giết Abel em mình: “Vừa khi ra tới đồng vắng, Cain xông đến và giết chết Abel em mình” (St 4,8).

Sự giết người đầu tiên này được trình bày cách đặc biệt hùng hồn trong một trang tiêu biểu của sách Sáng Thế, một trang không ngừng được viết lại hằng ngày trong quyển lịch sử của các dân tộc, một cách thường xuyên tệ hại hơn.

Chúng ta cũng hãy đọc lại trang sách Thánh Kinh này, tuy cổ xưa và hết sức bình dị, nhưng đặc biệt phong phú về giáo huấn:

“A-ben làm nghề chăn chiên, còn Ca-in làm nghề cày cấy đất đai. Sau một thời gian, Ca-in lấy hoa màu của đất đai làm lễ vật dâng lên ÐỨC CHÚA. A-ben cũng dâng những con đầu lòng của bầy chiên cùng với mỡ của chúng. ÐỨC CHÚA đoái nhìn đến A-ben và lễ vật của ông, nhưng Ca-in và lễ vật của ông thì Người không đoái nhìn. Ca-in giận lắm, sa sầm nét mặt. ÐỨC CHÚA phán với Ca-in: “Tại sao ngươi giận dữ? Tại sao ngươi sa sầm nét mặt? Nếu ngươi hành động tốt, có phải là ngươi sẽ ngẩng mặt lên không? Nếu ngươi hành động không tốt, thì tội lỗi đang nằm phục ở cửa, nó thèm muốn ngươi; nhưng ngươi phải chế ngự nó.” Ca-in nói với em là A-ben: “Chúng mình ra ngoài đồng đi! ” Và khi hai người đang ở ngoài đồng thì Ca-in xông đến giết A-ben, em mình. ÐỨC CHÚA phán với Ca-in: “A-ben em ngươi đâu rồi? ” Ca-in thưa: “Con không biết. Con là người giữ em con hay sao?” ÐỨC CHÚA phán: “Ngươi đã làm gì vậy? Từ dưới đất, tiếng máu của em ngươi đang kêu lên Ta! Giờ đây ngươi bị nguyền rủa bởi chính đất đã từng há miệng hút lấy máu em ngươi, do tay ngươi đổ ra. Ngươi có canh tác đất đai, nó cũng không còn cho ngươi hoa màu của nó nữa. Ngươi sẽ lang thang phiêu bạt trên mặt đất.” Ca-in thưa với ÐỨC CHÚA: “Hình phạt dành cho con quá nặng không thể mang nổi. Ðây, hôm nay Ngài xua đuổi con khỏi mặt đất. Con sẽ phải trốn tránh để khỏi giáp mặt Ngài, sẽ phải lang thang phiêu bạt trên mặt đất, và bất cứ ai gặp con sẽ giết con.” ÐỨC CHÚA phán với ông: “Không đâu! Bất cứ ai giết Ca-in sẽ bị trả thù gấp bảy.” ÐỨC CHÚA ghi dấu trên Ca-in, để bất cứ ai gặp ông khỏi giết ông. Ông Ca-in đi xa khuất mặt ÐỨC CHÚA và ở tại xứ Nốt, về phía đông Ê-đen.” (St 4,2-16).

**8**. Ca-in “căm giận lắm” và “xịu mặt lại” bởi vì “Thiên Chúa đoái nhận Abel và lễ vật anh dâng” (St 4,4). Bản văn Kinh Thánh không tiết lộ nguyên do vì sao Thiên Chúa quý chuộng hiến lễ của Abel hơn hiến lễ của Ca-in: tuy nhiên bản văn trình bày rõ ràng rằng: trong khi quý chuộng hiến vật của Abel, Thiên Chúa vẫn không cắt đứt cuộc đối thoại với Ca-in. Trong khi nhắc lại cho hắn về sự tự đo trước sự dữ: Ngài khuyến cáo hắn rằng: con người không hề được tiền định để làm điều dữ. Thật vậy, như Ađam xưa kia, Ca-in đã bị quyền lực ác hại của tội lỗi cám dỗ, thứ tội lỗi giống như một con vật hung dữ, ẩn nấp ngay trước cửa lòng anh ta, chờ chực đúng lúc xông vào con mồi. Còn Ca-in thì vẫn tự do trước tội lỗi. Anh ta có thể và phải chế ngự tội lỗi: “Nó thèm muốn người, nhưng ngươi, hãy chế ngự nó!” (St 4,7).

Sự ghen tương và cơn giận dữ đã thắng Ca-in trước lời khuyến cáo của Thiên Chúa, bởi đó cho nên Ca-in xông đến và giết chết em mình. Như chúng ta đọc được điều này trong sách Giáo lý của Giáo Hội Công giáo: “Trong câu chuyện Ca-in giết chết Abel, Kinh Thánh mặc khải ngay từ buổi đầu lịch sử nhân loại là trong con người đã hiện diện cơn giận dữ và lòng tham lam, hậu quả của tội nguyên tổ. Con người trở nên thù địch của kẻ đồng loại”. (10)

Anh giết em. Như trong tội huynh đệ tương tàn đầu tiên này, trong tất cả mọi tội giết nguời, tình thân tộc “thiêng liêng” bị xâm phạm, tình thân tộc liên kết mọi người thành một đại gia đình tất cả cùng chia sẻ một điều thiện hảo duy nhất và căn bản đó là một phẩm giá ngôi vị ngang nhau. Cũng không hiếm trường hợp tình thân tộc “máu mủ” bị xâm phạm một cách tương tự, ví dụ như khi những đe doạ chống lại sự sống phát triển trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái: đó là trường hợp phá thai, hay trong toàn cảnh gia đình hoặc thân tộc rộng lớn hơn, trường hợp hưởng ứng hoặc khuyến khích việc làm cho chết êm dịu.

Ở nguồn gốc của mọi bạo lực chống lại tha nhân, có việc nhượng bộ cái suy luận của Ác thần, tức là của “tên sát nhân từ ban đầu” (Ga 8,44), Như tông đồ Gioan nhắn nhủ chúng ta: “Vì đây là lời loan báo mà anh em đã nghe từ đầu rằng: chúng ta hãy thương yêu nhau, đừng như Ca-in, nó là người của Ác thần, nên đã giết em mình (1 Ga 3,11-12). Như vậy tội giết em ngay từ khởi nguyên lịch sử là một bằng chứng đáng buồn về cách thức mà theo đó sự dữ phát triển nhanh chóng đến mức kinh ngạc: thêm vào sự phản nghịch của con người chống lại Thiên Chúa nơi vườn địa đàng, là cuộc tử chiến của con người chống lại con người.

Sau khi xảy ra tội ác, Thiên Chúa can thiệp để trả thù cho nạn nhân. Đối diện với Thiên Chúa, Đấng hạch hỏi hắn về số phận của Abel, Ca-in, thay vì tỏ ra bối rối và cầu xin ơn tha thứ, lại kiêu căng tránh né vấn đề: “Tôi không biết. Tôi là người bảo vệ em tôi sao?” (St 4,9) – “Tôi không biết”: Ca-in gian dối tìm cách che đậy tội ác. Chính như vậy đó mà điều này đã thường xảy ra và vẫn còn xảy ra khi những lý luận rất khác biệt nhau đang được dùng để biện minh và bao che cho những tội ác ghê tởm nhất vẫn luôn mãi chống lại con người. “Tôi là người bảo vệ em tôi sao?” – Ca-in không màng nghĩ đế em mình và từ chối lãnh nhận trách nhiệm của mọi người về một người. Tức khắc ta nghĩ đến những khuynh hướng hiện tại đang làm cho con người quên mất trách nhiệm của mình đối với đồng loại: ta có rất nhiều triệu chứng, trong số đó là triệu chứng mất tình liên đới đối với những thành phần yếu đuối nhất của xã hội như những người lớn tuổi, bệnh nhân, người tị nạn, trẻ em; tiếp đến là triệu chứng vô cảm mà ta thường nhận thấy trong các mối quan hệ giữa các dân tộc, ngay cả khi liên quan đến những giá trị căn bản như sự sống, tự do và hoà bình.

**9**. Nhưng Thiên Chúa không thể để cho tội ác không bị trừng phạt: từ mặt đất nơi máu đã đổ ra, máu của nạn nhân kêu nài Thiên Chúa thực thi công lý (x. St 37,26; Is 26,21; Ed 24,7-8). Từ bản văn này, Giáo Hội đã rút ra cách nói: “Tội lỗi kêu nài Thiên Chúa báo thù”, và Giáo Hội bao gồm trong đó trước tất cả, tội cố ý sát nhân (12). Đối với dân Do Thái cũng như đối với nhiều dân tộc thời Thượng Cổ, máu chính là sự sống” (Đnl 12,23) và sự sống, nhất là con người, chỉ thuộc quyền Thiên Chúa; bởi vậy ai xâm phạm đến sự sống con người thì, một cách nào đó, xâm phạm đến chính Thiên Chúa.

Thiên Chúa chúc dữ Ca-in và ngay cả ruộng đất cũng chẳng cho hắn hoa trái (x. St 4,11-12). Và Ca-in bị trừng phạt: hắn đến ở trong đồng hoang và sa mạc. Bạo lực giết nguời thay đổi tận gốc khung cảnh cuộc sống con người. Ruộng đất, trước kia là “Vườn Eden” (St 2,15), nơi phì nhiêu sung túc, nơi gặp gỡ thanh thản và thân tình giữa con người với Thiên Chúa, giờ đây trở nên “Xứ Nod” (St 4,16), chốn “cùng cực”, hoang vắng và xa cách Thiên Chúa. Ca-in sẽ là “kẻ lang thang khắp cùng trái đất” (St 4,14): sự bất ổn, tính thất thường không ngừng đeo đuổi hắn.

Thế nhưng Thiên Chúa, Đấng luôn luôn nhân hậu ngay cả khi Ngài trừng phạt, “đặt một dấu trên Ca-in, để người đầu tiên bắt gặp, không giết hắn” (St 4,15): Thiên Chúa ban cho Ca-in một dấu đặc biệt, không nhằm mục đích đày đoạ cho hắn bị những người khác ruồng rẫy, mà để hắn được bảo vệ và bênh vực khỏi những kẻ muốn giết hắn, dù là để trả thù cho cái chết của Aben. Tuy là tên sát nhân, nhưng Ca-in vẫn giữ phẩm giá cá biệt của mình và chính Thiên Chúa bảo đảm cho phẩm giá đó. Rõ ràng ở đây biểu lộ huyền nhiệm trái nghịch của sự công bằng đầy khoan dung của Thiên Chúa, như thánh Ambrôsiô đã viết: “Vừa khi xảy ra cuộc huynh đệ tương tàn, tức là tội nặng nhất trong các thứ tội, đúng vào lúc mà tội lỗi len lỏi vào, tức khắc giới luật khoan dung của Thiên Chúa được mở rộng: vì rằng, nếu phạm nhân bị trừng trị ngay lập tức, thì loài người, khi họ trừng phạt, cũng sẽ không thể tỏ ra khoan dung nhân hậu, mà họ sẽ thẳng tay trừng trị ngay phạm nhân. (…) Thiên Chúa đuổi Ca-in đi xa khỏi mặt Ngài và, bởi vì hắn bị thân nhân ruồng bỏ, Thiên Chúa đưa hắn đi xa giống như đày hắn vào nơi cách ly, vì lẽ hắn đã để mất sự ôn hoà hiền hậu của loài người mà mặc lấy sự hung dữ tàn bạo của loài thú hoang dã. Dù vậy, Thiên Chúa không muốn trừng phạt tên sát nhân bằng sự sát nhân, bởi vì Ngài muốn tội nhân ăn năn hối lỗi hơn là phải chết” (13).

***Thiếu vắng giá trị của sự sống***

***“Ngươi đã làm gì thế?” (St 4,10)***

**10**. Chúa phán bảo Ca-in: “Người đã làm gì thế? Hãy nghe tiếng máu của em ngươi đã từ đất kêu đến ta” (St 4,10). Tiếng máu do tay con người đổ ra không ngừng kêu than, từ đời nọ sang đời kia, vang lên những cung điệu, những âm sắc khác nhau và luôn luôn mới mẻ.

Câu Chúa hỏi: “Ngươi đã làm gì thế?” mà Ca-in không thể tránh né, cũng là câu Chúa hỏi con người thời nay, để con người ý thức về sự lan rộng và tính nghiêm trọng của mọi xâm phạm đến sự sống đang tiếp tục ghi dấu sâu đậm trên lịch sử loài người. Câu hỏi ấy được gửi tới con người để họ tìm ra vô số nguyên nhân gây nên và nuôi dưỡng những xâm phạm nầy, và để họ suy nghĩ một cách hết sức nghiêm túc về những hậu quả từ đó phát sinh cho sự tồn tại của mọi người và mọi dân tộc.

Một số đe doạ đến từ thiên nhiên, và thường thuờng con người có thể cữu vãn được, nhưng chúng lại trở nên trầm trọng hơn bởi con nguời cố tình chểnh mãng, không lo chạy chữa; có những đe doạ khác, trái lại, đã xảy đến từ những tình trạng bạo động, hận thù hoặc từ những quyền lợi đối nghịch xô đẩy nhóm người này tấn công nhóm người kia, lao mình vào tội giết người, vào chiến tranh, vào các cuộc chém giết hoặc những cuộc diệt chủng.

Và làm sao không kể đến bạo lực chống lại sự sống của hàng triệu sinh linh, nhất là của trẻ em, là nạn nhân của sự bần cùng, thiếu dinh dưỡng và đói khát, nguyên do vì sự phân phối của cải không công bằng giữa các dân tộc và giữa các giai cấp xã hội? Hoặc là, ngay trước khi xuất hiện trong chiến tranh, bạo lực đã gắn liền với việc mua bán các loại vũ khí, tạo thuận lợi cho cuộc leo thang của biết bao xung đột quân sự đẫm máu trên thế giới ? Hay còn nữa, việc truyền bá các mầm mống của sự chết được tác động bởi sự xuống cấp vô tâm của những cân bằng sinh thái, bởi sự bành trướng đầy tội ác của ma tuý hay bởi việc khuyến khích các loại hình sinh hoạt tính dục mà, ngoài việc chúng không thể được chấp nhận về phương diện luân lý, chúng còn cho thấy trước những hiểm hoạ nặng nề đối với sự sống ? Không thể nào kể ra cho hết được một tràng dài những đe doạ chống lại sự sống con người, vì trong thời đại chúng ta những đe doạ ấy được che đậy dưới rất nhiều hình thức, hoặc được công bố rõ ràng hoặc ém nhẹm phỉnh gạt.

**11**. Nhưng chúng ta, muốn đặc biệt tập trung chú ý về một loại hình thức khác của những việc xâm phạm, liên quan đến sự sống vừa mới nẩy sinh cũng như sự sống vào những giờ phút cuối cùng; những thứ xâm phạm này mang những đặc trưng mới mẻ so với quá khứ và khơi dậy nhiều vấn đề đặc biệt nghiêm trọng: bởi sự việc chúng hướng tới chỗ làm biến mất đi khỏi lương tâm quần chúng tính cách “tội ác” của chúng, và mặc lấy một cách trái nghịch tính cách “quyền lợi”, đến nỗi người ta đòi hỏi từ phía Nhà nước một sự công nhận đích thật, thực chất và hợp pháp và, tiếp theo đó, đòi hỏi được đưa ra thực hiện nhờ vào sự can thiệp không phải trả tiền của chính các nhân viên y tế. Những sự xâm phạm ấy đánh thẳng vào sự sống con người trong những hoàn cảnh hết sức bấp bênh, khi mà sự sống thiếu mọi khả năng tự vệ. Sự việc càng nghiêm trọng hơn nữa khi mà, phần lớn những xâm phạm này được thực hiện ngay bên trong gia đình, nơi mà, trái lại do bởi cơ cấu của nó, được gọi là “cung thánh của sự sống”.

Làm sao người ta có thể đi đến một tình trạng như thế ? Phải để ý đến nhiều yếu tố. Ở hậu trường là sự khủng hoảng sâu sắc của nền văn minh làm nẩy sinh mối hoài nghi đối với chính mình những nền tảng của tri thức và luân lý đạo đức, và ngày càng gây khó khăn đối với cảm nhận rõ ràng ý thức về con người, về những quyền lợi, bổn phận của con người. Thêm vào đó những khó khăn rất khác biệt trong cuộc hiện sinh, trong giao tiếp, được đánh dấu bởi thực tế của một xã hội hỗn tạp trong đó các cá nhân, các cặp vợ chồng, các gia đình thường thường bị đơn độc trước những vấn đề của họ. Cũng có những hoàn cảnh nguy cập vì nghèo khổ, lo âu hay cùng cực trong đó sức cố gắng để sinh tồn đã quá mức, nỗi đau đã vượt sức chịu đựng, trong đó những bạo lực phải chịu, đặc biệt những bạo lực xúc phạm đến phụ nữ, đòi buộc, đôi khi tới mức anh hùng, những sự lựa chọn nhằm bênh vực và thăng tiến sự sống.

Tất cả điều đó cho thấy, ít ra một phần, rằng ngày nay có thể là như đang thiếu vắng giá trị của sự sống, dù rằng lương tâm không ngừng phơi bày sự sống là thánh thiêng và bất khả xâm phạm. Chính từ sự kiện đó, người ta nhận thấy phải cố gắng che giấu một số những xúc phạm đối với sự sống, với sự sống vừa nảy sinh hoặc đối với sự sống ở vào những giây phút cuối cùng, bằng những thuật ngữ vay mượn ở ngữ vựng về sức khoẻ nhằm đánh lạc hướng cái nhìn về vấn đề trong cuộc là quyền sinh tồn của một con người cụ thể.

**12**. Thực ra, nếu nhiều khía cạnh quan trọng của vấn đề xã hội hiện nay có thể giải thích bằng một cách nào đó bầu khí luân lý bất ổn mù mờ và đôi khi giảm nhẹ trách nhiệm cá nhân nơi một số người, thì cũng không kém phần chân thực rằng chúng ta đang đối đầu với một thực tại rộng lớn hơn mà người ta có thể coi như là một cơ cấu thực thụ của tội lỗi, đặc trưng bởi ưu thế của một nền văn hoá trái nghịch với tình liên đới, nền văn hoá nầy tự biểu lộ trong nhiều trường hợp như một “nền văn hoá thực thụ của sự chết”. Nền văn hoá sự chết này được tích cực khích lệ bởi những trào lưu văn hoá, kinh tế và chính trị mang phần nào quan niệm thực dụng của xã hội.

Nhìn vào các sự việc theo quan điểm trên, ta có thể, bằng một cách nào đó, nói về một cuộc chiến của những kẻ có quyền lực chống lại những kẻ yếu đuối; sự sống đáng lý cần đượcc tiếp đón, yêu thương và chăm sóc, thì bị xem là vô tích sự hoặc bị coi như một gánh nặng không kham nổi, và bởi vậy sự sống bị từ chối bằng nhiều cách. Do đau ốm, tật nguyền hay đơn giản hơn nhiều, do chính sự có mặt của mình, ai mà động chạm đến sự yên thân hay những tập quán sinh sống của những người được ưu đãi hơn, sẽ bị coi như một kẻ thù cần phải đề phòng hoặc phải loại bỏ. Như thế bung ra một “âm mưu chống lại sự sống”. Âm mưu này không chỉ liên quan đến con người trong những mối quan hệ cá nhân, gia đình hoặc đoàn thể mà còn đi xa hơn nữa, đến độ lay chuyển và làm biến dạng, trên bình diện quốc tế, những quan hệ giữa các dân tộc và giữa các chính phủ.

**13**. Để tiếp tay cho việc thực hiện phá thai được lan rộng hơn, người ta đã đầu tư và tiếp tục đầu tư những số tiền đáng kể nhằm cập nhật việc bào chế các loại thuốc có thể giết chết phôi thai ngay trong bụng mẹ mà không cần phải nhờ đến bác sĩ. Về điểm nầy, chính sự nghiên cứu khoa học xem ra gần như chỉ chuyên tâm sản xuất những dược phẩm mỗi ngày mỗi đơn giản và hữu hiệu hơn chống lại sự sống và, đồng thời, có khả năng tránh cho sự phá thai khỏi mọi hình thức kiểm soát và trách nhiệm xã hội.

Người ta thường xác quyết rằng việc ngừa thai, đã trở nên chắc chắn có kết quả và dễ thực hiện đối với mọi người là phương cách hữu hiệu nhất để khỏi phá thai. Người ta cũng tố cáo Giáo hội Công giáo trong thực tế đang ủng hộ phá thai bởi vì Giáo Hội không ngừng cương quyết truyền dạy tính bất hợp pháp về luân lý của việc ngừa thai. Nhìn kỹ vấn đề, lời tố cáo này thực ra lại đáng quí. Quả thực, có thể rằng nhiều trong số những người sử dụng các phương tiện ngừa thai, cũng có ý tránh chuớc cám dỗ phá thai về sau. Nhưng mà những giá trị trái ngược hiện hữu trong “tầm mức ngừa thai” rất khác biệt với công việc đầy trách nhiệm của tình cha tình mẹ, thực hiện trong sự tôn trọng lẽ phải toàn vẹn của hành vi hôn nhân. Những giá trị trái ngược đó càng làm cho chước cám dỗ phá thai trở nên mãnh liệt, khi phải đối đầu với sự cưu mang ngẫu nhiên một sự sống không được mong ước. Kỳ thực, nền văn hoá thúc đẩy đến việc phá thai đã đặc biệt phát triển trong các giới từ chối giáo huấn của Giáo Hội về việc ngừa thai. Thực vậy, về phương diện luân lý, ngừa thai và phá thai là những điều ác có biệt tính khác nhau: ngừa thai đối kháng với lẽ phải toàn vẹn của hành vi tính dục như cách biểu lộ đặc trưng của tình yêu trong hôn nhân, còn phá thai thì huỷ diệt sự sống của một con người; ngừa thai đối nghịch với nhân đức khiết tịnh trong hôn nhân, phá thai đối nghịch với nhân đức công bằng và vi phạm trực tiếp giới răn của Thiên Chúa: “Chớ giết người”.

Nhưng mà, ngay với bản chất và trách nhiệm luân lý khác biệt này, ngừa thai và phá thai rất thường liên kết chặt chẽ với nhau như những trái của cùng một cây. Thật ra thì cũng có những trường hợp trong đó người ta phảl đi đến ngừa thai và ngay cả phá thai vì sự thúc bách của nhiều khó khăn trong cuộc sống, tuy nhiên những khó khăn nầy không bao giờ có thể châm chước việc tuân giữ trọn vẹn giới luật của Thiên Chúa. Nhưng mà, trong rất nhiều trường hợp khác, việc thực hành ngừa thai và phá thai đang đâm rễ sâu vào tâm lý hưởng thụ khoái lạc và sự vô trách nhiệm trong vấn đề tính dục; những việc thực hành nầy giả thiết một quan niệm ích kỷ về tự do, chỉ thấy trong việc sinh đẻ một trở ngại cho sự phát triển nhân vị của mỗi người. Như thế sự sống đã có thể nảy sinh từ quan hệ tính dục lại trở thành kẻ thù cần phải tuyệt đối tránh xa; và phá thai trở nên giải pháp duy nhất có thể và là phương cách xử lý trong trường hợp bị vỡ kế hoạch.

Tiếc thay, ngày càng bộc lộ lõ nét sự liên quan chặt chẽ mà ta thường bắt gặp trong mọi tâm trạng giữa việc thực hành phá thai và ngừa thai; và điều này càng được xác định một cách báo động bởi sự cập nhật việc bào chế các chất hoá học, các dụng cụ đặt trong tử cung và các thứ vác-xanh; những thứ đó càng được phân phát dễ dàng như các phương tiện tránh thai ngay từ giai đoạn phát triển đầu tiên của sự sống nơi một con người mới.

**14**. Ngay cả các kỹ thuật truyền sinh nhân tạo khác nhau là những kỹ thuật duờng như phục vụ sự sống và là những thực hành nhắm đến mục tiêu này, thực tế cũng đang mở ra những cách thức mới chống lại sự sống. Ngoài việc các kỹ thuật này không thể chấp nhận được về mặt luân lý bởi vì chúng tách rời sự truyền sinh thuộc lãnh vực hoàn toàn nhân bản khỏi hành vi vợ chồng (14), chúng còn có tỷ lệ thất bại cao, không những trong việc thụ tinh mà còn trong việc phát triển sau này của phôi, có nguy cơ tử vong trong thời gian thường là rất ngắn. Hơn nữa, đôi khi người ta sản xuất phôi với số lượng nhiều hơn nhu cầu để cấy vào tử cung của phụ nữ và các “phôi dư” này, như người ta gọi, sau đó bị loại bỏ hoặc được dùng như những cuộc nghiên cứu dưới danh nghĩa vì sự tiến bộ khoa học hoặc y học. Thực ra đây là những cuộc nghiên cứu biến sự sống con người thành một thứ “chất liệu sinh học” đơn giản mà người ta có thể tuỳ ý sử dụng một cách tự do.

Việc chẩn đoán tiền sản, không làm nổi lên những khó khăn luân lý nếu nó được thực hiện để xác định những săn sóc nếu có đối với em bé chưa sinh ra, lại trở nên rất thường trở nên dịp để đề nghị phá thai và gây ra phá thai. Chính việc phá thai có tính cách ưu sinh, mà việc hợp pháp hoá trong dư luận chung phát sinh từ một tâm trạng – được nhận thức sai lầm rằng đó là hoà hợp với những đòi hỏi “chữa bệnh” – chỉ tiếp đón sự sống theo một số điều kiện nào đó và từ chối sự giới hạn, tàn phế, tật nguyền.

Trong khi theo đuổi cùng cái logíc đó, người ta đi đến chỗ từ chối những săn sóc thông thường sơ đẳng nhất và ngay cả thức ăn đối với những trẻ em sinh ra đã mang tật nguyền hoặc những chứng bệnh nặng. Hơn nữa, bối cảnh hiện nay còn trở nên bối rối hơn nữa vì những đề nghị được đưa ra đây đó trong cùng lãnh vực của quyền phá thai, cả đến giết con mới sinh nữa, là điều làm quay trở lại một giai đoạn man rợ mà người ta hy vọng đã vượt qua vĩnh viễn rồi.

**15**. Những đe doạ không kém nặng nề cũng đè nặng trên những người mắc bệnh bất khả trị và trên những người hấp hối, trong một bối cảnh xã hội và văn hoá là bối cảnh, khi gia tăng sự khó khăn trong việc đương đầu và chịu đựng đau khổ, đã làm cho mạnh mẽ hơn cám dỗ giải quyết vấn đề đau khổ bằng cách loại bỏ sự đau khổ đến tận gốc bằng việc giúp cho chết sớm đi vào lúc được xem là thuận tiện nhất.

Xét đến sự chọn lựa này, thường cũng gặp những yếu tố có bản chất khác nhau là những yếu tố, tiếc thay, đồng quy ở kết cục kinh khủng do kinh nghiệm đau đớn dữ dội và kéo dài, có thể có tính cách quyết định. Điều này thử thách thế quân bình đôi khi không vững vàng của cuộc sống cá nhân và gia đình, bởi vì, một đàng, bệnh nhân có nguy cơ cảm thấy bị đè nặng do sự mỏng dòn của mình mặc dù hiệu quả ngày càng cao của cơ quan y tế và cứu tế xã hội; đàng khác, bởi vì, nơi những người có liên hệ trực tiếp với bệnh nhân, điều này có thể tạo nên một tình cảm thương xót có thể được cảm nhận rõ mặc dù tình cảm đó bị hiểu sai. Tất cả những điều đó làm cho ra trầm trọng do môi trường văn hoá không nhận thức được ý nghĩa cũng như giá trị nào trong đau khổ, trái lại xem đau khổ là điều ác tiêu biểu nhất phải loại bỏ bằng bất cứ giá nào; điều đó đặc biệt được gặp thấy trong các trường hợp không có một quan điểm tôn giáo nào để có thể giúp hiểu một cách tích cực mầu nhiệm đau khổ.

Nhưng trong toàn bộ bối cảnh văn hoá, cũng không thiếu sự cân nhắc việc con người có thái độ của thần Promêthê tin có thể tự phong mình là chủ của sự sống và sự chết, bởi vì con người định đoạt chúng, trong khi thực tế con người bị thua và bị đè bẹp do một cái chết đóng lại mọi viễn tượng về ý nghĩa và hy vọng một cách không thể đảo ngược được. Chúng ta thấy điều này biểu lộ một cách bi thảm trong việc phát triển cái chết êm dịu có tính cách che giấu và lừa lọc, hoặc được thực hiện công khai và thậm chí được hợp pháp hoá. Ngoài việc được xem là thương bệnh nhân bị đau khổ, đôi khi cái chết êm dịu được biện minh bằng lợi ích, đó là tránh cho xã hội những tiêu tốn phi sản xuất. Như thế người ta dự kiến loại bỏ các trẻ sơ sinh dị dạng, các người tàn tật nặng hoặc không có khả năng, các người già, nhất là nếu họ không có tự do, và các bệnh nhân ở vào giai đoạn cuối. Chúng ta không được phép im lặng trước những hình thức chết êm dịu khác xảo trá hơn nhưng không kém trầm trọng và có thực. Những hình thức này có thể được trình bày chẳng hạn như nếu, để có được nhiều hơn nữa các bộ phận trong cơ thể cho việc ghép ráp, người ta tiến hành lấy các bộ phận này mà không tôn trọng các tiêu chuẩn khách quan thích hợp để xác minh rằng người hiến tặng thực sự đã chết.

**16**. Thông thường các đe doạ và xâm phạm sự sống được liên kết với một hiện tượng có tính thời sự, đó là hiện tượng dân số. Hiện tượng này xảy ra mỗi nơi mỗi khác trên trái đất: tại các nước giầu và phát triển, người ta ghi nhận sinh suất giảm sút một cách đáng lo ngại, ngược lại, thường thường các nước nghèo có tỉ lệ gia tăng dân số cao, khó có thể chịu đựng được trong bối cảnh phát triển thấp về mặt kinh tế và xã hội, hoặc thậm chí dưới mức phát triển trầm trọng. Đứng trước tình trạng dân số quá đông của các nước nghèo, thì, trên bình diện quốc tế hiện đang thiếu những sự can thiệp có tính cách toàn cầu – như các chính sách gia đình và xã hội nghiêm túc, các chương trình phát triển văn hoá cũng như việc sản xuất và phân phối tài nguyên một cách công bằng -, trong khi đó người ta lại tiếp tục thực hiện các chính sách chống sinh sản.

Ngừa thai, triệt sản và phá thai dĩ nhiên phải được kể vào trong số nguyên nhân góp phần vào việc gây ra các tình hình chống sinh sản một cách mạnh mẽ. Người ta có thể dễ dàng bị cám dỗ dùng đến các phương pháp này và những xâm phạm đến sự sống trong các hoàn cảnh “bùng nổ dân số”.

Cảm thấy lo lắng do sự hiện diện và sinh sôi nẩy nở của con cái Israel, vua Ai Cập thời cổ đại tìm mọi cách đàn áp họ và ra lệnh giết tất cả các con trai do những người phụ nữ Do Thái sinh ra (x. Xh 1,7-22). Nhiều người có quyền lực trên thế giới hiện nay cũng xử sự theo cách đó. Họ cũng cảm thấy lo lắng về sự phát triển dân số hiện tại và họ sợ các dân tộc sinh sản nhiều nhất và nghèo nhất đang đe doạ sự sung túc và sự yên ổn của đất nước họ. Do đó thay vì muốn đương đầu và giải quyết các vấn đề nghiêm trọng này trong sự tôn trọng phẩm giá của con người và của gia đình, cũng như sự tôn trọng quyền bất khả xâm phạm của mọi người là được sống, thì họ lại muốn làm mọi cách thúc đẩy và áp đặt một sự kế hoạch hoá rộng rãi việc sinh sản. Có một điều kiện bất công đó là người ta sẵn sàng viện trợ nhân đạo nếu nước nhận viện trợ chấp nhận chính sách chống sinh sản.

**17**. Nhân loại thời nay bày ra một cảnh tượng thật sự đáng báo động khi chúng ta không chỉ nhìn vào những lĩnh vực khác nhau trong đó những vi phạm chống lại sự sống đang phát triển mà còn số lượng những xâm phạm này nữa, cũng như sự hỗ trợ và nhất trí mạnh mẽ của xã hội, của luật pháp, của một bộ phận nhân viên y tế.

Như tôi đã nhấn mạnh điều này tại Denver nhân dip ngày Quốc tế giớí trẻ lần thứ VIII, “các đe doạ chống lại sự sống không giảm bớt theo thời gian. Trái lại, chúng mang những chiều kích to lớn. Đây không chỉ là những đe doạ đến từ bên ngoài, từ những sức mạnh của thiên nhiên hoặc của những “Cain” giết chết những “Abel”; không, đây là những đe doạ được soạn thảo một cách khoa học và có hệ thống. Thế kỷ thứ 20 sẽ là một thời kỳ tấn công rộng rãi chống lại sự sống, một loạt vô tận những cuộc chiến đấu và một sự tàn sát thường xuyên sự sống của những con người vô tội. Các tiên tri giả và các ông thầy giả đã thu được thành công lớn nhất (15). Ngoài những mục tiêu có thể là đa dạng, và có tính thuyết phục cả đến nhân danh tình liên đới, thực ra chúng ta đang đứng trước một điều khách quan đó là “âm mưu chống lại sự sống”, trong đó người ta thấy bao gồm những thể chế quốc tế gắn liền với việc cổ võ và vạch ra những chiến dịch thực sự nhằm phổ biến ngừa thai, triệt sản và phá thai. Cuối cùng, người ta không thể chối cãi rằng các phương tiện truyền thông thường đồng loã với âm mưu này bằng cách truyền bá trong dư luận quần chúng một tâm trạng coi việc sử dụng ngừa thai, triệt sản, phá thai và thậm chí chết êm dịu như một dấu hiệu của sự tiến bộ và chinh phục tự do, trong khi người ta mô tả những quan điểm vô điều kiện ủng hộ sự sống như là những kẻ thù của tự do và tiến bộ.

***Một quan niệm đồi bại về tự do***

***“Tôi đâu phải là người bảo vệ em tôi?” (St 4,9)***

**18**. Toàn cảnh mà người ta đã mô tả đòi hỏi được hiểu không những trên quan điểm các hiện tượng của cái chết làm rõ nét nó mà còn trên quan điểm nhiều nguyên nhân xác định nó. Câu hỏi của Chúa “Ngươi đã làm gì?” (St 4,10) dường như là một lời kêu gọi nói với Cain để anh ta vượt lên trên tính chất thể của hành vi giết người của anh ta nhằm nắm bắt được sự nghiêm trọng của hành vi đó trên bình diện các động cơ ban đầu và các hậu quả tiếp theo.

Việc chọn lựa chống lại sự sống đôi khi phát sinh do những hoàn cảnh khó khăn hay thậm chí bi đát của sự đau khổ lớn lao, cô đơn, vô phương có hy vọng cải thiện về kinh tế, sự suy sụp tinh thần, lo âu đến tương lai. Những hoàn cảnh như thế có thể giảm thiểu đáng kể trách nhiệm cá nhân và tội lỗi phát sinh từ đó nơi những kẻ thực hiện những chọn lựa này mà tự chúng là những lựa chọn mang tính tội phạm. Tuy nhiên, ngày nay vấn đề còn vượt lên trên việc công nhận, đây đúng là điều cần thiết, các hoàn cảnh cá nhân này. Vấn đề cũng còn được đặt ra trên các bình diện văn hoá, xã hội và chính trị, và chính ở đó xuất hiện khía cạnh đảo lộn và gây ra bối rối nhất, vì cái khuynh hướng, luôn được chấp nhận rộng rãi hơn giải thích các tội ác chống lại sự sống như là những biểu lộ hợp pháp của tự do cá nhân, mà người ta sẽ phải công nhận và bảo vệ như là những quyền thực sự.

Như vậy, sau khi khám phá ra tư tưởng “quyền con người” – như là quyền bẩm sinh của tất cả mọi người có trước mọi định chế và mọi luật pháp của các quốc gia – người ta đi đến một khúc quanh những hậu quả bi thảm trong một quá trình lịch sử dài là quá trình ngày nay đang đứng trước một sự mâu thuẫn đáng ngạc nhiên: vào một thời kỳ mà người ta long trọng công bố những quyền bất khả xâm phạm của con người và công khai khẳng định giá trị của sự sống, thì chính cái quyền được sống thực ra lại bị từ chối và xâm phạm, nhất là trong những lúc có ý nghĩa nhất của cuộc sống đó là khi sinh ra và khi chết.

Một đàng, những tuyên ngôn khác nhau về quyền con người và nhiều sáng kiến phát sinh từ đó chứng tỏ rằng trên toàn thế giới có sự tiến bộ của ý thức luân lý sẵn sàng công nhận giá trị và phẩm giá của mọi người; không hề phân biệt chủng tộc, quốc tịch, tôn giáo, chính kiến hoặc tầng lớp xã hội.

Đàng khác thực ra, người ta thấy những tuyên bố cao đẹp nay tiếc thay đi ngược lại cái phủ định bi thảm của chúng. Điều làm chưng hững hơn và thậm chí gây ra gương mù đó là việc này xảy ra ngay trong một xã hội coi khẳng định và bảo vệ quyền con người như là mục đích chính và đồng thời là niềm kiêu hãnh của mình. Làm sao có thể làm cho các khẳng định về nguyên tắc được lặp đi lặp lại này tương hợp với việc gia tăng liên tục và việc hợp pháp hoá thường xuyên như xâm phạm đến sự sống của con người? Làm sao dung hoà các tuyên ngôn này với các việc loại trừ kẻ yếu thế nhất, kẻ nghèo hèn nhất, kẻ già nua và kẻ vừa mới được thụ thai? Nhưng xâm phạm này đi theo chiều hướng hoàn toàn ngược lại việc tôn trọng sự sống, và chúng đe doạ trực tiếp đến toàn bộ việc vun đắp các quyền con người. Cuối cùng: đây là một sự đe doạ có khả năng gây nguy hiểm cho chính ý nghĩa của việc đồng sinh tồn theo tin thần dân chủ: thay vì là những xã hội sống chung hoà hợp”, các quốc gia của chúng ta có nguy cơ trở thành các xã hội của những người bị loại trừ, những người ở ngoài lề; những người bị biệt xứ, những kẻ bị xua đuổi. Và nếu người ta nhìn rộng ra một vòng chân trời thế giới, làm sao không nghĩ rằng chính việc công bố các quyền của con người và của các dân tộc, như điều này đã được thực hiện tại những hội nghị cấp cao quốc tế, chỉ là một công việc khoa trương vô ích bao lâu mà người ta không lột mặt nạ sự ích kỷ của các nước giàu là những nước từ chối không muốn cho các nước nghèo đạt đến sự phát triển hoặc làm cho các nước đó thuộc vào những cấm đoán điên rồ đối với việc truyền sinh, và như thế là chống lại sự phát triển của con người? Có nên đặt lại vấn đề các mô hình kinh tế được các quốc gia thường theo đuổi, nhất là được quyết đlịnh do sức ép có tính cách quốc tế là những sức ép tạo ra và duy trì các hoàn cảnh bất công và bạo lực trong đó sự sống con người của trọn cả những dân tộc bị làm cho giảm giá, và bị đàn áp hay không?

**19**. Đâu là nguồn gốc của một sự mâu thuẫn hết sức nghịch lý như thế?

Chúng ta có thể nhận thấy những nguồn gốc này khi đánh giá tổng quát về mặt văn hoá và luân lý, bắt đầu với não trạng đưa khái niệm chủ thể đến chỗ cực đoan và thậm chí làm biến chất nó, và công nhận như một chủ thể của các quyền chỉ người nào hưởng được hoàn toàn hoặc ít ra là vào lúc đầu và xuất hiện từ một tình trạng hoàn toàn không lệ thuộc người khác. Nhưng làm sao dung hoà quan điểm này với việc tán dương rằng con người là một hữu thể “không bị khiến dụng”? Lý luận về quyền con người chắn chắn dựa căn bản trên việc xác quyết rằng, khác với các động vật và các sự vật, con người không thể bị đặt dưới sự thống trị của ai cả. Còn phải nêu lên cái lôgic có huynh hướng đồng nhất hoá phẩm giá của con người với khả năng trao đổi bằng lời nói rõ ràng hoặc ít ra, có thể nhận biết và khả năng giao tiếp. Rõ ràng là với những điều được giả định như thế, thế giới không có chỗ cho kẻ nào – đối với người sắp sinh ra cũng như sắp chết đi – là một chủ thể có thể tạng yếu, là kẻ dường như hoàn toàn được phó mặc cho những người khác, triệt để lệ thuộc họ, và là kẻ chỉ có thể trao đổi bằng ngôn ngữ câm lặng của một sự chia sẻ sâu xa bằng cảm tính mà thôi. Do đó, đây là sức mạnh trở nên tiêu chuẩn chọn lựa và hành động trong tương quan giữa các cá nhân với nhau và trong đời sống xã hội. Nhưng đây lại chính là trái ngược với việc, trong lịch sử, Nhà Nước pháp quyền công bố như là cộng đồng mà trong đó “lý lẽ của sức mạnh” được thay cho “sức mạnh của lý trí”.

Trên một bình diện khác, nguồn gốc của sự mâu thuẫn giữa việc long trọng khẳng định quyền con người với sự phủ định bi đát các quyền này trong thực tế nằm ở cách quan niệm về tự do. Quan niệm này tuyệt đối ca tụng cá nhân và không chuẩn bị cho cá nhân có được sự liên đới, sự tiếp nhận không đắn đo cũng như sự phục vụ của tha nhân. Nếu thật sự đôi khi việc loại bỏ sự sống sắp sửa ra đời hoặc sự sống đến hồi kết thúc cũng còn lệ thuộc vào ý nghĩa được hiểu sai về lòng vị tha hay lòng thương xót, người ta không thể chối cãi rằng đại thể, nền văn minh chết chóc cho thấy một quan niệm về sự tự do hoàn toàn có tính cách cá nhân chủ nghĩa, rốt cuộc là sự tự do của “những kẻ mạnh” chống lại những kẻ yếu sắp ngã gục.

Chính trong chiều hướng này mà người ta có thể giải thích câu trả lời của Cain khi Thiên Chúa hỏi: “Abel, em ngươi ở đâu?” – “Tôi không biết. Tôi đâu phải là người bảo vệ em tôi?” (St 4,9). Phải, mọi người đều là “kẻ bảo vệ người anh em của mình”, bởi vì Thiên Chúa giao phó con người cho con người. Và chính vì muốn giao phó con người cho con người như thế mà Thiên Chúa ban tự do cho mọi người, một sự tự do bao hàm chiều kích liên hệ chủ yếu. Đây là một ân huệ lớn lao của Đấng Tạo hoá, bởi vì sự tự do được dùng để phục vụ con người và hoàn thành con người do chính việc tự hiến và tiếp nhận tha nhân; trái lại, khi chiều kích cá nhân chủ nghĩa được tuyệt đối hoá, thì tự do sẽ mất đi ý nghĩa đầu tiên của nó, rồi chính ơn gọi và phẩm giá của nó cũng bị chối bỏ.

Có một khía cạnh khác sâu xa hơn cần phải chú ý: tự do sẽ chối bỏ chính mình, tự do sẽ tự huỷ và chuẩn bị loại bỏ tha nhân khi tự do không còn công nhận và tôn trọng mối dây cấu thành nó với sự thật. Mỗi lần muốn giải phóng khỏi mọi truyền thống và quyền lực, là sự tự do tự đóng khung ngay cả trong những cái hiển nhiên đầu tiên của một sự thật khách quan và thường thấy là cơ sở của cuộc sống con người và xã hội, rốt cuộc con người không còn lấy sự thật căn cứ trên cái thiện và cái ác mà chỉ lấy quan điểm chủ quan và hay thay đổi hoặc thậm chí những lợi lộc ích kỷ và những ý thích thất thường của mình làm tiêu chuẩn duy nhất và bất khả tranh luận cho những lựa chọn của mình.

**20**. Với quan niệm như thế về tự do, đời sống trong xã hội bị biến chất sâu sắc. Nếu việc hoàn chỉnh cái “tôi” được hiểu bằng những từ “ tự trị tuyệt đối”, thì người ta sẽ không thể tránh được việc chối bỏ tha nhân, coi họ như một kẻ thù mà mình phải tự vệ. Như thế, xã hội sẽ trở thành một tổng thể những cá nhân đứng bên nhau, chứ không có liên lạc gì với nhau cả: mỗi người muốn tự khẳng định mình biệt lập với người khác, hay đúng hơn, mỗi người đều muốn đề cao tư lợi của riêng mình. Tuy nhiên, trước những lợi ích tương tự của tha nhân, người ta phải giải quyết bằng cách tìm một thứ thoả hiệp, nếu muốn bảo đảm tự do tối đa cho từng người trong xã hội. Như thế mọi qui chiếu về các giá trị chung và về một chân lý tuyệt đối cho tất cả mọi người sẽ tiêu tan: đời sống xã hội sẽ phiêu lưu trên một bãi cát trôi nổi của chủ nghĩa trôi nổi quá khích. Lúc đó điều gì cũng là vấn đề qui ước, điều gì cũng là vấn đề thương lượng được, kể cả quyền đầu tiên trong các quyền căn bản, đó là quyền sống.

Trên thực tế, việc ấy cũng đang xảy ra trong phạm vi chính trị nói riêng của Nhà nước: quyền được sống, một quyền nguyên thuỷ và bất khả nhượng, mà vẫn bị đưa ra thảo luận và phủ quyết, dựa trên sự biểu quyết ở Nghị viện hoặc theo ý muốn của một phần dân chúng – có thể là một phần lớn nữa. Đó là kết quả bất hạnh của chủ nghĩa tương đối đang hoành hành mà không hề bị chống đối: cái “quyền” mà hết còn là một quyền, vì nó không còn được đặt vững chắc trên phẩm giá bất khả xâm phạm của nhân vị, nhưng lại bị người ta bắt lệ thuộc ý muốn của kẻ mạnh hơn. Thế là nền dân chủ, mặc dầu có nguyên tắc đấy, nhưng lại đi tới một chủ nghĩa chuyên chế có hạng. Nhà nước không còn là “Ngôi nhà chung” mà ở đó ai cũng có thể sống theo những nguyên tắc bình đẳng căn bản, nhưng nó đã biến thành nhà nước độc tài bá đạo, với tham vọng có thể quyết định về sự sống của những người yếu kém và những con người không có chi bảo vệ, từ hài nhi sinh ra đến người già cả, nhân danh lợi ích công cộng mà thực chất chỉ là lợi ích của một số người thôi.

Mọi sự có vẻ diễn tiến trong việc tôn trọng luật pháp, ít là khi những luật cho phép phá thai hoặc làm chết êm dịu được biểu quyết theo những khoản luật người ta cho là dân chủ. Thực ra, chúng ta phải chứng kiến cái bộ mặt thảm khốc của luật pháp và của lý tưởng dân chủ và lẽ ra nó chỉ là dân chủ khi nó nhìn nhận và bảo vệ phẩm giá của mọi nhân vị, nhưng nó lại bị phản hồi ngay từ nền tảng: “làm sao còn nói được tới phẩm giá của nhân vị, khi người ta giết những kẻ yếu nhất và vô tội nhất? Nhân danh công lý nào mà người ta thực hiện sự kỳ thị tới bất công giữa những con người như thế, bằng cách tuyên bố rằng một số những kẻ này đáng được bảo vệ, còn những kẻ kia bị từ chối quyền sống?”. Khi người ta nhận xét về những kiếu cách hành động ấy, thì đã khơi mào những quá trình dẫn tới sự tiêu huỷ việc cùng chung sống đích thực giữa những con người và dẫn tới sự phân hoá chính thực tại của Nhà nước.

Đòi hỏi quyền phá thai, quyền giết trẻ sơ sinh, quyền làm chết êm dịu, và công nhận những quyền ấy là hợp pháp, thì có nghĩa là dành cho tự do con người một ý nghĩa phi đạo đức và bất công, ý nghĩa của một quyền lực chuyên chế trên người khác và phản lại người khác. Nhưng đó là giết chết tự do chân thực: “Thật, tôi bảo thật các ông: ai phạm tội là làm nô lệ cho tội” (Ga 8,34).

***Sự thiếu vắng ý thức về Thiên Chúa và ý thức về con người***

***“Tôi sẽ phải lánh đi khỏi nhan Ngài” (St 4,14)***

**21**. Khi ta tìm những cội rễ sâu sa nhất của cuộc chiến giữa “văn hoá sự sống” và “văn hoá sự chết”, ta không thể dừng lại ở quan niệm đảo lộn về tự do vừa được nhắc tới. Cần phải đi vào tâm điểm của tấn thảm kịch mà con người hiện đại đang sống: sự khuất bóng ý thức về Thiên Chúa và ý thức về con người là đặc điểm của tình hình xã hội và văn hoá mà chủ nghĩa tục hoá đang thao túng, chủ nghĩa này với những cái vòi vươn dài đôi khi đã thử thách cả những cộng đồng Kitô giáo. Những ai tự để mình lây nhiễm tâm trạng ấy, sẽ dễ bị lôi cuốn vào cơn lốc của một vòng xoáy đồi bại kinh khủng; bỏ mất ý thức về Thiên Chúa, người ta lao tới chỗ đánh mất cả ý thức về con người, về phẩm giá và sự sống của con người; và đến lượt mình, sự vi phạm có hệ thống luật luân lý, đặc biệt trong vấn đề quan trọng là tôn quí sự sống và phẩm giá của sự sống con người, sẽ tạo ra một bóng tối ngày càng mù mịt che lấp khả năng nhìn ra sự hiện diện của Thiên Chúa, Đấng ban sự sống và cứu độ.

Một lần nữa, chúng ta có thể cảm hứng theo trình thuật Abel bị ông anh hạ sát. Sau khi bị Thiên Chúa chúc dữ, Ca-in thưa cùng Chúa rằng: “Tội vạ tôi quá lớn làm sao mang nổi, ngày hôm nay Ngài đuổi tôi ra khỏi mặt đất màu mỡ và tôi phải lánh đi khỏi nhan Ngài, nên kẻ vất vơ vất vưởng chạy rong trên đất. Và có ai gặp tôi sẽ giết tôi!” (St 4, 13-14) Ca-in cho rằng tội mình sẽ không được Chúa thứ tha và nghĩ số phận tất nhiên của mình là phải “ẩn nấp khỏi nhan Chúa”. Nếu Ca-in đạt tới được việc thú nhận tội mình “quá lớn”, là vì anh có ý thức rằng mình ở trước mặt Thiên Chúa và trước sự phán xét nghiêm minh của Người. Trong thực tế, con người chỉ có thể nhận ra tội của mình và hiểu được sự nặng nề của tội khi họ ở trước nhan Chúa. Đó cũng là cảm nghiệm của vua David, sau khi “đã làm điều ác trước mặt Ngài”, vị ngôn sứ Nathan trách cứ (x. 2 Sm 11,12), vua đã kêu van: “Tội ác tôi, tôi xin nhận”; lỗi lầm tôi luôn luôn trước mắt tôi; tôi đã xúc phạm đến Ngài; điều ác trước mắt Ngài, tôi đã dám làm (Tv 50, 5-6).

**22**. Vì thế, khi mất ý thức về Thiên Chúa, thì ý thức con người cũng bị đe doạ, bị hư hỏng, như Công Đồng Vatican II đã tuyên ngôn dưới hình thức sâu sắc: Thụ tạo mà bỏ Đấng Tạo Hoá của mình thì tiêu vong.(…) Mà cả đến chính thụ tạo cũng bị u mê vây hãm, nếu nó quên Thiên Chúa” (17). Con người không còn đạt tới chỗ hiểu được mình là: “huyền diệu khác hẳn” những tạo vật khác trên mặt đất này nữa; con người coi mình chỉ là một trong những sinh vật, như một cơ thế cùng lắm là đã đạt được tới chặng hoàn hảo rất cao thôi. Bị nhốt trong một chân trời chật chội của thực tại thể chất, một cách nào đó con người sẽ trở nên một “sự vật”, không thấu hiểu được tính cách “siêu việt” trong “cuộc sinh tồn của mình trong tư cách là người”. Con người đã không coi sự sống như hồng ân của Thiên Chúa, như một thực tại “thánh thiêng” được trao cho trách nhiệm của mình và, do đó, để mình âu yếm bảo vệ, để mình “trân trọng”. Sự sống trở nên thuần tuý là “một sự vật” mà con người đòi được chiếm hữu như của riêng mình, mà con người có thể hoàn toàn làm chủ và định đoạt.

Như thế, trước sự sống sinh ra và sự sống chết đi, con người không còn khả năng để tự hỏi về ý nghĩa đích thực của cuộc đời mình, cũng chẳng có khả năng chấp nhận những giờ phút cam go của cuộc sống trong một niềm tự do chân thực. Con người chỉ còn việc lo “hành động” và, nhờ vào mọi kỹ thuật có thể, họ cố gắng tối đa để đặt chương trình, kiểm soát, khống chế sự sinh và sự tử. Những thực tại này, là kinh nghiệm từ nguyên thuỷ đòi hỏi phải được “sống”, thì lại trở thành những điều mà người ta chỉ chủ trương đơn thuần là “chiếm đoạt” hay “từ chối”.

Hơn nữa, khi sự qui chiếu về Thiên Chúa bị loại trừ rồi, thì chẳng lạ gì chính ý nghĩa của mọi sự vật sẽ bị biến chất một cách sâu xa, và chính thiên nhiên, khi không còn là “mater” (mẹ) nữa sẽ bị coi như một “vật liệu “để người ta xử lý tùy thích, Hình như người ta được dẫn đưa vào đường hướng này, do tính thuần lý “kỹ thuật-khoa học”, là quân bài chủ trong văn hoá hiện đại, nó phủ định cả ý tưởng về con người phải công nhận công lý về cuộc sáng tạo, hay phải tôn trọng ý định của Thiên Chúa về sự sống. Và điều ấy không kém phần chân thật, khi nỗi khắc khoải trước các hậu quả của “tự do không luật pháp” này lại đưa một số người tới lập truờng trái ngược là “luật pháp không tự do”, như từng xảy ra, chẳng hạn trong các ý thức hệ tuyên bố tính hợp pháp cho mọi thứ can thiệp vào thiên nhiên, gần như là vì “sự thần hoá mình” – điều này, một lần nữa, đã không chịu nhận rằng mình lệ thuộc vào ý định của Đấng Tạo Hoá.

Thực ra, sống mà “coi như Thiên Chúa không có” thì không những con người mất ý thức về mầu nhiệm Thiên Chúa, mà mất luôn cả ý thức về thế giới và về chính bản thân mình.

**23**. Sự thiếu vắng ý thức về Thiên Chúa và về con người không thể nào lại không đưa tới chủ nghĩa duy vật thực dụng, khiến cho chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa duy ích và chủ nghĩa khoái lạc lan rộng. Ở đây nữa ta nhận thấy giá trị vẫn còn đó của lời Thánh Tông đồ: “Và vì họ đã bỏ việc nhận biết Thiên Chúa, thì Thiên Chúa đã bỏ mặc họ cho trí não hư hỏng để họ làm những điều chẳng xứng” (Rm 1,28). Chính vì thế các giá trị của hữu thể bị thay thế bằng giá trị của những cái người ta sở hữu. Mục đích duy nhất đáng kể bây giờ chỉ còn là đi tìm tiện nghi vật chất cho riêng mình. Cái gọi là “phẩm chất cuộc sống” chỉ còn được hiểu thiết yếu là ở hiệu quả kinh tế, tiêu thụ phóng túng, sắc đẹp, hưởng thụ đời sống thể lý, mà quên mất những chiều kích sâu xa của cuộc sinh tồn, của những lĩnh vực tương giao, tinh thần và tôn giáo.

Trong bối cảnh như vậy, đau khổ, là gánh nặng vốn đè trên cuộc nhân sinh nhưng cũng là khả năng giúp con người tăng trưởng, đã bị kiểm duyệt bỏ, bị vứt đi như một sự ác phải luôn luôn xa tránh và xa tránh bằng bất cứ giá nào. Khi người ta không thể vượt thắng đau khổ, và khi không còn viễn cảnh về hạnh phúc nữa, ít nhất là cho tương lai, lúc ấy cuộc đời dường như đã mất hết ý nghĩa và trong con người sẽ tăng lên cơn cám dỗ muốn dành quyền triệt bỏ đau khổ.

Vẫn trong cùng một bối cảnh văn hoá như vậy, thân xác không còn được coi như một thực tại đặc trưng cá vị, là dấu chỉ và là nơi tiếp xúc với tha nhân, với Thiên Chúa và với thế giới. Thân xác bị hạ xuống hàng bản chất duy vật thuần tuý; thân xác chẳng còn là gì khác hơn một tổng hợp các cơ quan, các chức năng và năng lượng để dùng theo những tiêu chuẩn của lạc thú và của tính hiệu quả. Do đó, giới tính cũng bị phi nhân vị, bị khai thác: thay vì là dấu chỉ, là nơi chốn và là ngôn ngữ biểu lộ tình yêu -tức là hiến thân và đón nhận người khác trong tất cả sự phong phú của nhân vị – thì giới tính càng ngày càng trở nên một cơ hội làm dụng cụ cho việc khẳng định cái tôi và thoả mãn cách ích kỷ các dục vọng và bản năng. Chính vì thế mà nội dung nguyên thuỷ của giới tính nơi con người bị bóp méo và biến chất đi. Hai ý nghĩa, là phối hiệp và truyền sinh, gắn liền trong bản tính và hành vi hôn nhân, đã bị tách rời nhau cách giả tạo; theo kiểu đó, người ta làm hỏng sự phối hiệp khi người ta bắt việc truyền sinh phải theo ý thích tùy nghi của người nam và người nữ. Lúc đó việc truyền sinh sẽ trở nên “kẻ thù”, cần phải tránh trong việc hành xử giới tính: người ta chỉ chấp nhận truyền sinh theo mức độ hợp với dục vọng của con người, hay với ý muốn có một đứa con bằng “ bất cứ giá nào”; chứ không phải vì việc truyền sinh diễn tả sự đón nhận trọn vẹn người phối ngẫu và do đó rộng mở cho sự sống phong phú được thể hiện nơi đứa con.

Trong viễn ảnh duy vật trình bày trên đây, những tương quan giữa người với người bị giảm thiểu nghiêm trọng. Những người đầu tiên phải gánh chịu hậu quả là phụ nữ, trẻ em, người bệnh hay người đau khổ và người già yếu. Tiêu chuẩn chân thực của phẩm giá con người – là tiêu chuẩn về sự tôn trọng, tặng trao và phục vụ – bị thay thế bằng tiêu chuẩn của hiệu quả tính, chức năng tính và duy ích: người ta được quí chuộng không vì họ là ai, mà vì họ có gì, làm gì và đưa lại được gì. Kẻ mạnh thắng kẻ yếu.

**24**. Chính ở nơi thẳm sâu nhất của lương tâm luân lý, người ta hoàn chỉnh việc che lấp ý thức về Thiên Chúa cũng như ý thức về con người, với bao nhiêu là hậu quả thảm khốc trên sự sống. Trước hết là lương tâm của mỗi người bị liên luỵ, vì trong sự thống nhất nội tâm và với đặc tính duy nhất của mình, lương tâm ấy thấy mình ở trước mặt Thiên Chúa (18). Nhưng theo một hướng khác, “lương tâm luân lý” của xã hội cũng có liên luỵ: một cách nào đó, xã hội chịu trách nhiệm, không những vì xã hội dung tha hay còn ủng hộ những cách ăn ở nghịch lại sự sống, mà còn vì xã hội nuôi dưỡng cái “văn hoá sự chết”, đi tới chỗ phát minh và củng cố nhiều “cơ chế tội lỗi” thực sự chống lại sự sống. Ngày nay lương tâm luân lý của cá nhân hay xã hội đang đứng trước một mối nguy hiểm rất nghiêm trọng và chết người tức là cái nguy trộn lẫn điều thiện với điều ác, trong những việc liên quan tới quyền căn bản được sống – dù chỉ là do ảnh hưởng tràn lan càng ngày càng nhiều những phương tiện truyền thông xã hội. Một phần lớn xã hội hiên nay tỏ ra rất giống với nhân loại mà Thánh Phaolô tả trong thư gửi Giáo đoàn Rôma. Xã hội ấy gồm những “người lấy bất chính hãm cầm sự thật” (Rm 1,18): vì chối bỏ Thượng Đế và tưởng chừng có thể xây dựng thành trì nơi trần gian mà không cần đến Ngài, “họ đã mất ý thức trong các lý luận của họ” đến nỗi “lòng họ đã ngu muội lại hoá ra tối tăm” (Rm 1,22); họ trở nên tác giả những hành động đáng chết và “chẳng những họ làm những điều ấy mà còn tán thành những kẻ làm như vậy” (Rm 1,32). Một khi lương tâm, là con mắt sáng của tâm hồn (x. Mt 22-23), lại gọi “dữ là lành và lành là dữ” (Is 5,20) thì lương tâm ấy đã đi vào con đường sa đoạ làm ta phải lo ngại và cũng là con đường đui mù về tinh thần tối tăm nhất.

Tuy nhiên, mọi ảnh hưởng và cố gắng đều không thể làm tắt tiếng nói của Chúa đang vang lên trong lương tâm mỗi người. Bởi vì bao giờ thì cũng là từ thánh cung sâu thẳm của lương tâm mà người ta trở lại được con đường của tình thương, của đón nhận và phục vụ sự sống con người.

“Anh em đã tiến lại gần máu thanh tẩy” (x. Dt 12,22.24): Những dấu chỉ hy vọng và lời kêu gọi dấn thân.

**25**. “Hãy nghe tiếng máu của em ngươi từ đất kêu oán lên Ta” (St 4,10). Không phải chỉ có máu Abel, người vô tội đầu tiên bị sát hại, đang kêu lên Thiên Chúa là nguồn sự sống và là Đấng bảo vệ sự sống. Máu của bất kỳ người nào sát hại sau Abel, cũng là tiếng kêu oan lên tới Chúa. Một cách tuyệt đối duy nhất, tiếng máu Chúa Kitô cũng kêu lên tới Thiên Chúa – mà Abel vô tội là hình ảnh tiên tri về Chúa Kitô, như tác giả Do Thái nhắc nhở ta: “ Anh em đã tiến lại gần núi Sion, thành của Thiên Chúa hằng sống… gần Đấng trung gian Giao ước mới và dòng máu thanh tẩy hùng biện hơn máu Abel” (Dt 12,22-24).

Đó là máu thanh tẩy. Máu của các hy lễ Cựu Ước là dấu chỉ biểu tượng và báo trước về máu thanh tẩy ấy: máu các lễ hy sinh qua đó Thiên Chúa tỏ thánh ý Ngài muốn thông ban sự sống của Ngài cho mọi người bằng cách thanh tẩy và thánh hiến họ (Xh 24,8; Lv 17,11). Tất cả việc đó được hoàn thành và từ nay biểu lộ nơi Chúa Kitô: máu của Ngài là máu rảy trên con người để chuộc lại, thanh tẩy và cứu chữa; chính là máu Đấng Trung Gian của giao ước mới, “đổ ra cho nhiều người được tha tội” (Mt 26,28).

Máu này đổ ra từ cạnh sườn bị đâm thâu của Chúa Kitô trên thập giá (Ga 19,34) còn “hùng biện hơn” máu của Abel. Quả vậy, Máu Chúa Kitô kêu lên và đòi một “công lý” sâu sắc hơn, nhưng nhất là khẩn cầu lòng thương xót (19), máu ấy cầu bầu với Cha cho các anh em của Chúa Kitô (Dt 7,25) máu ấy là nguồn cứu chuộc hoàn hảo và là ơn ban sự sống mới.

Máu Chúa Kitô, mặc khải sự cao cả của tình yêu thương của Chúa Cha, đã bộc lộ rằng con người là rất quý trước mặt Thiên Chúa và giá trị của sự sống con người thật khôn lường. Thánh tông đồ Phêrô nhắn nhủ ta: “Anh em hãy biết rằng không phải bằng những của hư nát, vàng bạc, mà anh em được cứu chuộc khỏi cách sống phù phiếm do cha ông để lại, mà là nhờ Máu châu báu của Con Thiên Chúa không tì vết, không thể trách cứ, là chính Chúa Kitô” (1 Pr 1,18-19). Chính khi chiêm ngắm Máu châu báu của Chúa Kitô, là dấu chứng của sự hiến dâng Ngài thực hiện vì yêu ta, mà người tín hữu học biết cách nhìn nhận và quí chuộng phẩm giá gần như là thần thiêng của mọi người. Trong niềm thán phục và tri ân luôn luôn mới mẻ, người tín hữu có thể kêu lên: “Ôi! Giá trị của con người lớn biết bao trước mặt Đấng Tạo Hoá, tới độ đã xứng đáng có được một Đấng Cứu Chuộc rất vĩ đại và đáng kính tôn” (bài ca Exultet đêm phục sinh), tới độ Thiên Chúa đã ban Con Một của Ngài để con người khỏi hư mất, nhưng được sự sống đời đời” ! (Ga 3,16) (20).

Hơn nữa, Máu Chúa Kitô mạc khải cho con người biết sự cao cả và do đó ơn gọi của họ hiến dâng toàn thân mình. Bởi vì được đổ ra như ơn ban sự sống, nên Máu Chúa Kitô không còn là dấu chỉ sự chết, dấu chỉ biệt lý hẳn với anh em của Người, nhưng là phương tiện hiệp thông làm dồi dào sức sống cho mọi người. Trong Bí Tích Thánh Thể, người uống Máu này và ở lại trong Chúa Kitô (x. Ga 5,56) được lôi cuốn vào sức năng động của tình yêu Ngài để đưa tới mức sung mãn chính ơn gọi đầu tiên hướng tới tình yêu, là ơn gọi của mọi người (x.St 1,27; 2,18-24)

Trong Máu Chúa Kitô, tất cả mọi người cũng múc được sức mạnh để dấn thân phục vụ sự sống. Máu Chúa Kitô chính là lý do mạnh nhất để hy vọng và là nền tảng cho niềm xác tín tuyệt đối, theo kế hoạch của Thiên Chúa, sự sống sẽ dành được chiến thắng. Một tiếng nói mạnh mẽ từ ngai toà Thiên Chúa trong thành Giêrusalem thiên quốc đã kêu lên: “Sẽ chẳng còn chết chóc nữa!” (Kh 21,4). Thánh Phaolô cũng bảo đảm với ta rằng sự chiến thắng hiện tại trên tội lỗi là dấu chỉ và là lời tiên báo cuộc chiến thắng hoàn toàn trên sự chết, khi hoàn tất lời chép: “Sự chết đã bị vùi trong chiến thắng. Hỡi sự chết, nọc độc của ngươi đâu?” (1 Cr 15,54-55)

**26**. Thật sự, người ta nhận thấy những dấu hiệu báo tin cuộc chiến thắng này trong các xã hội, các nền văn hoá của ta, mặc dầu chúng bị ghi dấu đậm nét bởi “văn hoá sự chết”. Người ta sẽ chỉ thiết lập một bảng thống kê không đầy đủ có thể làm ta nản lòng, nếu như cùng với những lời tố giác các mối đe doạ chống lại sự sống, người ta không nêu lên một khái lược những dấu chỉ tích cực có hiệu quả trong hiện tình của nhân loại.

Tiếc thay, những dấu chỉ tích cực ấy rất khó xuất hiện và không được dễ dàng nhận ra, chắc hẳn vì chúng không là đối tượng được chú ý đủ qua những phương tiện truyền thông xã hội. Nhưng nhiều sáng kiến để giúp đỡ những người yếu đuối nhất và không có ai bảo vệ đã được thực hiện và tiếp tục được thực hiện, trong cộng đồng Kitô giáo và trong xã hội dân sự, ở mức độ địa phương, quốc gia và quốc tế, do từng người, từng nhóm, từng phong trào và nhiều tổ chức khác nhau.

Có nhiều đôi vợ chồng biết quảng đại lãnh trách nhiệm đón nhận con cái như “ân huệ tuyệt vời nhất của hôn nhân” (21) Và không thiếu những gia đình, ngoài các phục dịch cho cuộc sống hàng ngày, đã biết mở rộng cửa đón tiếp những trẻ bị bỏ rơi, những thanh thiếu niên gặp khó khăn, những người bất hạnh, những người già cả cô đơn. Nhiều những trung tâm hỗ trợ sự sống hay những tổ chức tương tự, được sinh động nhờ có những cá nhân, những đoàn nhóm, với lòng tận tuỵ và những hy sinh đáng thán phục, đang nâng đỡ tinh thần và vật chất cho nhiều người mẹ gặp khó khăn và bị cám dỗ đi phá thai.

Người ta còn thiết lập và phát triển những nhóm thiện nguyện dấn thân tiếp đón những người không gia đình, những người gặp các hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hoặc những người cần tìm lại một nơi giáo dục, trong khi giúp họ vượt thắng các thói quen độc hại và trở về với ý nghĩa thực của cuộc sống.

Y học được nhiều nhà nghiên cứu và thành viên các ngành y tế nhiệt tình phục vụ, vẫn tiếp tục những cố gắng riêng để tìm ra các phương tiện ngày càng hữu hiệu: ngày nay người ta đạt những kết quả mà ngày xưa không ai có thể nghĩ tới, và mở ra những viễn ảnh có lợi cho sự sống đang triển nở, cho những người đau khổ, cho những bệnh nhân ở giai đoạn mãn tính hoặc cuối cùng. Có những cơ quan, những tổ chức khác nhau đang vận động để lấy y học làm mũi nhọn giúp đỡ những miền bị cùng khổ hay bị các bệnh tật hoành hành. Có những hiệp hội quốc gia và quốc tế các y sĩ cũng hoạt động để nhanh chóng cứu trợ những dân bị thiên tai, dịch tể hay chiến tranh. Dù còn lâu mới thực hiện được hoàn toàn nền công bình quốc tế chân thật, bằng việc phân phối các sản phẩm y tế rộng rãi, nhưng làm sao lại không nhận ra, trong các tiến bộ đã đạt được, những dấu chỉ của tình liên đới ngày càng gia tăng giữa các dân tộc, những dấu chỉ mang ý nghĩa nhân đạo và luân lý đáng ca ngợi, và là những dấu chỉ của một lòng tôn trọng lớn lao hơn đối với sự sống?

**27**. Trước những bộ luật cho phép phá thai và trước những mưu toan, đã thành công ở nơi này nơi khác, chấp nhận việc làm chết êm dịu, nhiều phong trào được thành hình và nhiều sáng kiến được áp dụng trên toàn thế giới, để làm cho xã hội phải nhạy cảm với việc bảo vệ sự sống. Khi những phong trào này hành động đúng theo cảm hứng chính thực của mình. Mạnh mẽ xác định lập trường mà không dùng đến bạo lực, đã giúp cho có nhiều người hơn ý thức về giá trị của sự sống, cũng như họ đã khơi dậy và đạt được những việc dấn thân cương quyết hơn để bảo vệ sự sống.

Đàng khác, làm sao không nhắc tới những hành vi thường ngày như đón tiếp, hy sinh, săn sóc vô vị lợi mà một số đông vô kể những con người đã thực hiện với tấm lòng thương mến trong các gia đình, nhà thương, viện mồ côi, nhà hưu dưỡng cho những cụ già, và trong nhiều trung tâm hay cộng đoàn khác đang bảo vệ sự sống? Theo gương Chúa Giêsu là “người Samari nhân hậu” (x. Lc 10,29-37) và được Ngài ban sức mạnh nâng đỡ, Giáo Hội đã luôn đứng hàng đầu trên mặt trận của tình bác ái, nhiều con cái trong Giáo Hội nam cũng như nữ, đặc biệt là các tu sĩ, theo những hình thức truyền thống được canh tân, đã hiến dâng và tiếp tục hiến dâng đời mình cho Thiên Chúa, dâng đời mình vì yêu thương anh chị em yếu đuối nhất, thiếu thốn nhất. Họ xây dựng theo chiều sâu một nền “văn minh của tình yêu và sự sống”, không có nền văn minh này thì sự hiện hữu của cá nhân và xã hội sẽ mất đi ý nghĩa nhân bản chính thực nhất. Dù chẳng ai nhìn ra họ, dù họ vẫn ẩn khuất trước mặt số đông người đời, đức tin vẫn bảo đảm với ta rằng Thiên Chúa Cha, “Đấng nhìn thấy trong nơi kín đáo” (Mt 6,4), không những sẽ ban thưởng, mà còn làm cho họ thêm phong phú ngay từ đời này, làm cho họ mang nhiều hoa quả bền vững vì lợi ích của tất cả mọi người.

Giữa các dấu chỉ của niềm Hy vọng, phải ghi nhận trong các tầng lớp dư luận quần chúng, sự phát triển một cảm thức mới luôn luôn chống lại việc nhờ chiến tranh, để giải quyết những xung đột giữa các dân tộc, và luôn luôn hướng về việc tìm kiếm những phương tiện hữu hiệu, không “bạo lực” để chận đứng kẻ vũ trang xâm lược. Cũng trong hệ tư tưởng này, dư luận quần chúng vẫn phổ biến sự chống đối án tử hình, cho dù người ta chỉ coi nó như phương tiện “bảo vệ hợp pháp” cho xã hội, thì chiếu theo những khả năng mà một xã hội hiện đại có thể dùng để trấn áp tội phạm cách hữu hiệu, người ta phải làm sao cho kẻ phạm pháp không còn gây cho xã hội, mà vẫn không làm cho kẻ ấy mất hẳn khả năng tự cải hoá.

Cũng phải tích cực đón chào sự quan tâm càng ngày càng lớn đối với phẩm chất sự sống, đối với tương quan học mà ta gặp thấy nhất là tại các xã hội tiên tiến, nơi đó, hiện người ta ít chú tâm vào những vấn đề giúp sống lâu hơn, cho bằng vào việc cải thiện toàn bộ các điều kiện sống, việc lặp lại suy tư đạo đức về chủ đề sự sống mang một ý nghĩa đặc biệt; sự sáng tạo và phát triển liên tục khoa đạo đức sinh học hỗ trợ cho những suy tư và đối thoại- giữa những người có tín ngưỡng và không tín ngưỡng, cũng như giữa những tín hữu thuộc các tôn giáo khác nhau- về những vấn đề đạo đức căn bản liên quan đến sự sống con người.

**28**. Viễn cảnh này vừa mang ánh sáng vừa xen bóng tối, phải làm cho chúng ta ý thức đầy đủ rằng chúng ta đang đứng trước cuộc đối đầu gay gắt và thảm khốc giữa cái xấu và cái tốt, giữa sự chết và sự sống, giữa “văn hoá sự chết” và “văn hoá sự sống”. Không những chúng ta chỉ “đứng trước” mà chắc chắn còn “ở giữa’ cuộc xung đột này: chúng ta tất cả đều có liên quan tích cực trong đó, chúng ta không được tránh né trách nhiệm phải chọn lựa vô điều kiện việc bênh vực sự sống.

Lời răn đe rõ ràng và mạnh mẽ của Môsê cũng nói với chúng ta: “Này đây hôm nay ta đặt trước mặt ngươi sự sống và hạnh phúc, sự chết và đau khổ… Ta đặt trước mặt ngươi sự sống hoặc sự chết, sự chúc lành hoặc chúc dữ. Vậy hãy chọn sự sống, để ngươi và miêu duệ ngươi được sống” (Đnl 30,15-19). Lời răn đe ấy cũng hoàn toàn hợp cho chúng ta là những kẻ hằng ngày phải chọn lựa giữa “văn hoá sự sống” và “văn hoá sự chết”. Nhưng tiếng gọi của sách Đệ Nhị Luật còn sâu sắc hơn vì đề nghị với chúng ta sự chọn lựa đích thực mang tính tôn giáo và luân lý. Đây là vấn đề tìm hiểu cho cuộc sống của mình một hướng đi căn bản, là vấn đề sống trung thành theo luật Chúa dạy: “Hãy nghe những huấn lệnh mà hôm nay ta truyền cho ngươi: Yêu mến Giavê Thiên Chúa của ngươi, đi theo đường lối của Người, giữ các lệnh truyền, luật điều và phán quyết của Người … Hãy chọn sự sống, hầu ngươi và dòng dõi người được sống, là yêu mến Giavê Thiên Chúa của ngươi, nghe tiếng Người và khăng khít với Người: vì đó là sự sống của ngươi, là sự sống lâu dài nơi ngươi cư ngụ trên trái đất… (Đnl 30,19-20)

Việc lựa chọn sự sống cách vô điều kiện sẽ đạt tới độ sung mãn theo ý nghĩa tôn giáo và luân lý, khi nó phát xuất từ niềm tin vào Chúa Kitô, khi nó được thành hình và nuôi dưỡng bằng niềm tin ấy. Không có gì giúp ta sẵn sàng tham gia cuộc chiến tranh giữa sự chết và sự sống, một cuộc đấu tranh mà ta đang đắm chìm vào, cho bằng niềm tin nơi Con Thiên Chúa làm người và đã đến giữa loài người “để loài người được sống và sống dồi dào” (Ga 10,10) : Đó là niềm tin vào Chúa Phục Sinh, Đấng chiến thắng sự chết; đó là niềm tin vào Máu Thánh Chúa Kitô “hùng biện hơn máu Abel” (Dt 12,24). Trước những thách đố của tình hình hiện nay,theo ánh sáng và sức mạnh của niềm tin ấy, Giáo Hội ý thức cách sống động hơn về ơn sủng và trách nhiệm Chúa trao, để loan báo, để tôn dương và để phục vụ Tin Mừng về sự sống.

\*\*\*

**CHƯƠNG II**

**“TÔI ĐẾN ĐỂ CHO HỌ ĐƯỢC SỐNG”**

**SỨ ĐIỆP KITÔ GIÁO VỀ SỰ SỐNG**

***Nhìn về Chúa Kitô “Lời Sự Sống”***

**“Sự sống đã được tỏ hiện, chúng tôi đã nhìn thấy” (1Ga 2)**

**29.** Trước vô số những đe doạ nghiêm trọng đè nặng trên sự sống trong thế giới hôm nay, ta có thể vẫn như là bị dằn vặt, vì cảm thấy một nỗi bất lực không thể vượt qua: điều thiện sẽ không bao giờ đủ mạnh mẽ để chiến thắng cái ác.

Chính lúc đó Dân Chúa, và trong Dân Chúa mọi người tin được kêu mời khiêm tốn và can đảm tuyên xưng niềm tin vào Chúa Kitô, “Lời sự sống” (1Ga 1,1) Tin Mừng về sự sống không phải là một suy tư đơn thuần về sự sống, mặc dù độc đáo và sâu sắc, cũng không phải chỉ là lệnh truyền để báo động lương tri và khơi lên những biến đổi quan trọng trong xã hội, càng không phải là lời hứa viễn vông về một tương lai tốt đẹp hơn. Tin Mừng về sự sống là một thực tại cụ thể và mang tính ngôi vị, vì hệ tại ở việc loan báo về chính ngôi vị của Chúa Giêsu. Với tông đồ Thomas và qua ông, với bất kỳ ai, Chúa Giêsu tự giới thiệu: “Thầy là Đường đi, là Sự Thật và là Sự Sống” (Ga 14,60), Ngài cũng khẳng định căn tính ấy với Marta, chị của Lazarô: “Thầy là sự sống lại và là sự sống. Ai tin Thầy, dù kẻ ấy có chết cũng sẽ sống và bất kỳ ai sống và tin Thầy, sẽ không chết bao giờ” (Ga 11,25-26). Chúa Giêsu là Chúa Con từ nguyên thuỷ đã nhận sự sống của Chúa Cha (x.Ga 5,26) và đã đến giữa loài người để cho họ tham dự vào hồng ân này: “Tôi đến để cho họ được sống và sống dồi dào” (Ga 10,10).

Như thế, chính là từ lời nói, hành động và ngôi vị của Chúa Giêsu mà loài người được khả năng “nhận biết” chân lý trọn vẹn về giá trị của sự sống con người; chính từ “nguồn” này mà tựu trung loài người nhận được khả năng “thi hành” chân lý cách hoàn hảo, hoặc nhận lãnh và thi hành đầy đủ trách nhiệm yêu quý và phục vụ sự sống con người, bảo vệ và thăng tiến nó.

Quả vậy, trong Chúa Kitô, đã dứt khoát được loan truyền và trao ban đầy đủ Tin Mừng về sự sống, Tin Mừng này vốn hiện diện trong Mạc Khải của Cựu Ước, và một cách nào đó đã ghi khắc trong trái tim của mọi người, nam cũng như nữ, vẫn hằng vang lên trong mỗi lương tâm “ngay từ ban đầu,tức là ngày Thiên Chúa sáng tạo thế giới, đến mức, cho dù có những lựa chọn tiêu cực của tội lỗi, Tin Mừng này vẫn được lý trí con người nhận biết ở những nét cốt yếu. Như Công đồng Vatican II đã viết, Chúa Kitô dùng “tất cả sự hiện diện và biểu lộ về chính Ngài bằng lời nói và việc làm, bằng dấu chỉ và phép lạ, và đặc biệt nhất, là bằng sự chết và phục sinh vinh hiển của Người từ giữa những người chết, rồi qua việc ban Thánh Thần chân lý, Ngài kết thúc mặc khải bằng cách hoàn chỉnh, và củng cố Mặc Khải bằng cách xác nhận uy quyền rằng chính Thiên Chúa ở cùng ta để lôi kéo ta ra khỏi chốn tối tăm tội lỗi và sự chết, và phục sinh ta cho ta được sống đời đời (22)

**30.** Vì vậy, hướng nhìn lên Chúa Giêsu, chúng ta muốn nghe lời Ngài nói lại “những lời Thiên Chúa” (Ga 3,34) và muốn lại được suy gẫm Tin Mừng về sự sống. Ý nghĩa sâu xa nhất và độc đáo nhất của việc suy gẫm sứ điệp mặc khải về sự sống con người, đã được thánh Gioan tông đồ thấu hiểu, khi Ngài viết ngay ở đầu lá thư thứ nhất: “Điều từ thuở ban đầu đã có, điều chúng tôi chính mắt nhìn xem, điều chúng tôi đã từng chiêm ngắm, điều hai tay chúng tôi đã sờ tới, về Lời sự sống- vì Sự Sống đã tỏ hiện, chúng tôi đã từng thấy, chúng tôi đã làm chứng và loan báo sự sống đời đời ấy cho anh em, Sự Sống ấy luôn hướng về Chúa Cha và đã xuất hiện cho chúng ta- điều chúng tôi đã thấy và đã nghe, chúng tôi loan báo cho anh em, để anh em cùng hiệp thông cùng chúng tôi” (1Ga 1,1-3).

Như vậy nơi Chúa Giêsu, “Lời sự sống”, sự sống thần linh và vĩnh hằng đã được loan báo và ân ban này, sự sống thể lý và thiêng liêng của con người, ngay cả trong giai đoạn trần thế, đã nhận đầy đủ giá trị và ý nghĩa của nó: quả vậy, sự sống thần linh và vĩnh cửu là mục đích mà con người trên trần gian hướng đến và được mời gọi tới. Như thế Tin Mừng về sự sống chứa đựng điều mà ngay cả kinh nghiệm và lý trí con người đều nói về giá trị của sự sống, Tin Mừng về sự sống tiếp đón, nâng cao và đưa sự sống con người tới mức hoàn chỉnh.

***Sự sống bao giờ cũng là điều thiện hảo***

**“Sức mạnh và lời ca của tôi chính là Chúa, tôi mong ơn Ngài cứu độ” (Xh 15,2)**

**31.** Quả thực, sự sung mãn mang tính Tin Mừng của sứ điệp về sự sống đã được chuẩn bị ngay trong Cựu Ước. Nhất là chính trong biến cố Xuất hành, trọng tâm của kinh nghiệm đức tin trong Cựu Ước, mà khi Israel bị án tiêu diệt, vì một đe doạ tàn sát đè nặng trên hết thảy hài nhi sơ sinh của họ (x. Xh 1,15-23) thì Chúa tỏ mình ra cho họ như Đấng Cứu Độ, Đấng cơ thể bảo đảm tương lai cho kẻ không còn hy vọng. Và như thế nảy sinh trong dân Irael một ý thức chính xác: Sự sống của họ không thể tùy hứng của một Pharao muốn lấy quyền độc tài mà áp bức ra sao cũng được, trái lại sự sống của họ là đối tượng của tình yêu nhân hậu và mạnh mẽ từ phía Thiên Chúa.

Sự giải phóng khỏi cảnh nô lệ là ân ban một căn tính, là sự nhìn nhận một phẩm giá bất khả huỷ và là khởi đầu một lịch sử mới, ở đó sự khám phá ra Thiên Chúa và sự khám phá ra chính mình đi đôi với nhau. Kinh nghiệm này của xuất hành là căn bản và mẫu mực. Israel học biết được rằng, mỗi khi họ bị đe doạ trong cuộc sống, họ chỉ cần chạy lại cùng Thiên Chúa với niềm cậy trông mới để gặp được nơi Ngài một sự phù trì linh nghiệm: “Ta đã nặn đúc ngươi, ngươi làm đầy tớ Ta, Israel ơi, Ta sẽ không quên ngươi” (Is 44,21)

Như thế, khi nhận biết được giá trị sự sinh tồn của mình như là một dân tộc, Israel cũng tiến bước trong sự hiểu được ý nghĩa và giá trị của sự sống với tư cách là sự sống. Đó là một suy tư được phát triển cách đặc sắc trong các sách triết ngôn, khởi đi từ cảm nghiệm hằng ngày về sự sống bấp bênh, cũng như ý thức được những đe doạ đang rình rập nó. Trước những mâu thuẫn trong cuộc sống, đức tin được mời gọi lên tiếng giải đáp.

Nhất là chính vấn đề đau khổ đang thách đố niềm tin, đang thử lửa nó. Làm sao không hiểu thấu được tiếng kêu than của con người ở khắp nơi, trong lúc gẫm suy sách Job? Người vô tội bị đau khổ đè bẹp thì cũng dễ hiểu là họ phải đi tới chỗ tự hỏi: “Tại sao ban ánh sáng cho kẻ khốn cùng, ban sự sống cho kẻ lòng đầy đắng cay, mong chết đi mà chẳng được, kẻ tìm cái chết như kẻ tìm kho báu?” (Job 3,20-21). Ngay trong cảnh tối tăm dày đặc, đức tin vẫn thúc đẩy nhìn nhận ra “một mầu nhiệm, trong tinh thần cậy trông và tôn thờ: “Tôi biết là Ngài toàn năng: điều Ngài nghĩ, Ngài thực hiện được.” (Job 42,2)

Dần dần, mặc khải làm cho ta hiểu được mỗi ngày rõ ràng hơn cái mầm sống bất tử mà Đấng Tạo Hoá đặt trong trái tim mọi người: “Tất cả những vật Chúa ban đều tốt trong thời chúng; Chúa đã đặt trong lòng chúng tổng số thời gian” (Gv 3,11). Cái niềm tin toàn thể và sung mãn này đang chờ được tỏ lộ trong tình yêu thương và được hoàn chỉnh trong việc dự phần sự sống đời đời nhờ một ân huệ nhưng không của Thiên Chúa.

***Trong cảnh đời bấp bênh, Chúa Giêsu đưa ý nghĩa sự sống đến mức hoàn hảo***

**“Danh Chúa Giêsu đã làm cho người này mạnh khoẻ lại” (Cv 3,16)**

**32.** Kinh nghiệm của dân tộc Giao Ước lại tái diễn trong kinh nghiệm của mọi “người nghèo khổ” những người gặp gỡ Chúa Giêsu thành Nazareth. Như Thiên Chúa, “bạn của sự sống” (Kn 11,26), đã trấn an Israel giữa cơn hiểm nghèo, cũng thế ngày nay con Thiên Chúa loan báo cho những ai cảm thấy mình bị đe doạ và bị cản trở trong cuộc đời biết rằng sự sống của họ là một thiện hảo mà tình yêu của Chúa Cha phú ban cho một ý nghĩa và một giá trị.

“Những người mù được thấy, những kẻ què được đi, kẻ cùi được sạch, kẻ điếc lại được nghe, người chết sống lại, kẻ nghèo khó được nghe loan báo Tin Mừng” (Lc 7,22). Qua những lời kêu gọi của ngôn sứ Isaia (Is 15,5-6; 61,1), Chúa Giêsu giải thích ý nghĩa của sứ mệnh Ngài, những kẻ đau khổ vì một hình thức bất hạnh nào trong đời họ, cũng được nghe từ Ngài Tin Mừng về lòng Thiên Chúa Cha chăm sóc cho họ và họ xác tín rằng sự sống của họ cũng là một hồng ân được giữ chắc trong bàn tay Cha” (x.t 6,25-34).

Chính những “kẻ nghèo khổ” được đặc biệt quan tâm bởi lời giảng và hành động của Chúa Giêsu. Những đoàn bệnh nhân và người bên lề xã hội khi đi theo Chúa, và đi tìm Chúa, đã gặp được trong lời nói và hành vi của Ngài sự Mặc Khải về giá trị sự sống của họ, và về những gì làm cơ sở cho việc họ mong chờ ơn cứu độ.

Trong sứ mệnh của Giáo Hội khi loan báo về Chúa Giêsu “Đấng” đi qua đâu cũng đều thi ân giáng phúc và chữa lành mọi kẻ bị quỷ ma thống trị, vì Thiên Chúa ở cùng Ngài” (Cv 10,38), Giáo Hội cũng biết rằng mình mang sứ điệp cứu rỗi đang vang vọng một cách trọn vẹn mới mẻ, nhất là giữa những hoàn cảnh của khốn cùng và nghèo đói mà con người phải trãi qua trong cuộc đời. Chính thánh Phêrô đã làm như thế, khi chữa lành người què, ngày ngày được đưa tới đặt gần “Cửa Đẹp” của Đền Thờ Giêrusalem để xin bố thí: “Bạc vàng thì tôi không có, nhưng có gì thì tôi cho anh: nhân danh Chúa Giêsu người Nazareth, anh hãy bước đi” (Cv 3,6). Trong niềm tin vào Chúa Giêsu “tác giả sự sống” (Cv 3,15), thì sự sống hiện có đó, bị bỏ rơi và đang van xin lại gặp được ý thức về mình và gặp được phẩm giá đầy đủ.

Lời nói và việc làm của Chúa Giêsu và của Giáo Hội không chỉ liên hệ tới người sống trong bệnh tật, đau khổ hay trong những hình thức bị gạt bỏ khác nhau. Một cách sâu xa hơn, những lời nói việc làm ấy đụng chạm tới ý nghĩa sự sống của mọi người trong chiều kích luân lý và tinh thần của họ. Chỉ ai nhìn nhận đời sống mình bị mắc bệnh tội lỗi, mới có thể tìm lại được trong cuộc gặp Chúa Giêsu Đấng Cứu Thế, chân lý và sự chính thực của đời mình, như lời Chúa Giêsu dạy: “Có cần đến lương y, hẳn không phải là người lành mạnh, mà là người đau ốm. Ta không đến gọi những người công chính mà gọi người tội lỗi hối cải” (Lc 5,31-32).

Trái lại, người bắt chước anh nông dân giàu có trong dụ ngôn Tin Mừng, tưởng mình có thể bảo đảm cuộc sống chỉ bằng tài sản vật chất của mình, thì thực ra đã sai lầm, sự sống đã vụt tắt khỏi anh ta, anh ta mất nó rất nhanh, không nhìn ra được ý nghĩa thực của sự sống: “Đồ ngu ngốc, ngay đêm nay người ta sẽ đòi hồn ngươi, mọi thứ ngươi tích trữ sẽ về tay ai?” (Lc 12,20).

**33.** Chính trong cuộc đời của Chúa Giêsu từ đầu tới cuối, mà ta tìm gặp được “biện chứng” lạ lùng giữa kinh nghiệm về sự bấp bênh của sự sống con người và sự khẳng định của sự sống ấy. Quả thật, sự sống của Chúa Giêsu đã được ghi dấu bằng sự bấp bênh ngay từ khi Ngài sinh ra. Quả thực Chúa đã gặp được sự đón tiếp thuận lợi của những người công chính, họ hiệp ý với lời “xin vâng” nhanh nhẹn và vui vẻ của Đức Maria (x. Lc 1,38). Nhưng cũng chính ngay từ đầu đã có sự từ chối của một thế giới tỏ ra thù địch và tìm hài nhi để giết đi (Mt 2,13), hoặc là dửng dưng, không quan tâm tới việc hoàn tất mầu nhiệm sự sống đã vào nơi trần thế: “Không còn chỗ nào trong quán cho hai ông bà (Lc 2,7). Sự tương phản giữa một đàng là những đe doạ bất an, một đàng là quyền năng của ơn Thiên Chúa ban làm rạng ngời lên, hết sức mạnh mẽ, chính vinh quang toát ra từ máng cỏ Bêlem và từ căn nhà Nazareth: sự sống sinh ra đây là ơn cứu độ cho nhân loại. (x. Lc 2,14).

Những mâu thuẫn, những rủi ro trong cuộc sống Chúa Giêsu nhận cả: “Giàu có như Ngài, mà vì anh em, Ngài đã nên nghèo khổ, ngõ hầu anh em nên giàu có, nhờ sự khó nghèo của Ngài” (2Cr 8,9). Sự nghèo khó mà Thánh Phaolô nói, không chỉ là trút bỏ mọi đặc ân của thần tính, mà còn là chia sẻ mọi cảnh sống thấp hèn nhất, bấp bênh nhất của đời người, (x. Pl 2,6-7). Chúa Giêsu sống cảnh nghèo trong suốt cuộc đời trần thế, tới giây phút cuối cùng trên Thập Giá: “Ngài đã hạ mình thấp hèn, trở nên vâng phục cho đến chết, và chết trên thập giá. Bởi vậy, Thiên Chúa đã siêu tôn Ngài và trao Ngài danh hiệu vượt trên mọi danh hiệu”. (Pl 2,8-9). Chính trong cái chết của mình mà Chúa Giêsu mạc khải tất cả sự cao cả và giá trị của sự sống, bởi vì việc Ngài tự hiến dâng trên Thập giá đã trở nên nguồn sống mới cho mọi người (x. Ga 12,32) khi Ngài đối diện với những chống đối và những cái tiêu diệt sự sống của Ngài, Chúa Giêsu đi thẳng tới vì nắm chắc bảo đảm rằng sự sống của Ngài ở trong tay Chúa Cha. Vì thế, trên cây Thập Tự, Ngài thân thưa: “Lạy Cha, Con ký thác hồn Con trong tay Cha” (Lc 23,46) tức là Chúa Giêsu phó thác sự sống cho Chúa Cha. Quả thực là cao cả, giá trị của sự sống con người, vì Con Thiên Chúa đã lãnh nhận sự sống ấy và làm cho trở nên dụng cụ để Cứu độ toàn thể nhân loại!

***Vinh Quang Thiên Chúa rạng ngời trên khuôn mặt của con người***

***“Được gọi… để nên người đồng hình đồng dạng với hình ảnh Con của Người (Rm 8,28-29)***

**34.** Sự sống bao giờ cũng là điều thiện hảo. Đó là điều ta trực giác thấy, mà cũng là một dữ kiện của kinh nghiệm mà con người được gọi để thấu hiểu lý do sâu xa của nó.

Tại sao sự sống là một thiện hảo? – Câu hỏi được đặt ra trong toàn bộ Kinh Thánh và ngay những trang đầu, đã tìm ra được câu giải đáp mạnh mẽ tuyệt vời. Sự sống mà Thiên Chúa ban cho con người thì khác với và tách biệt khỏi sự sống của bất cứ sinh vật nào, bởi vì, dù vẫn “thân thích” với bụi đất (x. St 2,7; 3,19; G 34,15; Tv 103 (102),14; 104(103),29), con người trên trái đất là sự biểu lộ Thiên Chúa, một dấu chỉ cho sự hiện diện của Ngài, một vết tích của vinh quang Ngài (x. St 1,26-27; Tv 8,6). Đó là điều Thánh Irênê thành Lyon muốn nhấn mạnh bằng định nghĩa thời danh: “Vinh quang Thiên Chúa là con người đang sống” (23). Con người đã được trao ban một phẩm giá cao sang mà căn nguyên bám sâu trong liên hệ thân thiết nối kết con người với Đấng Tạo Thành nên họ: nơi con người, toả sáng chính thực tại của Thiên Chúa.

Đấy là khẳng định của sách Sáng thế ký, trong trình thuật thứ nhất về nguồn gốc các sự vật, trình thuật này đặt con người trên đỉnh cao trong công trình sáng tạo của Thiên Chúa, như một kết thúc cho khối hỗn mang vô dạng, sau thời kỳ phát triển, đã đạt tới tạo vật hoàn thành nhất. Trong tạo vật tất cả đều được hướng tới con người và tất cả luỵ thuộc con người: “Hãy nên đầy dẫy trên đất, hãy bá chủ nó! Hãy cai trị …trên mọi loài sinh vật” (St 1,28). Thiên Chúa đã truyền lệnh cho người nam và người nữ như vậy. Trình thuật này thuộc về nguồn gốc các vật, đưa ra một sứ điệp tương tự: “Giavê Thiên Chúa đã đem con người đặt trong vường Eden để canh tác và giữ vườn” (St 2,15). Như vậy là quyền bá chủ của con người trên các vật được tái khẳng định: mọi vật được dành cho con người, được giao cho con người chịu trách nhiệm, trong khi con người không vì một lý do gì mà có thể bị nô lệ cho đồng loại mình, cũng không bị liệt một cách nào đó vào hàng sự vật.

Trong trình thuật Thánh Kinh, sự phân biệt giữa con người và các thụ tạo khác được bày tỏ hiển nhiên qua sự kiện việc sáng tạo nên con người được trình bày như kết quả do một quyết định đặc biệt của Thiên Chúa, do một thảo luận để đặt mối dây liên hệ riêng và đặc biệt với Đấng Tạo Hoá: “Ta hãy làm ra người theo hình ảnh Ta, giống như ta” (St 1,16), sự sống mà Thiên Chúa ban tặng con người là một hồng ân, qua đó Thiên Chúa làm cho thụ tạo của Ngài tham dự vào cái gì đó của chính Ngài.

Israel tự hỏi mình rất lâu về ý nghĩa của mối liên hệ riêng đặc biệt giữa con người với Thiên Chúa. Sách Giảng Viên cũng nhận rằng khi Thiên Chúa dựng nên loài người, “Ngài mặc cho họ bộ áo sức mạnh và dựng nên họ theo hình ảnh Ngài” (Gv 17,3). Tác giả Thánh Kinh nối kết với điều đó không những việc con người cai trị thế giới, mà cả những tài năng tinh thần đặc thù của con người nữa, như lý trí, khả năng phân biệt tốt xấu, ý chí tự do: “Ngài ban cho họ được đầy trí thức và thông minh, và cho họ biết được điều thiện điều ác” (Gv 17,7). Khả năng đạt tới chân lý và tự do là những đặc ân của con người xét theo sự kiện con người được tạo thành theo hình ảnh Đấng Tạo Hoá, Thiên Chúa chân thật và công minh (x. Đnl 32,4). Trong các tạo vật hữu hình, chỉ con người có được “khả năng nhận biết và yêu mến Đấng Sáng Tạo nên mình” (24). Sự sống mà Thiên Chúa ban cho con người còn hơn cả một cuộc hiện hữu trong thời gian. Đây là việc vươn tới sự sống sung mãn; đây là mầm của sự sinh tồn vượt ra khỏi giới hạn thời gian. “Phải, Thiên Chúa đã dựng nên con người để không hư nát, Ngài làm ra nó như hình ảnh của bản tính Ngài”. (Kn 2,23).

**35.** Trình thuật Giavít về nguồn gốc các sự vật cũng diễn tả xác tín ấy. Quả vậy câu chuyện kể xa xưa nói về hơi thở thần linh được thổi vào con người để con người bước vào sự sống. “Giavê Thiên Chúa đã nắn hình người bằng đất bùn nhuyễn và Ngài đã hà hơi sống vào mũi nó và người đã thành một hữu thể sống động” (St 2,7)

Nguồn gốc thần linh của tinh thần sự sống ấy giải thích tại sao có sự triền miên không thoả mãn đi theo con người suốt cuộc đời. Được Thiên Chúa dựng nên, mang trong mình một dấu ấn thần linh không thể xoá được, tự nhiên con người vươn lên với Chúa. Khi lắng nghe khát vọng sâu xa của lòng mình, con người không thể không coi như của chính mình, lời chân thật này của Thánh Augustinô “Lạy Chúa, Chúa tác thành chúng con cho Chúa, và lòng chúng con không an nghỉ được, cho tới khi nó ở trong Ngài” (25)

Càng có ý nghĩa hơn nữa, khi thấy cái không thoả mãn này xâm nhập sự sống của con người trong vườn Eđen, bao lâu người chỉ quan hệ với thế giới thực vật và động vật mà thôi (x. St 2,20). Mãi tới khi xuất hiện người nữ, một hữu thể là thịt của thịt mình, là xương của xương mình (x. St 2,23) và nơi nàng cũng có thần khí sống của Thiên Chúa sáng tạo, bấy giờ người mới có thể thoả mãn nhu cầu đối thoại giữa các nhân vị, là điều sinh tử trong cõi nhân sinh. Trong kẻ khác là người nam hay nữ đó, Thiên Chúa đã giải toả hình ảnh Ngài, Đấng là cùng đích làm thoả mãn mọi con người.

“Con người là chi mà Chúa tưởng nghĩ đến, loài người là gì mà Chúa phải chăm lo?” Tác giả thánh vịnh tự hỏi như vậy (Tv 8,5). đứng trước cảnh vũ trụ bao la, con người quả là một vật bé nhỏ, nhưng chính nét tương phản này làm nổi bật sự cao cả của con người: “Người đã dựng nên con người kém thiên thần một chút, (cũng có thể dịch: “kém Thiên Chúa một chút”) danh dự và vinh quang, Ngài ban tặng con người” (Tv 8,6). Vinh quang Thiên Chúa rực rỡ trên nét mặt con người. Nơi con người, Thiên Chúa gặp được chốn nghỉ ngơi, như Thánh Ambrôsiô đã thán phục và cảm kích chú giải: “Ngày thứ sáu đã kết thúc; công trình sáng tạo thế giới đã hoàn thành với việc dựng nên kiệt tác là con người, còn con người thì hành xử quyền bính trên mọi sinh vật, vì người là tột đỉnh của vũ trụ và là nét đẹp cao quý nhất của mọi hữu thể đã được tạo thành. Thật vậy, lẽ ra chúng ta phải tôn kính mà im lặng, vì Chúa đã nghỉ ngơi sau khi sáng tạo thế giới. Sau đó Ngài nghỉ ngơi trong sâu thẳm của con người, Ngài nghỉ ngơi trong tâm trí và tư tưởng của con người: Quả vậy, Ngài đã dựng nên con người có lý trí, có thể bắt chước Ngài, noi theo các nhân đức của Ngài, khát vọng những hồng ân thiên giới. Trong những ân huệ đó là ơn ban của Ngài, Thiên Chúa nghỉ ngơi, Ngài phán: “Ta sẽ nghỉ ngơi trên ai,… nếu không phải trên con người khiêm tốn, người yên hàn và run sợ trước lời Ta” (Is 66,1-2). Tôi cảm tạ Chúa là Thiên Chúa chúng ta, Ngài dựng nên một công trình kỳ diệu quá đỗi để nơi đó Ngài gặp được chốn nghỉ ngơi” (26)

**36.** Rủi thay kế hoạch lạ lùng của Thiên Chúa lại bị phản ngược vì tội lỗi đã xâm nhập vào lịch sử. Bởi tội lỗi, con người khởi loạn chống lại Đấng tạo thành nên mình, để sau đó thờ các thụ tạo, thờ ngẫu tượng: “Họ đã tôn thờ và phụng sự tạo vật hơn là thờ Đấng Tạo Hoá” (Rm 1,25). Như vậy, làm dơ bẩn nơi mình chính hình ảnh của Thiên Chúa vẫn chưa đủ, con người còn dám xúc phạm hình ảnh ấy nơi những người khác nữa, bằng cách thay thế nhiều quan hệ hiệp thông bằng những thái độ khinh thường dửng dưng, thù nghịch tới mức ghen ghét sát nhân. Khi người ta không nhận biết Thiên Chúa như là Thiên Chúa, người ta sẽ phản bội ý nghĩa sâu xa về con người và vi phạm sự hiệp thông giữa loài người.

Trong đời sống con người, hình ảnh Thiên Chúa lại sáng ngời và bộc lộ với tất cả sự sung mãn khi Con Thiên Chúa xuống mang lấy thân xác con người: “Ngài là hình ảnh của Thiên Chúa vô hình” (Cl 1,15), là “ánh rạng ngời vinh quang của Thiên Chúa, là ảnh đúc bản thể của Người” (Dt 1,3). Ngài là hình ảnh hoàn hảo của Chúa Cha.

Sau cùng kế hoạch về sự sống được trao phó cho Ađam thứ nhất cũng hoàn tất trong Chúa Kitô. Khi sự bất tuân của Adam nhận chìm và làm sai lệch ý định của Thiên Chúa trên cuộc sống của con người, và làm cho sự chết len lõi vào thế gian, thì sự tuân phục của Chúa Kitô Cứu Thế là nguồn ơn lại tràn đổ trên mọi người, khi mở cửa vương quốc sự sống cho tất cả (x. Rm 5,12-21). Thánh Phaolô tông đồ khẳng định điều đó: “Người đầu tiên là Ađam đã thành hồn sống, còn Ađam cuối cùng đã nên thần khí tác sinh (1 Cr 15,45).

Tất cả những ai chấp nhận đi theo Chúa Kitô, sẽ được sống sung mãn, nơi họ, hình ảnh Thiên Chúa được phục hồi, đổi mới, đưa tới mức hoàn thiện. Đấy là ý định của Thiên Chúa trên tất cả mọi người: Họ hãy nên “đồng dạng với hình ảnh con của Ngài” (Rm 8,29). Chỉ có như thế, trong ánh sáng ngời của hình ảnh này, con người mới có thể được cứu thoát khỏi vòng nô lệ của việc thờ ngẫu tượng, mới có thể xây dựng tình huynh đệ đã bị gãy đổ và tìm lại được căn tính của mình.

***Ơn ban của sự sống vĩnh cửu***

***“Ai Sống và tin Ta sẽ không chết bao giờ” (Ga 11,26)***

**37.** Sự sống mà Thiên Chúa đã ban cho loài người không chỉ giới hạn ở cuộc sinh tồn trong thời gian. Sự sống, vốn từ muôn thuở ở “trong Ngài” và là “ánh sáng cho loài người” (Ga 1,4), sự sống ấy hệ tại việc được sinh ra bởi quyền năng Thiên Chúa và tham dự bởi tình yêu sung mãn của Ngài: “Còn những ai đón nhận Ngài, thì Ngài ban cho họ quyền làm con Thiên Chúa, cho những kẻ tin vào Danh Ngài, họ không do máu huyết mà sinh ra, cũng không phải do ý xác thịt, cũng không phải do ý của nam nhân, nhưng chính do bởi Thiên Chúa mà được sinh ra” (Ga 1,12-14)

Đôi khi, Chúa Giêsu gọi sự sống Ngài mang đến bằng danh từ đơn giản “sự sống” và Ngài trình bày sự sinh ra bởi Thiên Chúa như điều kiện tất yếu để có thể đạt cùng đích mà vì đó Chúa đã sáng tạo con người: “Ai không bởi trên mà sinh ra, thì không thể thấy được Nước Thiên Chúa” (Ga 3,3). Ơn ban sự sống này làm nên đối tượng riêng của sứ mệnh Chúa Giêsu: Ngài là “Đấng từ trời xuống và ban sự sống cho thế gian” (Ga 6,33) đến độ Ngài đã hết sức chân thật khẳng định: “Ai theo Ta …sẽ có ánh sáng ban sự sống” (Ga 8,12)

Vào những dịp khác, Chúa Giêsu nói tới sự sống vĩnh hằng bằng cách dùng một tính từ không nguyên chỉ nhắm về một nhãn giới siêu thời gian. “Sự sống được hứa và được trao ban nhờ Chúa Giêsu là sự sống vĩnh hằng bởi vì nó là sự tham dự sung mãn vào sự sống của Đấng Vĩnh Hằng. Ai tin Chúa Giêsu và hiệp thông với Ngài, là có sự sống vĩnh hằng, vì chính bởi Ngài mà người ấy hiểu được những lời có thể mạc khải và thông ban sự sống đời đời” mà Phêrô đã nhận ra trong lời tuyên tín: “Lạy Thầy, chúng con sẽ đi theo ai? Thầy có những lời đem đến sự sống đời đời. Và chúng con đã tin cùng nhận biết Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa” (Ga 6,68-69). Sự sống đời đời được Chúa Giêsu định nghĩa khi Ngài thân thưa với Cha trong lời nguyện tư tế: “Sự sống đời đời là chúng nhận biết Cha là Thiên Chúa duy nhất và chân thật, và Đấng Cha đã sai đến là Chúa Giêsu Kitô!” (Ga 17,3). Nhận biết Thiên Chúa và Con của Ngài, là tiếp nhận mầu nhiệm hiệp thông tình yêu của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần vào đời sống của ta mà ngay bây giờ đã hướng mở về cuộc sống vĩnh cửu trong việc thông phần vào sự sống Thiên Chúa.

**38.** Vậy sự sống đời đời là chính sự sống của Thiên Chúa cũng như sự sống của những con cái Thiên Chúa. Người tín hữu không thể không càng ngày càng sửng sốt bỡ ngỡ và không thể không tri ân vô hạn trước chân lý lạ lùng khôn tả từ Thiên Chúa mà đến với ta trong Chúa Kitô. Người tín hữu sẽ mượn lời Thánh Gioan tông đồ mà kêu lên: “Hãy coi tình yêu Chúa Cha ban cho ta lớn lao dường nào, để ta được gọi là con Thiên Chúa. Và thực chúng ta là con Thiên Chúa!… Anh em thân mến, hiện giờ ta là con cái Thiên Chúa, ta sẽ là gì thì chưa được tỏ hiện. Ta biết rằng một khi điều ấy tỏ hiện, thì ta sẽ được giống như người, vì Người thế nào, ta sẽ được thấy như vậy” (1 Ga 3,1-2). Chính như thế mà chân lý Kitô giáo về sự sống đạt tới mức tràn đầy. Giá trị sự sống không chỉ gắn liền với nguồn cội của nó, theo như nó được trao ban từ Thiên Chúa, mà còn nối kết vào cùng đích, vào vận mệnh của nó là được hiệp thông với Thiên Chúa, để nhận biết và yêu mến Ngài: Chính qua ánh sáng chân lý này mà Thánh Irênê xác định và bổ túc việc tuyên dương con người: “Vinh quang của Thiên Chúa đúng là “con người đang sống”, “nhưng sự sống của con người” là được “hưởng kiến Thiên Chúa” (27).

Từ đó, ta rút ra những hệ quả trực tiếp cho sự sống con người ngay trong thân phận trần thế của họ, nơi đó sự sống đời đời đã nảy mầm và tăng trưởng. Nếu con người tự bản năng vốn yêu sự sống vì sự sống là một thiện hảo, thì tình yêu này còn tìm thấy ra một động lực và một sức mạnh khác, một mức độ sâu rộng mới trong những chiều kích thần linh của thiện hảo này. Theo viễn ảnh ấy, tình yêu của bất cứ người nào đối với sự sống không chỉ hạn hẹp vào việc tìm một không gian để bày tỏ chính mình họ và để tương giao với những người khác mà thôi, nhưng tình yêu ấy còn mở rộng trong ý thức hân hoan rằng họ có thể làm cho cuộc sống họ trở nên “nơi chốn” Thiên Chúa tỏ mình ra, nơi được gặp Ngài và hiệp thông với Ngài. Sự sống mà Chúa Giêsu trao ban cho ta không làm giảm giá trị cuộc sống ta trong thời gian, nhưng đón nhận giá trị ấy và dẫn đưa nó tới vận mệnh cánh chung: “Ta là sự sống lại và là sự sống, ai sống và tin Ta sẽ không chết bao giờ” (Ga 11,25-26)

***Tôn trọng và yêu quý sự sống của mọi người***

***“Với từng người, Ta sẽ đòi trả lẽ về sự sống của anh em mình” (St 9,5)***

**39.** Sự sống của con người từ Thiên Chúa mà đến, đó là ân huệ của Ngài, là hình ảnh, dấu ấn của Ngài. Thiên Chúa là Đức Chúa duy nhất của sự sống này: Con người không thể định đoạt về nó. Chính Thiên Chúa đã nhắc lại cho Noe sau đại hồng thuỷ: “Từ máu ngươi, là chính mạng sống ngươi, Ta sẽ đòi trả lẽ … với mọi người: với từng người, Ta sẽ đòi trả lẽ về mạng sống anh em mình” (St 9,5). Bản văn Kinh Thánh đã cẩn thận nhấn mạnh rằng tính cách thánh thiêng của sự sống có cơ sở nơi Thiên Chúa và nơi hành động sáng tạo của Ngài: “Vì con người được tạo nên theo hình ảnh của Thiên Chúa” (St 9,6).

Vậy sự sống và sự chết của con người ở trong bàn tay Thiên Chúa, ở trong quyền năng Ngài: “Chính Chúa nắm trong tay hồn của mọi sinh linh và hơi thở của mọi xác thịt người phàm” ông Job đã kêu lên như vậy (G 12,10).”Giavê làm cho chết và làm cho sống, người đày xuống âm phủ và lại đưa lên” (1 Sm 2,6). Chỉ có Ngài mới có quyền phán: “Chính Ta làm cho chết và làm cho sống” (Đnl 32,39).

Thiên Chúa không thực hiện uy quyền một cách tùy nghi hay tàn ác, nhưng với sự ân cần và chăm sóc đầy yêu thương đối với các tạo vật của Ngài. Nếu quả thật đời sống con người ở trong tay Thiên Chúa, thì cũng rất thật là đôi tay ngài đầy dịu hiền, như đôi tay người mẹ đón nhận, nuôi nấng và chăm sóc con mình: “Con giữ hồn con bình an im lặng, hồn con ở trong con, như bé thơ trong lòng mẹ hiền” (Tv 131/139,2; x. Is 49,15; 66,12-13; Hs 11,4). Như thế, trong lịch sử các dân tộc và trong cảnh đời từng các nhân, Israel không thấy có hậu quả do ngẫu nhiên thuần tuý hay do vận mệnh mù quáng, nhưng nhìn ra kết quả do một ý định yêu thương, qua đó Thiên Chúa khôi phục mọi tiềm năng của sự chết do tội lỗi gây ra: “Thiên Chúa không làm ra sự chết, Ngài không vui khi mất một sinh linh, Ngài dựng nên tất cả để tồn tại” (Kn 1,13-14).

**40.** Sự sống là thánh thiêng, nó mang tính bất khả xâm phạm được khắc ghi từ ban đầu trong lòng người, trong lương tâm con người. Câu hỏi: “Ngươi đã làm gì?” (St 4,10) mà Thiên Chúa hỏi Cain, sau khi hắn ta đã giết Abel em mình, diễn tả kinh nghiệm của mọi người: trong đáy sâu lương tâm mình, con người vẫn được nhắc nhở về tính bất khả xâm phạm của sự sống, sự sống mình cũng như sự sống của người khác, như một thực thể không thuộc con người, vì nó là sở hữu và ân ban của Đấng Tạo hoá và cũng là Cha của họ.

Giới răn liên hệ tới tính bất khả xâm phạm của sự sống vang lên giữa “mười lời” trong giao ước Sinai. (x. Xh 20,13). “Ngươi đừng giết kẻ vô tội, người ngay lành” (Xh 23,7). Giới răn ấy còn cấm gây thương tích cho người khác, như bộ luật của Israel về sau đã giải thích: cấm gây thương tích cho người khác (x. Xh 21,12-27).

Phải nhìn nhận rằng trong Cựu Ước, việc quan tâm tới giá trị của sự sống, dù được khẳng định rõ ràng, nhưng chưa đạt tới nét tinh vi của Bài giảng trên núi, như ta thấy trong một số Bộ luật hình sự có hiệu lực vào thời ấy, trong đó đã qui định những hình phạt nặng nề trên thân thể, có khi còn có án tử hình. Nhưng sứ điệp tổng quát mà Tân ước sẽ phải đưa tới mức hoàn hảo, vốn đã là lời kêu gọi khẩn thiết phải tôn trọng tính bất khả xâm phạm của sự sống thể lý và sự toàn vẹn nơi con người; giới luật ấy đạt tới cao độ trong điều răn tích cực bắt buộc lãnh trách nhiệm về người lân cận như về chính mình: “Ngươi sẽ yêu mến người lân cận như chính mình” (Lv 19,18).

**41.** Giới luật: “Ngươi sẽ không giết người”, được bao hàm và được đào sâu trong giới luật tích cực về tình yêu đối với người lân cận, được Chúa Giêsu tái khẳng định trong tất cả ý lực của giới răn ấy. Với chàng thanh niên giàu sang đến hỏi: “Thưa Thầy tôi phải làm gì để được sống đời đời? Chúa Giêsu đáp: Nếu anh muốn vào trong sự sống, anh hãy giữ các giới luật” (Mt 19,16-17). Rồi Chúa nêu lên như điều thứ nhất trong những giới luật này: “ngươi chớ giết người” (câu 18). Trong bài giảng trên núi, Chúa Giêsu đòi hỏi các môn đệ một sự công chính cao hơn sự công chính của giới Ký lục và Biệt phái, trong mọi lĩnh vực, kể cả lĩnh vực tôn trọng sự sống: “Các ngươi đã nghe bảo người xưa: chớ giết người; kẻ giết người thì sẽ can án. Còn Ta, Ta bảo các ngươi: phàm ai tức giận anh em mình thì sẽ can án”. (Mt 5,21-22).

Sau đó bằng những lời nói và hành vi của mình, Chúa Giêsu đòi hỏi những tích cực của giới luật này về tính bất khả xâm phạm của sự sống. Những đòi hỏi ấy đã có trong Cựu Ước, trong đó luật lệ quan tâm đến việc bảo hộ và cứu trợ những người có cuộc sống yếu kém và bị đe doạ: ngoại kiều, bà goá, kẻ mồ côi, bệnh tật, nói chung là kẻ nghèo, cả đến sự sống trước khi sinh ra nữa (x. Xh 21,22; 22,20-26). với Chúa Giêsu, những đòi hỏi tích cực này mang một sức mạnh và một đà tiến mới, cũng như chúng được biểu lộ hoàn toàn sâu rộng: chúng đi từ sự cần thiết phải săn sóc đời sống của người anh em (người cùng một gia đình, thuộc cùng một dân tộc, người ngoại kiều ở trên đất Israel) tới việc gánh trách nhiệm về người ngoại quốc, cho tới cả việc yêu thương kẻ thù.

Người ngoài sẽ không còn là người ngoài nữa đối với kẻ tự làm cho mình gần gũi những ai cần được giúp đỡ, đối với kẻ cảm thấy mình có trách nhiệm về sự sống của họ, như Chúa Giêsu dạy rất hùng hồn trong dụ ngôn người Samari nhân hậu (x. Lc 10,25-37). Cả kẻ thù cũng không còn là kẻ thù nữa đối với ai quyết tâm yêu thương họ (x. Mt 5,38-40; Lc 6,27-35) lại còn “làm ơn” cho họ (x. Lc 6, 27.33-35). Tình yêu này khi đạt tới tột đỉnh trong việc cầu nguyện cho kẻ thù sẽ làm cho ta được hoà nhịp với tình yêu khoan dung của Thiên Chúa: “Còn Ta, Ta bảo các con: hãy mến yêu thù địch và khẩn cầu cho những kẻ bắt bớ các con, ngõ hầu các con nên những người con của Cha các con, Đấng ở trên trời, vì Ngài cho mặt trời mọc lên trên kẻ dữ và người lành, và làm mưa trên người ngay và kẻ ác” (Mt 5, 44-45; Lc 6,28-35).

Như vậy, lệnh truyền của Thiên Chúa, chủ tâm bảo vệ đời sống con người, đã đi tới mức sâu xa trong sự đòi hỏi tôn trọng và thương mến mọi người cũng như mọi sự sống. Giáo huấn của Thánh Phaolô cũng vang vọng lời Chúa Giêsu đã dạy, Thánh tông đồ viết cho các Kitô hữu Roma: “những giới luật: chớ ngoại tình, chớ giết người, chớ trộm cắp, chớ tham muốn, và mọi lệnh truyền nào khác đều tóm lại nơi một lời này: Ngươi hãy yêu đồng loại như chính mình. Yêu mến hẳn không làm hại người đồng loại. Vậy yêu mến là chu toàn cả lề luật” (Rm 13,9-10).

***Những trách nhiệm của con người đối với sự sống***

***“Hãy nên phong phú, sinh sôi nảy nở, đầy dẫy trên đất và bá chủ nó (St 1,28)***

**42.** Bảo vệ và thăng tiến sự sống, tôn trọng và yêu mến sự sống, đó là nhiệm vụ Thiên Chúa trao cho mọi người, khi kêu gọi họ, vốn là hình ảnh sống động của Chúa, tham dự vào quyền làm chủ mà Ngài đang thực hiện trên thế giới: “Thiên Chúa đã chúc lành cho chúng và phán bảo chúng: Hãy sinh sôi nảy nở đầy dẫy trên đất và bá chủ nó! Hãy cai trị trên các biển chim trời và mọi loài sinh vật bò trên đất” (St 1,28).

Bản văn Kinh Thánh làm sáng tỏ chiều rộng của quyền làm chủ mà Chúa ban cho con người. Trước hết đây là việc cai trị trên mặt đất và trên mọi sinh vật, như sách Khôn ngoan nhắc nhở: “Lạy Thiên Chúa của tổ tiên, là Chúa đầy thương xót…Chúa đã dùng sự khôn ngoan Chúa mà tạo nên con người để cai trị các tạo vật mà Chúa làm ra, để cai trị chúng trong thánh thiện công bình” (Kn 9,1-3). Tác giả Thánh vịnh cũng đề cao việc làm chủ của con người như dấu chỉ của Vinh quang và Danh dự được Đấng Tạo hoá ban cho: “Chúa cho con người thống trị các kiệt tác tay Ngài làm muôn sự, Ngài đã đặt dưới chân (con người) chiên, dê, bò, ngựa hết thảy, lại thêm các thú rừng, chim trời, cá biển, những vật ngang dọc trên đại dương…(Tv 8,7-8).

Được gọi để trồng trọt và giữ vườn thế giới (x. St 2,15) con người có trách nhiệm riêng đối với môi trường sự sống, nghĩa là đối với thiên nhiên mà Chúa đã dựng và sắp đặt để phục vụ phẩm giá cá vị của con người, phục vụ sự sống con người, và Ngài làm như vậy không những cho hiện tại, mà cho các thế hệ tương lai nữa. Đó là vấn đề môi sinh- từ việc bảo quản “nơi ở” tự nhiên của mọi loài động vật và nhiều hình thức sống khác cho đến “môi sinh của con người” nói riêng (28)- đều thấy trong trang Kinh Thánh này một lời linh hứng rõ ràng và mạnh mẽ mang tính đạo đức, để mọi giải pháp phải tôn trọng điều thiện hảo lớn lao nhất, là sự sống, mọi sự sống. Thực ra, “Quyền bá chủ mà Đấng Tạo Hoá ban cho con người, không phải là tuyệt đối, và người ta không thể nói đến tự do “sử dụng hay lạm dụng”, hoặc đặt để mọi cái theo như mình muốn được. Giới hạn mà Thiên Chúa đặt ra ngay từ đầu và được diễn tả biểu trưng bằng việc “cấm ăn trái Cây” (St 2,16-17), giới hạn đó cho thấy rõ ràng rằng, trong khung cảnh thiên nhiên hữu hình, chúng ta vẫn phải tuân phục các định luật không những về sinh học mà còn về luân lý, những định luật không thể vi phạm cách vô tội vạ”. (29)

**43.** Việc con người tham dự phần nào đó vào quyền Chủ Tể của Thiên Chúa cũng được biểu lộ rõ ràng, do sự kiện họ được trao phó trách nhiệm đặc thù đối với sự sống con người nói riêng. Đó là một trách nhiệm sẽ đạt tới đỉnh cao khi người nam và người nữ, trong bậc hôn nhân, ban tặng sự sống qua việc sinh sản, như công đồng Vatican II nhắc lại: “Chính Thiên Chúa, Đấng đã phán: “người ta ở một mình không tốt” (St 2,18), và là Đấng ngay từ ban đầu đã dựng nên con người có nam có nữ (x. Mt 19,4), muốn con người đặc biệt tham dự vào công trình sáng tạo, vì thế Ngài chúc phúc cho người nam và người nữ: “Hãy sinh sôi nảy nở thêm nhiều” (St 1,28) (30). Khi nói người nam và người nữ “tham dự đặc biệt” vào “công trình sáng tạo” của Thiên Chúa, Công Đồng muốn nhấn mạnh: sinh được một đứa con là biến cố có tính nhân bản sâu sắc và tính tôn giáo cao cả, vì biến cố này đòi hỏi sự dấn thân của hai người phối ngẫu sau khi họ đã nên “một thân xác” (St 2,24), đồng thời Thiên Chúa cũng hiện diện trong biến cố đó. Như tôi đã viết trong Thư gởi các Gia đình, “khi sự phối hiệp trong hôn nhân của hai người sinh ra người mới, thì em bé này mang trong đời hình ảnh và hoạ ảnh đặc biệt giống như Thiên Chúa: trong môn sinh học về ngành sinh sản, đã ghi khắc gia phả con người. Khi khẳng định rằng đôi vợ chồng, vì là cha mẹ, nên cũng là cộng tác viên của Thiên Chúa Sáng Tạo trong việc nhận mang thai và sinh một người mới, chúng ta không chỉ nhắc tới các định luật sinh học thôi mà đúng hơn chúng ta muốn nhấn mạnh rằng, trong việc làm cha làm mẹ đó của con người, chính Thiên Chúa hiện diện một cách khác với những gì xảy ra trong các loại hình sinh sản khác “trên trái đất”. Quả thế, “hình ảnh” và “hoạ ảnh” của Thiên Chúa chỉ có thể từ Thiên Chúa mà tới, và là điều dành riêng cho con người, như đã xảy ra trong ngày sáng tạo. Sinh sản là tiếp tục sáng tạo.”(31).

Đấy là điều bản văn Kinh Thánh dạy bằng ngôn ngữ nói và trực tiếp, bản văn kể lại tiếng reo vui của người nữ đầu tiên, “mẹ của tất cả chúng sinh (St 3,20). Ý thức được sự can thiệp của Thiên Chúa, bà Eva kêu lên: “Tôi đã được một người con nhờ ơn Đức Chúa” (St 4,1). Trong việc sinh sản, khi sự sống được thông truyền từ cha mẹ tới người con, và nhờ sự sáng tạo “linh hồn bất tử (32), thì hình ảnh và hoạ ảnh Thiên Chúa cũng truyền theo. Chính theo nghĩa đó mà “sách gia phả Adam” diễn tả: “Ngày Thiên Chúa dựng nên người, thì Chúa dựng nên người theo hoạ ảnh Thiên Chúa. Chúa dựng nên họ có nam có nữ; Chúa chúc phúc cho họ và cho họ cái tên là “người”, vào ngày họ được tạo thành. Khi Adam được một trăm ba mươi ba tuổi, ông sinh một con trai theo hoạ ảnh ông như hình ảnh ông, và ông đặt tên là Seth” (St 5,1-3). Chính trong vai trò cộng tác viên của Thiên Chúa, là truyền hoạ ảnh cho tạo vật mới, đã thể hiện sự cao cả của đôi vợ chồng, họ được chuẩn bị đủ mà “cộng tác với tình yêu của Đấng Tạo Hoá và Cứu Độ, Đấng muốn nhờ họ mà không ngừng làm cho gia đình Ngài lớn rộng và nên phong phú” (33). Trong viễn ảnh ấy, Đức Giám mục Amphiloque đề cao “hôn nhân là điều thật có giá trị, thật là cao cả hơn hết mọi ân huệ trên trái đất”, bởi vì nó như “một người sáng tạo ra nhân loại, một hoạ sĩ vẽ lên hình ảnh thần linh. (34)

Như vậy khi người nam và người nữ kết hiệp với nhau bằng dây liên kết hôn nhân, họ đã hợp tác với công việc của Thiên Chúa bằng hành vi sinh sản, hồng ân của Thiên Chúa được tiếp nhận và một sự sống mới được mở ra cho tương lai.

Như bên kia sứ mệnh đặc thù của cha mẹ, việc đón nhận và phục vụ sự sống liên hệ tới mọi người và phải biểu lộ nhất là đối với sự sống đang ở trong những điều kiện yếu đuối nhất. Chính Chúa Kitô nhắc nhở ta điều ấy, khi Ngài đòi ta yêu mến và phục vụ Ngài trong anh em Ngài là những kẻ bị thử thách bởi bất cứ đau khổ nào: những kẻ đói khát, những ngoại kiều, kẻ không có áo mặc, người bệnh tật, kẻ bị cầm tù…Điều gì ta làm cho từng người trong họ là làm cho chính Chúa Kitô (x. Mt 25,31-46).

***Phẩm giá của hài nhi chưa sinh ra***

***“Tạng phủ tôi chính Ngài tạo dựng” (Tv 139/138,13)***

**44.** Đời sống con người gặp một tình cảnh thật là bấp bênh, khi nó chào đời, và khi nó ra khỏi thời gian để tới cõi vĩnh hằng. Lời Chúa không thiếu những tiếng mời gọi ta chăm sóc và kính trọng sự sống, nhất là sự sống mang dấu bệnh tật hoặc già yếu. Nếu không có những lời mời gọi trực tiếp và minh nhiên phải cứu vãn sự sống con người, cũng như sự sống gần tàn lụi, thì điều ấy thật dễ giải thích, do sự kiện là khả năng xúc phạm, tấn công, hay tệ hơn nữa, phủ định sự sống trong những điều kiện như thế, là xa lạ đối với viễn ảnh tôn giáo và văn hoá của dân Chúa.

Trong Cựu Ước, người ta sợ việc không có con như sợ một sự chúc dữ, trong khi đó người ta cảm thấy như được Chúa chúc lành nếu có nhiều con cái: “Con cái là gia nghiệp mà Chúa ban và hoa quả lòng dạ là phần thưởng” (Tv 126,3; x. Tv 127,3-4). Cùng với xác tín ấy, lại thêm tác dụng của ý thức rằng Israel là dân của Giao Ước, được gọi để sinh ra nhiều, theo lời Chúa hứa với Abrraham: “Hãy nhìn lên trời và hãy đếm các ngôi sao, xem ngươi có thể đếm được không… Dòng dõi ngươi sẽ đông như thế” (St 15,5). Nhưng điều đáng kể nhất, là xác tín rằng sự sống được cha mẹ truyền cho có nguồn gốc từ nơi Thiên Chúa, như nhiều trang Thánh Kinh đã chứng thực, khi trân trọng và thân thương nói về việc thụ thai, việc sự sống thành hình trong lòng mẹ, việc chào đời và mối dây liên hệ chặt chẽ giữa giây phút đầu tiên của sự sống và tác động của Thiên Chúa , Đấng Tạo Thành. “Trước khi Ta nắn ra ngươi trong lòng mẹ, Ta đã thánh hoá ngươi” (Gr 1,5): Cuộc đời mỗi cá nhân, ngay từ đầu, đã ở trong kế hoạch của Thiên Chúa. Trong đáy vực đau khổ, ông Job vẫn nán lại để chiêm ngắm kỳ công của Thiên Chúa trong cách thức lạ lùng Chúa tác tạo nên thân ông trong lòng mẹ, từ đó ông rút ra lý do để tin cậy và bày tỏ niềm xác tín về dự tính của Chúa trên đời ông: “Tay Ngài đã nặn và tạo nên tôi, rồi đổi ý, Ngài muốn huỷ tôi! Xin hãy nhớ, Ngài đã dựng nên tôi từ đất sét, rồi Ngài sẽ đưa tôi về đất bụi. Ngài đã chẳng đổ tôi như sữa, và làm tôi đặc lại như sữa đặc lên men sao? Ngài chẳng đã lấy da thịt mặc cho tôi và dệt tôi bằng gân cốt sao? Ngài đã cho tôi sự sống và máu nóng, và ân cần săn sóc hơi thở tôi” (G 10,8-12). Những âm điệu ngạc nhiên và tôn thờ sự can thiệp của Thiên Chúa vào sự sống đang thành hình trong lòng mẹ vang lên trong các Thánh vịnh. (35)

Làm sao tưởng tượng được rằng chỉ một khoảnh khắc thôi trong quá trình huyền diệu của việc xuất hiện sự sống có thể tách khỏi hành động khôn ngoan và nhân hậu của Thiên Chúa, và bị bỏ mặc cho độc quyền của con người? Điều ấy chắc chắn không phải là ý nghĩ của bà mẹ bảy người con tuyên xưng niềm tin vào Thiên Chúa, Đấng là nguyên lý và bảo đảm sự sống ngay từ lúc được thụ thai, và đồng thời là nền tảng của niềm hy vọng về một đời sống mới sau khi chết: “Mẹ không biết làm sao các con xuất hiện trong lòng mẹ, không phải mẹ đã cho các con tinh thần và sự sống, cũng không phải mẹ đã tổ chức các yếu tố tạo nên từng đứa chúng con. Vì thế, Đấng Tạo Thành vũ trụ, Đấng đã dựng nên loài người và là nguồn mọi vật, sẽ trả lại cho các con cả “tinh thần cả sự sống, theo lòng thương xót của Ngài, vì bây giờ các con biết khinh thường chính mình vì yêu mến Lề Luật của Ngài” (2 Mcb 7,22-23).

**45.** Mặc khải trong Tân Ước lại kiện chứng việc nhìn nhận không chối cãi được giá trị của sự sống từ khi nó bắt đầu hình thành. Những lời bà Isave tả nỗi vui mừng được mang thai cũng đề cao việc có đứa con và hăm hở đón chào một người con: “Chúa đã khấng cất nỗi hỗ nhục của tôi” (Lc 1,25). Nhưng giá trị của con người ngay từ khi thành thai, càng được tôn trọng hơn nữa trong dịp Đức Maria gặp bà Isave, cũng như việc gặp gỡ giữa hai hài nhi còn trong lòng hai bà mẹ. Chính hai người con ấy tiết lộ sự đăng quang của thời đại Messia: trong cuộc gặp gỡ giữa hai hài nhi, sức mạnh cứu độ do việc hiện diện của Con Thiên Chúa ở giữa loài người bắt đầu tác động. Thánh Ambrôsiô viết: “Ngay lập tức, người ta cảm thấy những ơn lành do Đức mẹ mang tới và do việc Chúa hiện diện… Bà Isave là người đầu tiên nghe lời chào, nhưng Gioan là người đầu tiên cảm nhận được ân sủng: người mẹ nghe, theo trật tự thiên nhiên, người con đã nhảy mừng vì mầu nhiệm; người mẹ thấy Đức Maria đến, nhưng người con nhận ra Đức Chúa đến. Người phụ nữ thấy người phụ nữ, nhưng con của bà nhận ra Đức Chúa Con. Hai phụ nữ trao nhau những lời ân sủng, hai hài nhi tác động ở trong lòng hai bà mẹ và bắt đầu thực hiện mầu nhiệm từ bi thương xót làm cho hai người mẹ được tiến lên trong mầu nhiệm ấy. Sau cùng, qua hai phép lạ, hai người mẹ nói tiên tri dưới sự cảm ứng của con mình. Người con nhảy mừng, thì người mẹ được đầy Chúa Thánh Thần; người mẹ đã không đầy Chúa Thánh Thần trước con bà, nhưng khi con bà được đầy Thánh Thần, thì cũng làm bà được đầy Thánh Thần.

***Sự sống trong tuổi già và trong đau khổ***

***“Tôi vẫn tin, ngay cả khi tôi nói: Ôi, khổ thân tôi quá!” (Tv 115,10)***

**46.** Về những gì liên quan tới khoảnh khắc cuối cùng của đời người, sẽ là sai lầm nếu chờ đợi từ Mặc Khải Thánh Kinh một chỉ dẫn minh nhiên về vấn đề hiện nay, là sự tôn trọng người già cả, người bệnh tật, hay việc minh nhiên lên án những thử nghiệm nhằm dùng bạo lực để chấm dứt sớm sự sống; quả vậy, ta đã ở ngay đó rồi, ở trong một bối cảnh văn hoá và tôn giáo không hề có nguy cơ bị những cám dỗ tương tự, mà còn nhìn nhận nơi người cao niên, cùng với sự khôn ngoan và kinh nghiệm, còn có sự phong phú không thể thay thế được cho gia đình và cho xã hội.

Tuổi già là tuổi có uy tín và được người chung quanh kính trọng (x. 2 Mcb 6,23). Người công chính không xin được cất đi tuổi già hay gánh nặng cuộc sống, trái lại người già cầu xin: “Lạy Chúa, Ngài là niềm hy vọng của con, nâng đỡ con từ lúc thanh xuân… Mãi tới ngày già nua tóc bạc, xin ngài đừng bỏ con, để con loan báo cho người thời nay biết quyền lực của Ngài, và những kỳ công của Ngài cho những người sẽ đến” (Tv 71,5.18). Lý tưởng của thời Đấng Messia được đề ra như một thời gian sẽ không còn “người nào không đạt tuổi thọ” (Is 65,20).

Nhưng đến tuổi già, làm sao đối phó với sự suy tàn không thể tránh được? Cư xử ra sao trước sự chết? Người tín hữu biết rằng sự sống mình ở trong tay Chúa: “Lạy Chúa, số phận con lệ thuộc vào ngài” (Tv 16,5) và họ chấp nhận sự chết từ nơi Chúa: Đó là định luật Chúa mang đến cho mọi xác phàm: Sao lại phản nghịch Thánh ý của Đấng Tối Cao?” (Gv 41,4).

Con người chẳng làm chủ được sự sống, cũng chẳng làm chủ được sự chết: trong khi sống cũng như trong khi chết, con người phải hoàn toàn tuân theo “thánh ý Đấng Tối Cao”, tuân theo ý định tình thương của Ngài.

Khi bệnh tật cũng vậy, con người cũng được gọi để phó thác cho Chúa như thế, và nhắc lại lòng cậy trông bền vững nơi Ngài, Ngài có thể “chữa mọi bệnh tật” (Tv 103,3). Khi mọi viễn ảnh về sức khoẻ như khép lại trước con người đến mức phải kêu van: “Những ngày sống của con như chiều nghiêng bóng, và thân con như cây cỏ héo tàn” (Tv 102,12), cả những lúc như thế người tín hữu được sinh động bằng đức tin vững mạnh vào quyền năng tác sinh của Thiên Chúa. Tật bệnh không xúi con người thất vọng và đi tìm cái chết, nhưng khiến họ kêu xin với lòng tin tưởng: “Tôi vẫn tin ngay cả khi tôi nói: ôi khổ thân tôi quá” (Tv 116,20) “Khi con kêu lên Chúa, Chúa của con, Ngài đã chữa con; Lạy Chúa, Ngài đã đưa con lên khỏi vực sâu và cho con sống, lúc con đã xuống mồ” (Tv 30,3-4).

**47.** Sứ mệnh của Chúa Giêsu, kèm theo nhiều lần chữa bệnh, chứng tỏ Thiên Chúa cũng để tâm đến đời sống thân xác của con người. “Là lương y chữa thân xác và tinh thần” (37) Chúa Giêsu được Cha sai đến mang Tin Mừng cho người nghèo khó, băng bó những tấm lòng bị thương (x Lc 4,18, Is 61,1). Về sau, khi sai môn đệ đi khắp thế giới, Ngài trao sứ mệnh cho họ, trong sứ mệnh ấy có việc chữa trị bệnh tật kèm theo việc loan báo Tin Mừng: “Hãy đi và loan báo rằng: Nước Trời đã gần bên. Hãy chữa lành bệnh nhân, phục sinh kẻ chết, tẩy sạch người phong cùi, hãy xua đuổi ma quỷ.” (Mt 10,7-8; Mc 6,13; 16,18).

Quả thực, đời sống thân xác trong điều kiện trần thế, không phải là tuyệt đối cho người tín hữu: Có thể có việc yêu cầu họ phải bỏ mạng sống vì sự thiện cao hơn, như Chúa Giêsu đã dạy: “Ai cứu mạng mình thì sẽ mất, nhưng ai mất mạng mình vì Ta và vì Tin Mừng thì sẽ cứu được nó” (Mt 8,35). Về vấn đề này ta có một số chứng từ trong Tân Ước. Chúa Giêsu không ngại hy sinh chính mình và tự do lấy mạng sống làm của lễ dâng lên Chúa Cha (x. Ga 10,17) vì bạn hữu mình (x. Ga 10,15). Cái chết của Gioan tẩy giả, vị tiền hô của Chúa Cứu Thế, cũng chứng nhận sự sống trần gian không phải là tuyệt đối: việc trung thành với lời Chúa còn quan trọng hơn, ngay cả nếu làm cho sự sống ấy bị lâm nguy (x. Mc 6,17-29). Và Stephanô, khi con người cướp sự sống trần thế của ông, vì ông là chứng nhân kiên quyết về việc Chúa Phục sinh, thì ông đã đi theo bước chân của Thầy và đáp trả bằng lời tha thứ cho những người ném đá ông (Cv 7,59-60), như thế ông đã mở đường cho đoàn lớp đông vô kể các vị tử đạo đã được Giáo Hội tôn kính ngay từ những buổi đầu.

Tuy nhiên không ai được phép tự ý muốn sống hay chết; quả vậy, chỉ một mình Đấng Tạo Hoá là chủ thể mới có quyền cho chết hay sống,vì nơi Ngài mà “ta sống, cử động và hiện hữu” (Cv 17,28).

***Từ lề luật Sinai tới ơn ban Thánh Thần***

***“Kẻ giữ lề luật sẽ sống” (Br 4,1)***

**48.** Sự sống mang chân lý được ghi khắc trong mình không thể bị xoá bỏ được. Khi đón nhận ân huệ của Thiên Chúa, con người phải cam kết giữ sự sống ấy trong chân lý, chân lý này là điều thiết yếu cho sự sống. Tách rời khỏi chân lý tức là liều mình rơi vào cái vô nghĩa và khốn khổ, mà hậu quả là trở nên mối đe doạ cho sự sống của kẻ khác, do việc phá đổ các rào chắn bảo đảm lòng tôn trọng và bênh vực sự sống trong mọi tình huống.

Chân lý về sự sống được mạc khải qua giới răn của Thiên Chúa. Lời Chúa đã cụ thể vạch ra con đường mà sự sống phải theo để có thể tôn trọng chân lý và cứu lấy phẩm giá mình. Không chỉ có giới răn riêng biệt “ngươi chớ giết người” (Xh 20,13; Đnl 5,17) mới đảm bảo việc bênh vực sự sống: Toàn thể luật của Chúa đều phục vụ cho việc bảo vệ sự sống, vì luật Chúa mạc khải chân lý trong đó sự sống tìm được ý nghĩa đầy đủ của mình.

Vậy không lạ gì mà Giao Ước của Thiên Chúa với dân Ngài được gắn chặt với viễn ảnh sự sống, ngay cả trong thành phần cơ thể. Giới răn ấy được biểu lộ nơi thành phần cơ thể như con đường dẫn tới sự sống: “Hãy coi! Ta đặt trước mặt ngươi hôm nay sự sống và sự lành, sự chết và sự dữ. Điều Ta truyền dạy ngươi hôm nay là yêu mến Đức Chúa là Thiên Chúa của ngươi, là đi theo đường lối của Người, tuân giữ các lệnh truyền và luật điều cùng phán quyết của Người, ngươi sẽ được sống và nên đông đảo, và Thiên Chúa, Chúa của ngươi sẽ chúc phúc cho ngươi trên đất mà ngươi sẽ vào chiếm lấy” (Đnl 30,15-16). Đây không chỉ là đất Canaan và cuộc sinh tồn của dân Israel, mà là thế giới hôm nay và tương lai, là cuộc sinh tồn của nhân loại. Quả vậy, tuyệt đối sự sống không phải là chân thực và đầy đủ nếu nó tách rời khỏi sự thiện, và về phần mình, sự thiện được căn bản gắn liền với các giới răn của Chúa, có nghĩa là với “luật về sự sống” (Gv 17,11). Điều thiện cần được hoàn thành không phải là phụ thêm vào sự sống như một sức nặng làm khổ sự sống, bởi vì ngay lý hữu của sự sống lại chính là sự thiện, và sự sống chỉ được xây dựng bằng việc hoàn thành sự thiện.

Vậy chính toàn thể lề luật bảo đảm cách đầy đủ sự sống con người. Điều ấy có nghĩa là rất khó trung thành tuân giữ lệnh “ngươi chớ giết người” khi ta không giữ “những lời sự sống” khác (Cv 7,38) mà giới luật trên có liên hệ. Ngoài viễn ảnh này, cuối cùng thì giới luật đi từ việc bắt buộc đơn thuần từ bên ngoài mà người ta mau chóng muốn đặt ra những giới hạn và người ta sẽ tìm ra những cách giảm khinh hay nhưng khoản luật trừ. Chỉ khi nào ta mở lòng đón nhận toàn bộ chân lý về Thiên Chúa, về con người, về lịch sử, thì mệnh lệnh “ngươi chớ giết người” mới rực rỡ như một điều tôt lành cho con người, trong mọi chiều kích và quan hệ của con người. Trong nhãn giới nay ta mới hiểu được sự sung mãn của chân lý chứa đựng trong đoạn sách Đệ Nhị Luật mà Chúa Giêsu nhắc tới khi Ngài chống lại cơn cám dỗ thứ nhất: “Con người không sống chỉ bằng cơm bánh, mà còn bằng mọi lời do miệng Thiên Chúa phán ra” (Đnl 8,3; x. Mt 4,4).

Chính khi nghe Lời Chúa mà con người có thể sống đầy đủ theo phẩm giá và công lý; chính khi giữ luật Chúa, con người mới có thể sinh được hoa trái sự sống và hạnh phúc: “Ai giữ lề luật Chúa sẽ sống, ai bỏ lề luật sẽ chết” (Br 4,1).

**49.** Lịch sử Israel cho thấy quả là khó trung thành với lề luật về sự sống mà Chúa đã ghi khắc trong trái tim con người, và đã ban hành trên núi Sinai cho dân của Giao Ước. Trước việc người ta tìm những kế hoạch sống khác với kế hoạch của Thiên Chúa, các ngôn sứ đặc biệt nhắc lại mạnh mẽ rằng chỉ có Đức Chúa là nguồn chính thực của sự sống. Giêrêmia viết: “Dân của Ta đã phạm hai tội ác: họ đã bỏ Ta, là nguồn nước sự sống, để đào những cái giếng, những cái giếng nứt nẻ không giữ nước” (Gr 2,13). Các Ngôn sứ giơ tay chỉ vào những kẻ khinh thường sự sống và vi phạm quyền lợi con người mà tố cáo: “Họ giày đạp lên đầu kẻ yếu trên bụi đất” (Am 2,7); “Họ làm đầy máu vô tội lên nơi này” (Gr 19,4). Trong số các ngôn sứ, Êzêkiel nhiều lần ghi dấu cả trên Giêrusalem và gọi là “thành vấy máu” (Ed 22,2; 24,6.9), “thành đã đổ máu giữa ngươi” (Ed 22,3).

Nhưng khi tố cáo những vi phạm sự sống, các Ngôn sứ đặc biệt có ý khơi lên việc chờ đợi một nguyên lý sự sống mới xứng hợp để thiết lập những quan hệ được đổi mới giữa con người với Thiên Chúa và với anh em, mở ra những khả năng chưa từng thấy và rất khác thường, để hiểu và thực hành những đòi hỏi của Tin Mừng về sự sống. Việc này chỉ có thể làm được nhờ ơn Chúa, Đấng thanh tẩy và canh tân tất cả: “Và trên các ngươi, ta sẽ rảy nước sạch trong, Ta sẽ làm cho các ngươi sạch mọi uế nhơ. Ta sẽ cho các ngươi một quả tim mới, Ta sẽ đặt trong các ngươi một tinh thần mới” (Ed 36,25-26; x.Gr 31,31-34). Nhờ “trái tim mới” này, người ta có thể hiểu và thực hiện ý nghĩa thật và sâu xa nhất của sự sống: là ân huệ được hoàn chỉnh trong sự trao tặng chính mình. Đó là sứ điệp rạng ngời về giá trị của sự sống, sứ điệp đến với ta từ dung mạo người tôi tớ Thiên Chúa: “Nếu người đã hiến mình làm hy sinh đền tội, người sẽ thấy một dòng giống, sẽ được trường thọ… chính vì cảnh lao đao mạng người phải chịu, người sẽ thấy sự sáng” (Is 53,10-11).

Lề luật đã hoàn thành trong lịch sử của Đức Giêsu thành nazareth, và trái tim mới đã được Thánh Thần trao ban. Quả vậy, Chúa Giêsu không chối bỏ nhưng hoàn chỉnh Lề Luật (x. Mt 7,17); Lề Luật và Ngôn sứ gồm tóm trong điều luật này của tình yêu thương nhau (x. Mt 7,12). Nơi Chúa Giêsu, Lề Luật biến hẳn thành “Tin Mừng”, tin vui của quyền Chủ Tể của Thiên Chúa trên thế giới, đưa mọi sự sống về nguồn cội và về viễn ảnh nguyên thuỷ của nó. Đó là Lề Luật mới. “luật của Thánh Thần ban sự sống, trong Chúa Giêsu Kitô” (Rm 8,2), là hiến ban chính mình trong tình yêu thương anh em: “Phần chúng ta, chúng ta biết rằng chúng ta sẽ từ cõi chết qua cõi sống, vì chúng ta yêu thương anh em” (1 Ga 3,14). Đó là lề luật của tự do, của niềm vui và phúc lộc.

***Tin Mừng về sự sống hoàn tất trên thập giá***

***“Chúng sẽ trông lên Đấng chúng đã đâm thâu” (Ga 19,37)***

**50.** Đến cuối chương này, trong đó chúng ta đã suy gẫm sứ điệp Kitô giáo về sự sống, tôi muốn được cùng với từng người trong anh em dừng lại ngắm nhìn Đấng mà họ đã đâm, Đấng đã kéo mọi người lên với Ngài (x. Ga 19,37; 12,32). Nhìn tấm thảm kịch Thánh Giá (x. Lc 23,48) chúng ta đã khám phá trên cây vinh quang này việc hoàn tất và sự mạc khải đầy đủ toàn bộ Tin Mừng về sự sống.

Vào những giờ đầu của buổi chiều ngày Thứ Sáu Tuần Thánh, Mặt trời bị che lấp, tối tăm xảy ra trên khắp địa cầu… bức màn trong thánh điện bị xé ra ở chính giữa” (Lc 23,44-45). Đó là biểu tượng một việc đảo lộn mang tính vũ trụ và cuộc đấu tranh hãi hùng giữa các lực lượng của sự thiện và sự ác, giữa sự sống và sự chết. Ngày nay cũng thế, chúng ta đang ở giữa cuộc đấu tranh thảm khốc giữa “văn hoá sự chết” và “văn hoá sự sống”.

Nhưng ánh sáng rạng ngời của Thánh Giá đã không bị cái tối tăm này che khuất. Thánh Giá càng nổi bật rõ nét và sáng tỏ hơn, và xuất hiện như một trung tâm, một định hướng, một mục đích của cả lịch sử và của từng sự sống con người.

Chúa Giêsu bị đóng đinh vào Thánh giá và được đưa lên cao khỏi mặt đất. Chúa sống giây phút của sự bất lực hoàn toàn và mạng sống Ngài như phải hứng lấy tất cả mọi sự chế giễu của kẻ thù địch và bị nộp vào tay những lý hình. Chúa Giêsu bị mỉa mai, chế giễu, sỉ nhục (x. Mc 15,24-36).

Tuy nhiên, trước tất cả những điều ấy, và “thấy Ngài đã tắt thở như thế”, viên sĩ quan La mã kêu: “Thật người nầy là Con Thiên Chúa” (Mc 15,39). Như vậy là vào lúc yếu nhược cùng cực, căn tính của con Thiên Chúa được mạc khải: vinh quang tỏ hiện trên thập giá.

Qua sự chết của Ngài, Chúa Giêsu soi chiếu cho ý nghĩa sự sống và sự chết của từng con người chúng ta. Trước khi chết, Chúa Giêsu cầu khẩn Cha Ngài, xin tha thứ cho những người bách hại (x. Lc 23,34) và với kẻ tội phạm xin ngài nhớ đến anh ta khi Ngài về nước của Ngài, Chúa đáp: “Thật tôi bảo anh, hôm nay anh sẽ ở cùng tôi trên thiên đàng” (Lc 23,43). Sau khi Chúa chết, “các mồ mả mở ra, nhiều xác các thánh đã sống lại” (Mt 27,52). Ơn cứu độ do Chúa Giêsu thực hiện là ân ban sự sống và sự sống lại.. Trong cuộc đời trần thế, Chúa Giêsu cũng đã ban ơn cứu độ bằng cách chữa bệnh, làm ơn lành cho mọi người. (x. Cv 10,38). Nhưng những phép lạ, những việc chữa trị và cho sống lại, chính chúng là dấu chỉ của một ơn cứu độ khác, hệ tại của việc tha thứ tội lỗi, tức là giải phóng con người khỏi cơn bệnh sâu xa nhất và đưa họ lên tới sự sống của chính Thiên Chúa.

Trên Thập giá, được canh tân và thực hiện một cách trọn vẹn hoàn hảo và dứt khoát điều kỳ diệu về con rắn đồng mà Môsê treo lên trong hoang địa (x. Ga 3,14-15, Ds 21,8.9). Cả ngày nay, khi nhìn về Đấng đã bị đâm thâu, bất kỳ người nào bị đe doạ về sự sống, cũng tìm được niềm hy vọng vững chắc đạt tới ơn giải thoát và cứu chuộc.

**51.** Nhưng còn một biến cố chính xác nữa thu hút cái nhìn của tôi và khơi lên một suy niệm nồng nhiệt: “khi đã uống giấm, Chúa Giêsu nói: “mọi sự đã hoàn tất, và gục đầu xuống, Ngài tắt hơi thở” (Ga 19,30). Rồi người lính La mã: “lấy đòng đâm cạnh sườn Ngài và tức thì máu cùng nước chảy ra” (Ga 19,34).

Từ nay, tất cả đã đạt tới mức hoàn chỉnh đầy đủ. Kiểu nói: “ tắt thở” diễn tả cái chết của Chúa Giêsu, giống như cái chết của mọi người khác, nhưng hình như còn ám chỉ “ơn ban Thánh Thần”, qua Người, Chúa Giêsu dùng sự chết của mình mà cứu chuộc ta khỏi chết và mở cửa cho ta vào sự sống mới.

Con người được ơn tham dự vào sự sống của chính Thiên Chúa. Đó là sự sống, nhờ Bí Tích của Giáo Hội – mà máu cùng nước từ cạnh sườn Chúa Kitô là biểu tượng – được luôn luôn thông ban cho con cái Thiên Chúa, nhờ đấy họ trở nên dân của giao ước mới. Từ nơi Thánh Giá, là nguồn sống, phát sinh và phát triển “dân của sự sống”.

Việc chiêm ngắm Thánh Giá dẫn ta đến cội rễ sâu xa nhất của những việc đã xảy ra. Khi đến thế gian Chúa Giêsu đã nói: “Này con đến để thi hành ý Cha” (x. Dt 10,9). Ngài muốn vâng lời Chúa Cha trong mọi sự và “vì đã yêu thương những kẻ thuộc về mình còn ở thế gian, Ngài yêu thương họ đến cùng” (Ga 13,1), bằng cách nộp mình hoàn toàn vì họ.

Ngài đã ‘không đến để được phục vụ, nhưng để phục vụ và trao nộp mạng sống làm giá cứu chuộc cho nhiều người” (Mc 10,45), trên Thánh Giá, Chúa đạt đỉnh cao của tình yêu: “Không có tình yêu nào lớn hơn tình yêu hiến mạng sống mình vì bạn hữu” (Ga 15,13). Và chính Chúa đã chết cho chúng ta khi ta còn là tội nhân (x. Rm 5,8).

Bằng cách này, Ngài tuyên bố rằng sự sống đạt tới tâm điểm, ý nghĩa và độ sung mãn khi nó được trao ban.

Đến đây việc suy gẫm biến thành lời ngợi khen và cảm tạ, đồng thời việc ấy thúc giục chúng ta bắt chước Chúa Giêsu và đi theo vết chân Ngài. (x. 1 Pr 2,21).

Chúng ta cũng vậy, chúng ta được gọi để hiến ban sự sống mình vì anh em, nhờ thế mà trở thành hiện thực. trong sự sung mãn của chân lý, chính ý nghĩa ấy và vận mạng của đời ta.

Lạy Chúa, chúng con có thể làm điều ấy, bởi vì Chúa đã làm gương cho chúng con, Chúa đã thông ban cho chúng con sức mạnh Thánh Thần của Chúa. Chúng con sẽ có thể làm được, nếu mỗi ngày chúng con cùng với Chúa và bắt chước Chúa mà vâng lời Chúa Cha và thi hành thánh ý Cha. Xin Chúa ban cho chúng con được ơn lắng nghe, với tấm lòng ngoan ngoãn và quảng đại, mọi lời từ miệng Thiên Chúa phán ra; và như thế chúng con biết rằng chúng con không được giết sự sống, mà còn phải tôn trọng và mến yêu, yểm trợ sự sống.

**CHƯƠNG III**

**NGƯƠI CHỚ GIẾT NGƯỜI**

**LỀ LUẬT THÁNH CỦA THIÊN CHÚA**

***Tin Mừng và giới luật***

*“Nếu anh muốn vào trong Sự sống, hãy tuân giữ các giới răn” (Mt 19,17)*

**52.** “Và này một người đến gần và nói với Ngài: “Thưa Thầy, tôi phải làm gì là tốt để đạt sự sống vĩnh hằng? (Mt 19,16). Chúa Giêsu trả lời: “Nếu anh muốn vào trong sự sống, hãy tuân giữ giới răn (Mt 19,17). Thầy nói về sự sống vĩnh hằng, nghĩa là về việc tham gia chính sự sống ấy bằng việc tuân giữ các giới răn của Chúa, vậy thì kể cả giới răn “ngươi chớ giết người”. Đó chính là giới luật thứ nhất trong Mười Điều Răn mà Chúa Giêsu nhắc nhở cho người thanh niên hỏi Ngài những giới răn nào anh ta phải tuân giữ: “Chúa Giêsu nhắc lại: ngươi chớ giết người, chớ ngoại tình, chớ trộm cắp,… (Mt 19,18).

Giới luật của Thiên Chúa không bao giờ tách rời khỏi tình yêu của Thiên Chúa: Nó luôn luôn là một ơn ban vì sự tăng trưởng và vì niềm vui của con người. Với tư cách ấy, nó là một phương diện chủ chốt và một yếu tố của Tin Mừng mà người ta không thể từ bỏ; hơn nữa, nó xuất hiện như “Tin Mừng”, nghĩa là tin tốt lành và tin vui. Tin Mừng về sự sống cũng là một ơn ban của Thiên Chúa và đồng thời là một bổn phận ràng buộc con người. Nó khơi dậy nơi con người tự do sự ngạc nhiên, lòng biết ơn và đòi tiếp nhận, giữ gìn và đề cao với một ý thức trách nhiệm sắc bén: khi ban cho con người sự sống, Thiên Chúa đòi hỏi con người phải kính trọng, yêu mến và thăng tiến nó. Theo cách này, ơn ban trở thành giới luật và chính giới luật là một ơn ban.

Con người, hình ảnh sống của Thiên Chúa, được Đấng Tạo Hoá muốn cho là vua và chúa tể. “Thiên Chúa đã tạo thành con người, thánh Giêrôgriô thành Nyssê viết, để nắm lấy vương quyền trên mặt đất. Con người đã được tạo dựng theo hình ảnh của Đấng cai trị vũ trụ. Tất cả biểu lộ rằng, từ khởi thuỷ bản tính con người đã được ghi dấu bởi vương quyền. Con người cũng là vua. Như vậy bản tính nhân loại được tạo dựng để thống trị thế giới, vì giống với vua của toàn thể vũ trụ, nên được làm thành như một hình ảnh sống tham gia vào mẫu gốc bằng phẩm giá” (38). Được gọi trở nên phong phú và sinh sôi nảy nở, bắt địa cầu phải phục tùng và thống trị các tạo vật khác (x. St 1,28), con người là vua và chúa tể không chỉ của vạn vật, nhưng cũng và trước hết là vua và chúa tể của chính mình (39), và một cách nào đó của sự sống đã được ban cho mình và mình có thể truyền lại bằng hành động sinh sản được hoàn thành trong tình yêu và trong sự tôn trọng ý định của Thiên Chúa. Nhưng quyền chúa tể của con người không tuyệt đối, nó chỉ là một thừa tác vụ; nó là phản ánh thực sự của quyền chúa tể duy nhất và vô tận của Thiên Chúa. Do đó con người phải sống quyền chúa tể đó với sự khôn ngoan và tình yêu, tham gia vào sự khôn ngoan và tình yêu vô lượng của Thiên Chúa. Và điều ấy được thực hiện bằng sự tuân phục Lề luật thánh của Ngài, một sự tuân phục tự do và vui vẻ (x. Tv 119/118), phát sinh và được dưỡng nuôi bởi nhận thức rằng các giới luật của Chúa là một tặng phẩm của ân sủng, rằng chúng luôn luôn và duy chỉ được giao phó cho con người vì lợi ích của con người, để con người bảo vệ phẩm giá riêng của mình và để họ đi tìm kiếm hạnh phúc.

Cũng như đối diện với vạn vật, hơn thế nữa đối diện với sự sống, con người không là chủ tuyệt đối và trọng tài không thể tranh cãi, nhưng là “thừa tác viên của dự định do Đấng Tạo Hoá thiết lập và sự cao cả khôn sánh của con người hệ tại ở điều này (40).

Sự sống đã được giao phó cho con người như một kho báu không được phung phí, như một nén bạc phải làm cho sinh lợi, con người phải trả lẽ về điều ấy với Chúa của mình (x. Mt 25,14-30; Lc 19,12-27).

***Sự sống của con người là thánh thiêng và bất khả xâm phạm***

*“Với mỗi người, Ta sẽ đòi phải trả lẽ về sự sống của người anh em mình” (St 9,5)*

**53.** “Sự sống của con người là thánh thiêng bởi vì ngay từ nguồn gốc, nó bao hàm “hành động sáng tạo của Thiên Chúa” và mãi mãi nằm trong một mối quan hệ đặc biệt với Đấng Tạo Hoá, cứu cánh duy nhất của nó. Duy chỉ Thiên Chúa là Chủ sự sống từ khi nó bắt đầu cho đến lúc nó kết thúc: không ai, trong bất cứ trường hợp nào, có thể đòi cho mình quyền trực tiếp huỷ diệt một con người vô tội” (41). Bằng những lời này, Tông huấn Donum Vitae trình bày nội dung trung tâm mặc khải của Thiên Chúa về tính cách thánh thiêng và về sự bất khả xâm phạm của sự sống con người.

Quả nhiên, Thánh Kinh trình bày cho con người giới luật “ngươi chớ giết người như một giới răn của Thiên Chúa (Xh 20,13; Dt 5,17). Giới luật này– như tôi đã nhấn mạnh – nằm trong thập giới, ở trung tâm Giao Ước mà Thiên Chúa ký kết với dân tộc được tuyển chọn, nhưng nó đã được bao gồm trong giao ước nguyên thuỷ của Thiên Chúa với nhân loại sau sự trừng phạt thanh tẩy của đại hồng thuỷ, do sự lan rộng của tội lỗi và bạo lực gây ra (x. St 9,5-6).

Thiên Chúa tự tuyên bố là Chúa tể tuyệt đối của sự sống con người, được tạo thành theo hình ảnh Ngài và giống như Ngài (x. St 1,26-28). Do đó, sự sống của con người biểu thị một tính chất thánh thiêng và bất khả xâm phạm, nơi đó phản chiếu chính sự bất khả xâm phạm của Đấng Tạo Hoá. Vì vậy Thiên Chúa sẽ tỏ ra là Đấng thẩm phán rất nghiêm khắc đối với mọi vi phạm giới răn “ngươi chớ giết người”, đặt ở nền tảng của tất cả sự đồng sinh tồn của xã hội. Ngài là “goel”, nghĩa là Đấng bênh vực người vô tội (x. St 4,9-15 ; Is 41,14 ; Is 50,34 ; Tv 19/18,15). Bằng cách đó, Thiên Chúa cũng chứng tỏ rằng “Ngài không vui thích vì sự hư mất của các sinh linh” (Kn 1,13). Duy chỉ có Satan có thể vui mừng về điều đó: bởi sự đố kỵ của nó, cái chết đã vào trong thế gian (x. Kn 2,24). Nó, kẻ “giết người ngay từ ban đầu”, cũng là “tên dối trá, cha của sự dối trá” (Ga 8,44): khi dối gạt con người, nó đã dẫn đưa con người tới tội lỗi và sự chết, được trình bày như những cứu cánh và những thành quả sống.

**54.** Giới luật “ngươi chớ giết người” rõ ràng có nội dung rất tiêu cực: nó biểu thị giới hạn cuối cùng không bao giờ được vượt qua. Nhưng nó ngầm thúc đẩy giữ một thái độ tích cực tuyệt đối tôn trọng sự sống, nó dẫn đến thăng tiến sự sống và tiến tới trên con đường của tình yêu tự hiến, tiếp nhận và phục vụ. Mặc dù chậm rãi và có những mâu thuẫn, dân tộc của Giao Ước đã tuần tự trưởng thành trong chiều hướng đó, và như thế được chuẩn bị cho lời tuyên bố vĩ đại của Chúa Giêsu: tình yêu đối với tha nhân là một giới răn giống như giới răn về tình yêu đối với Thiên Chúa. “Tất cả Lề Luật và lời Tiên Tri đều gồm tóm trong hai điều răn đó” (x. Mt 22,36-40). Thánh Phaolô nhấn mạnh “Giới luật…ngươi chớ giết người và các giới luật khác đều tóm lại trong công thức này : “Ngươi hãy yêu thương tha nhân như chính mình” (Rm 13,9 ; x. Ga 5,14). Được lấy lại và đưa đến hoàn thành trong Lề Luật mới, giới luật “ngươi chớ giết người” vẫn còn là một điều kiện mà người ta không thể chối từ để có thể “vào trong sự sống” (x. Mt 19,16-19). Trong chính viễn cảnh đó, những lời này của Tông đồ Gioan cũng có một giọng kiên quyết: “Người nào ghét anh em thì là một kẻ giết người; mà anh em biết rằng không một kẻ giết người nào có sự sống vĩnh hằng ở trong nó” (1 Ga 3,15).

Từ những buổi đầu, Truyền Thống sống động của Giáo Hội đã nhắc lại một cách dứt khoát giới răn “ngươi chớ giết người”, như quyển Didachè, tác phẩm Kitô giáo ngoài bộ Thánh Kinh cổ xưa nhất đã chứng tỏ điều ấy: “Có hai con đường, một con đường của sự sống, một con đường của sự chết, nhưng sự khác nhau giữa hai con đường này rất lớn […] Giới răn thứ hai của đạo lý. Ngươi chớ giết người […] ngươi chớ giết con bởi phá thai và ngươi sẽ không làm cho nó chết sau khi nó sinh ra. […] Còn đây là con đường của sự chết: nhẫn tâm đối với người nghèo, dửng dưng đối với người đau khổ, và không biết đến Đấng Tạo Hoá của mình, những điều đó làm thất bại công trình của Thiên Chúa, xua đuổi kẻ bần cùng, đè nén người bị áp bức, những kẻ bênh vực bọn nhà giàu, những viên thẩm phán bất công, đó là những kẻ tội lỗi thâm căn cố đế. Ước gì các con có thể tránh xa tất cả những điều ấy !” (42).

Khi tiến lên theo thời gian, Truyền thống của Giáo Hội luôn luôn nhất trí giảng dạy giá trị tuyệt đối và trường tồn của giới răn “ngươi chớ giết người”. Người ta biết rằng, trong những thế kỷ đầu tội giết người thuộc vào số ba tội nặng nhất – cùng với tội chối đạo và tội ngoại tình – và nó đòi hỏi một sự sám hối công khai đặc biệt nặng nề và lâu dài, trước khi kẻ phạm tội giết người đã ăn năn hối cãi được ban ơn tha thứ và được thu nhận lại vào trong cộng đồng Giáo Hội.

**55.** Điều ấy chẳng đáng ta ngạc nhiên, vì giết chết con người, trong đó hiện diện hình ảnh của Thiên Chúa, là một tội có tính đặc biệt nghiêm trọng. Duy chỉ Thiên Chúa là chủ sự sống. Tuy nhiên xưa nay khi đứng trước nhiều trường hợp thường là bi thảm xảy ra nơi những cá nhân và trong xã hội, tâm trí của những kẻ có niềm tin bao giờ cũng cố thử đạt tới một sự hiểu biết đầy đủ hơn và sâu sắc hơn về những gì giới răn của Thiên Chúa cấm và đòi hỏi (43). Có những tình thế trong đó những giá trị do Lề Luật của Thiên Chúa đề xuất hiện ra dưới một dạng trái ngược. Ví dụ, đó là trường hợp của sự phòng vệ chính đáng, vì sự phòng vệ ấy mà quyền bảo đảm sự sống của mình và bổn phận không làm tổn thương sự sống của người khác rõ ràng thấy khó mà dung hoà được. Chắc chắn rằng giá trị nội tại của sự sống và bổn phận phải yêu thương chính mình cũng bằng yêu thương những người khác là nền tảng cho một quyền thực sự được tự bảo vệ chính mình. Giới luật đầy yêu sách này về tình yêu thương những người khác, như Cựu Ước phát biểu và Chúa Giêsu xác nhận, đòi hỏi phải có tình yêu thương chính mình trước: “ngươi hãy yêu thương tha nhân như chính mình” (Mc 12,31). Vậy không ai có thể từ bỏ quyền tự bảo vệ vì thiếu tình yêu sự sống hay yêu thương mình, nhưng chỉ vì một tình yêu anh hùng thứ tình yêu đào sâu và biến đổi hình dạng tình yêu thương chính mình, theo tinh thần các mối phúc thật của Tin Mừng (x. Mt 5,13-18), trong sự hiến dâng triệt để mà Chúa Giêsu là gương mẫu tuyệt vời.

Đàng khác, “sự phòng vệ chính đáng có thể không chỉ là một quyền lợi nhưng còn là một bổn phận nghiêm trọng, đối với kẻ có trách nhiệm về sự sống của người khác, về lợi ích chung của gia đình hay của đất nước” (44). Có lúc không may, sự cần thiết phải đặt kẻ tấn công trong tình trạng không làm hại được mình, đôi khi lại bao hàm sự thủ tiêu nó. Trong giả thiết như thế, cái kết cục chết chóc phải được quy trách cho chính kẻ tấn công, đã do hành động của mình mà đưa thân ra hứng chịu, ngay cả trong trường hợp mà nó không có trách nhiệm về mặt luân lý, bởi thiếu xử dụng lý trí của mình (45).

**56.** Cũng được đặt vào viễn cảnh đó vấn đề án phạt tử hình. Về vấn đề này người ta ghi nhận, trong Giáo Hội cũng như trong xã hội dân sự, một xu hướng đòi áp dụng thật hạn chế, thậm chí bãi bỏ hoàn toàn án ấy. Cần đặt lại vấn đề này trong khuôn khổ công lý hình sự, xét đến cùng, phải phù hợp với ý định của Thiên Chúa về con người và về xã hội. Thực tế là hình phạt mà xã hội bắt chịu “có tác dụng đầu tiên là đền bù cho sự mát trật tự do tội phạm gây ra”(46). Trước sự vi phạm những quyền cá nhân và xã hội, các quyền lực công cộng phải nghiêm trị qua việc áp đặt cho con người phạm tội, một sự đền tội thích đáng với lỗi phạm, như điều kiện để người ấy lại được phép hưởng quyền tự do của mình. Trong chiều hướng đó, chính quyền cũng đạt được tới mục tiêu bảo vệ trật tự công cộng và sự an toàn cho cá nhân, mà không phải là đem lại cho người phạm tội một sự khích lệ và một sự hổ trợ để cho họ tự sửa chữa và cải thiện (47).

Chính vì để đạt đến những mục đích đó mà rõ ràng là mức độ và tính chất của hình phạt phải được chăm chú ước lượng và xác định. Chúng không được dẫn đến biện pháp cuối cùng là thủ tiêu người có tội, nếu có không phải là trong trường hợp tuyệt đối cần thiết, khi việc bảo vệ xã hội không thể thực hiện được cách nào khác. Nhưng mà ngày nay, do một tổ chức cơ chế hình sự luôn có hiệu năng hơn, những trường hợp ấy từ nay đã khá hiếm, nếu không phải thực tế là không còn tồn tại.

Dù thế nào nguyên tắc được chỉ định trong quyển Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo mới xuất bản vẩn có hiệu lực, theo nguyên tắc đó, “nếu những phương thế không đổ máu đủ để bênh vực mạng sống con người chống lại kẻ tấn công và bảo vệ trật tự công cộng cũng như sự an toàn các cá nhân, chánh quyền sẽ bằng lòng với những phương thế ấy, bởi vì chúng tương ứng hơn với những điều kiện cụ thể của lợi ích chung và xứng hợp hơn với phẩm giá của nhân vị con người” (48).

**57.** Nếu người ta phải chú ý nhiều như thế tới việc tôn trọng mọi sự sống, ngay cả sự sống của người có tội và của kẻ tấn công cách bất chính, thì giới răn “ngươi chớ giết người” phải có một giá trị tuyệt đối khi nó liên quan tới người vô tội. Và điều ấy lại càng tuyệt đối hơn khi đó là một con người yếu đuối, không được bênh vực, vốn chỉ tìm thấy trong tính cách tuyệt đối của giới răn Thiên Chúa một sự bảo vệ triệt để, trước sự độc đoán và lạm quyền của kẻ khác.

Quả nhiên, tính bất khả xâm phạm tuyệt đối của mạng sống con người vô tội là một sự thật luân lý được chỉ dạy rành mạch trong Thánh Kinh, được luôn luôn duy trì trong Giáo Hội và được quyền Giáo Huấn nhất trí đề ra. Sự nhất trí là thành quả hiển nhiên do “ý thức siêu nhiên về niềm tin” được Chúa Thánh thần khơi lên và nâng đỡ, ý thức ấy bảo đảm cho dân Thiên Chúa khỏi sai lầm, khi sự nhất trí đó “đem đến cho những chân lý liên quan tới đức tin và phong hoá một sự đồng ý phổ phát” (49).

Trước sự giảm bớt từng bước, nơi lương tâm con người và trong xã hội, nhận thức về tính bất hợp pháp tuyệt đối và nghiêm trọng, về mặt đạo đức của việc thủ tiêu trực tiếp mọi sự sống của con người vô tội, đặc biệt là khi nó mới bắt đầu hay lúc nó sắp kết thúc, quyền Giáo huấn của Giáo Hội đã tăng cường những can thiệp của mình để bảo vệ tính cách thánh thiêng và bất khả xâm phạm của sự sống con người. Quyền Giáo Huấn của Giám mục đã luôn luôn kết hợp cách đặc biệt khẩn khoản với Quyền Giáo huấn của Giáo Hoàng, qua nhiều tài liệu tín lý và mục vụ quan trọng, hoặc của cá nhân các Giám mục, và cả sự can thiệp của Công Đồng Vatican II tuy ngắn ngọn nhưng mạnh mẽ và gay gắt (50).

Vì vậy, với uy quyền được Chúa Kitô trao phó cho Phêrô và những người thừa kế vị Ngài, trong sự hiệp thông với tất cả các Giám mục của Giáo hội công giáo, tôi xác nhận rằng việc trực tiếp và cố ý giết người vô tội luôn luôn là điều vô luân nghiêm trọng. Giáo lý này, căn cứ vào Lề luật không viết ra mà mọi người phát hiện trong tâm hồn mình dưới ánh sáng của lý trí (x. Rm 2,14-15), được Thánh Kinh khẳng định lại, được Truyền Thống Giáo Hội lưu truyền và được Quyền Giáo huấn thông thường và phổ phát giảng dạy (51).

Quyết định có suy nghĩ tước đi sự sống của một người vô tội luôn luôn là xấu về phương diện luân lý và không bao giờ được phép làm, như mục đích cũng như phương tiện để đạt đến để đạt tới một mục đích tốt. Vì chưng, đó là một sự bất tuân phục lề luật luân lý, hơn nữa đó là sự bất tuân phục chính Thiên Chúa, tác giả là Đấng bảo đảm của sự sống ấy, điều ấy trái với các nhân đức cơ bản là công bằng và bác ái. “Không gì và không ai có thể cho phép người ta giết chết con người vô tội, dù là phôi hoặc thai, trẻ em hay người lớn, người già, bệnh nhân không thể chữa trị hay người háp hối. Không ai có quyền đòi hỏi cử chỉ giết người nào đó cho mình hay cho một người khác được giao phó cho trách nhiệm của mình, thậm chí cũng không ai có quyền đồng ý việc đó, một cách rõ ràng hay không. Không một uy quyền nào được áp đặt điều đó một cách chính đáng, hoặc thậm chí cho phép điều đó” (52).

Về những gì liên quan đến quyền sống, mọi con người vô tội điều tuyệt đối bình đẳng với tất cả những người khác. Sự bình đẳng này là cơ sở của tất cả các tương quan xã hội đích thực, để được thực sự như thế, các tương quan ấy không thể không được xây dựng trên chân lý và sự sống công bằng, bằng cách đón nhận và bảo vệ từng người nam và từng người nữ như một nhân vị, chứ không như một đồ vật mà người ta tự ý xử dụng. Đối với chuẩn mực luân lý cấm thủ tiêu trực tiếp một người vô tội thì “Không có đặc quyền hay ngoại lệ nào cho bất cứ ai. Cho dù là chúa tể cả thế giới hay là người cuối cùng trong những “kẻ khốn cùng” trên mặt đất, thì vẩn chẳng có gì là khác biệt cả: trước những đòi hỏi về mặt luân lý, tất cả chúng ta tuyệt đối bình đẳng” (53).

***Tội ác ghê tởm của việc phá thai***

*“Con chưa thành hình mắt Ngài đã nhìn thấy con” (Tv 139/138,16)*

**58.** Trong tất cả tội ác mà con người có thể thực hiện chống lại sự sống, sự phá thai do cố ý gây ra biểu thị những đặc trương làm cho nó đặc biệt nghiêm trọng và đáng kết tội. Công đồng Vatican 2 đã định nghĩa nó như “một tội ác ghê tởm”, cùng một lúc với tội giết trẻ sơ sinh (54).

Nhưng ngày nay, trong lương tâm nhiều người, nhận thức về tính nghiêm trọng của nó đã lu mờ dần. Sự chấp nhận phá thai trong tâm thức con người nơi các phong tục và chính trong pháp luật, là một dấu chỉ hùng hồn về một cơn khủng hoảng rất nguy hiểm trong ý thức luân lý, ý thức đó ngày càng trở nên không có khả năng phân biệt giữa sự thiện và sự ác, ngay cả khi nó liên quan đến quyền cơ bản về sự sống. Trước tình hình nghiêm trọng như thế, hơn bao giờ hết, cần thiết phải có can đảm nhìn thẳng vào sự thật và nói lên các việc bằng tên của chúng, không nhường bước cho những thoả hiệp vì dễ dãi hoặc cho sự cám dỗ tự lừa phỉnh mình. Về vấn đề ấy, lời quở trách của vị ngôn sứ vang lên một cách dứt khoát: “Khốn cho những ai gọi điều ác là thiện và điều thiện là ác, lấy tối tăm làm ánh sáng và ánh sáng làm tối tăm” (Is 5,20). Chính trong trường hợp phá thai, người ta tuân theo sự phát triển của một hệ thống thuật ngữ nhập nhằng nước đôi, như thuật ngữ “sự ngừng có thai”, vốn hướng tới việc che dấu thực chất của nó và làm bớt tính nghiêm trọng của nó trong dư luận quần chúng. Có lẽ hiện tượng ngôn ngữ học này, chính nó là hội chứng của một sự bất ổn mà các lương tâm đã cảm nghiệm thấy. Nhưng không lời nào đạt đến kết quả thay đổi thực tại của cả sự việc: sự phá thai do cố ý gây ra, dù được thực hiện bằng cách nào, là việc giết chết, có suy nghĩ và trực tiếp, một con người trong giai đoạn đầu cuộc đời của nó, ở giữa sự thụ thai và sự sinh đẻ.

Tính chất nghiêm trọng về mặt luân lý của sự phá thai do cố ý gây ra xuất hiện trong tất cả sự thật của nó, nếu người ta thừa nhận rằng đó chính là việc giết người và, cách riêng, nếu người ta quan sát những tình tiết đặc thù xác định phẩm chất của nó. Kẻ bị thủ tiêu là một con người mới bắt đầu hiện hữu, nghĩa là, trong tuyệt đối, một hữu thể vô tội nhất mà người ta có thể tưởng tượng, không bao giờ nó có thể coi như một kẻ tấn công, lại càng không thể coi như một kẻ tấn công bất chính! Nó yếu đuối, không biện pháp phòng vệ, đến mức độ thiếu thốn ngay cả biện pháp phòng vệ nhỏ mọn nhất, là sự khẩn nài bằng tiếng kêu than và khóc lóc của trẻ sơ sinh. Nó hoàn toàn được giao phó cho sự bảo vệ và những chăm sóc của người mang nó trong dạ. Ấy thế mà đôi khi chính người ấy, bà mẹ, lại quyết định và yêu cầu thủ tiêu nó và đi đến chố gây ra sự thủ tiêu đó.

Quả thật là nhiều lần, đối với bà mẹ, sự lựa chọn phá thai mang tính cách bi thảm và thương tâm, khi sự quyết định phá huỷ thành quả của sự thụ thai không được thực hiện vì những lý do thuần tuý là ích kỷ hay vì nhẹ dạ, nhưng bởi vì người ta muốn bảo vệ những lợi ích quan trọng, như sức khoẻ hay một mức sống thích hợp cho các thành phần khác của gia đình. Đôi khi người ta sợ cho đứa con sẽ sinh gặp phải những điều kiện sống khiến người ta nghĩ rằng tốt hơn cho nó là đừng sinh ra. Thế nhưng, những lý do này và những lý do khác tương tự dù nghiêm trọng và bi thảm đến đâu, cũng không bao giờ có thể biện minh được cho sự thủ tiêu có suy nghĩ một con người vô tội.

**59.** Để quyết định về cái chết của đứa con chưa sinh ra, bên cạnh bà mẹ thường còn có những người khác. Trước hết người cha của đứa con có thể mang tội, không chỉ khi ông ta dứt khoát đẩy người phụ nữ đó vào việc phá thai, nhưng cả khi gián tiếp hổ trợ quyết định của bà, bởi vì ông ta để bà cô độc một mình trước những sự mang thai đặt ra (55): bởi cách đó, gia đình bị tổn thương đến chết được và bị uế tạp trong bản chất cộng đồng tình yêu của nó và trong ơn gọi làm thành “cung thánh của sự sống”. Người ta cũng không thể lờ đi trước những xúi giục đôi khi đến từ phạm vi gia đình rộng lớn hơn và từ bè bạn. Thường người phụ nữ phải chịu những áp lực mạnh đến nỗi về mặt tâm lý họ cảm thấy bị bắt ép phải đành chịu phá thai: không còn nghi ngờ chút nào, trong trường hợp đó, trách nhiệm tinh thần đặc biệt đè nặng trên những ai buộc bà phải phá thai, trực tiếp hay gián tiếp. Cũng thế, các thầy thuốc và nhân viên y tế đều có tránh nhiệm khi họ đem phục vụ cho cái chết những khả năng chuyên môn đã đạt được để thăng tiến sự sống.

Nhưng trách nhiệm cũng quy vào những nhà lập pháp đã xúc tiến và phê chuẩn các đạo luật ủng hộ việc phá thai. Và, trong chừng mực tùy thuộc ở họ, cả những người quản lý các cơ cấu trị liệu được sử dụng để thực hiện những nố phá thai. Một trách nhiệm toàn bộ nghiêm trọng như thế đè nặng trên những kẻ đã giúp việc phổ biến một não trạng buông thả về tình dục và khinh thường tư cách làm mẹ, cũng như trên những người đáng lẽ phải tiến hành những chính sách gia đình và xã hội hữu hiệu để hỗ trợ các gia đình, đặc biệt là những gia đình gặp khó khăn cách riêng về mặt kinh tế và giáo dục, mà lại đã không chịu làm. Cuối cùng, người ta không thể đánh giá thấp mạng lưới tòng phạm đang phát triển đến mức liên kết những cơ quan quốc tế, những tổ chức do tư nhân lập ra và những hiệp hội đấu tranh một cách có hệ thống cho việc làm pháp luật và phổ biến sự phá thai trên thế giới. Trong chiều hướng đó việc phá thai vượt quá trách nhiệm của những cá nhân và vượt quá sự thiệt hại gây ra cho họ, và nó mang một tầm quan trọng xã hội rất lớn: đó là một vết thương rất trầm trọng gây ra cho xã hội và cho nền văn hoá của xã hội từ phía những kẻ đáng lẽ phải là những người xây dựng và bảo vệ xã hội và văn hoá. Như tôi đã viết trong Thư gửi các gia đình, “chúng ta đứng trước một đe doạ rất lớn chống lại sự sống, không nguyên sự sống của các cá nhân, nhưng còn là của toàn bộ nền văn minh” (56). Chúng ta đứng trước những gì có thể được định nghĩa như là một “cơ cấu của tội lỗi” chống lại sự sống con người chưa sinh ra.

**60.** Một số người mưu toan biện minh cho việc phá thai bằng cách chủ trương rằng thành quả của một sự thụ thai, ít ra là cho đến một số ngày nào đó, chưa có thể được coi như là một sự sống của con người cá vị. Sự thực là, “ngay từ khi noãn thụ tinh, khởi đầu một sự sống vốn không phải là sự sống của người cha cũng không phải là sự sống của người mẹ, nhưng là của một con người mới, phát triển cho chính mình. Nó sẽ không bao giờ thành người, nếu nó không là người ngay từ lúc ấy.[…] Khoa học di truyền hiện đại đem lại cho sự hiển nhiên thường ngày từ khoảnh khắc đầu tiên này đã định hình chương trình của cái mà thực thể sống này sẽ là: một nhân vị, cái nhân vị cá thể ấy với những điểm đặc trưng của nó. Ngay từ lúc thu tinh, đã bắt đầu cuộc phiêu lưu của một sự sống con người mà mỗi khả năng lớn đòi hỏi có thời gian để nằm vào vị trí và sẵn sàng hành động” (57). Dù cho sự kiện của một linh hồn thiêng liêng không thể được ghi nhận bằng bất cứ phương tiện thực nghiệm nào, các kết luận của khoa học về phôi người cung cấp một chỉ dẫn quý giá để phân định bằng lý trí một sự hiện diện cá nhân ngay từ sự xuất hiện đầu tiên này của một sự sống con người: làm sao một cá thể người lại sẽ không là một ngôi vị người” (58).

Vả chăng, cái được thua quan trọng đến nỗi, trên quan điểm nghĩa vụ đạo đức, duy chỉ khả năng đứng trước một ngôi vị đã đủ để biện minh cho sự cấm chỉ rõ ràng nhất mọi can thiệp dẫn tới thủ tiêu phôi người. Chính vì lý do đó, vượt trên những cuộc tranh luận khoa học và trên cả những khẳng định triết học, mà quyền Giáo huấn của Giáo hội đã không dứt khoát tỏ rõ thái độ, Giáo hội đã luôn luôn giảng dạy rằng phải bảo đảm cho thành quả của sự sinh sản con người, từ khoảnh khắc đầu tiên trong hiện hữu của nó một sự tôn trong vô điều kiện vốn phải có, về mặt đạo đức đối với con người trong toàn bộ và trong tính đơn nhất thể xác cũng như tinh thần của nó:” Con người phải được tôn trọng và đối xử như một ngôi vị ngay từ khi được thụ thai, và vậy thì ngay từ lúc đó, người ta phải thừa nhận cho nó những quyền của ngôi vị, trong đó đứng hàng đầu là quyền được sống, một quyền bất khả xâm phạm của mọi người vô tội” (59).

**61.** Các văn bản Thánh Kinh, vốn không bao giờ nói đến sự cố tình phá thai và vì thế không bao hàm những sự kết án trực tiếp và chuyên biệt về vấn đề này, để biểu lộ một sự quý trọng đối với hữu thể người còn trong dạ mẹ, đến nỗi điều ấy đòi hỏi, như hậu quả lôgic, phải nói rộng ra về cả hữu thể ấy nữa giới răn của Thiên Chúa: “Ngươi chớ giết người”.

Sự sống con người là thánh thiêng và bất khả xâm phạm trong tất cả các khoảnh khắc của sự hiện hữu của nó, cả trong khoảnh khắc khởi đầu có trước sự sinh ra. Từ trong dạ mẹ, con người thuộc về Thiên Chúa là Đấng dò xét và thấu biết tất cả, là Đấng hình thành và tác tạo nó từ tay Ngài, đã nhìn thấy nó khi nó mới còn là một phôi nhỏ không có hình dạng xác định và đoán thấy nơi nó con người trưởng thành nó sẽ trở nên ngày mai, mà ngày giờ đã được đến và ơn gọi đã được ghi vào “sách sự sống” (Tv 139/138, 1.13 16). Cũng nơi đó, khi nó còn trong dạ mẹ – như nhiều văn bản Thánh Kinh chứng tỏ (60) – con người là đối tượng thiết thân nhất của sự quan phòng trong tình yêu thương và trong tình hiền phụ của Thiên Chúa.

Từ thuở đầu cho đến ngày nay – như Tuyên ngôn do Thánh Bộ Giáo lý Đức Tin (61) công bố về vấn đề này cho thấy – Truyền thống Kitô giáo rất rõ và nhất trí đánh giá phẩm chất việc phá thai là sự hỗn loạn đặc biệt nghiêm trọng về mặt luân lý. Từ lúc đương đầu với thế giới Hy-La, trong đó việc phá thai và giết trẻ em sơ sinh là những chuyện thông thường, cộng đoàn Kitô hữu đầu tiên đã triệt để chống lại những thói tục tràn lan trong xã hội ấy, bằng đạo lý và cách ăn ở của mình, như sách Didache đã dẫn trên đây cho thấy (62). Trong hàng các nhà văn thuộc Giáo hội của thế giới Hy lạp, Athênagôrê nhắc lại rằng những người Kitô hữu coi như kẻ giết người các phụ nữ đã dùng đến phương tiện phá thai, vì lẽ rằng các đứa con tuy còn ở trong lòng mẹ cũng được “Thiên Chúa chăm sóc chúng” (63). Trong hàng các văn sĩ la-tinh, Tertulianô khẳng định: “chỉ cần cản trở sinh ra thì đã là kẻ giết người rồi, người ta tước đoạt sự sống đã sinh ra hay là người ta huỷ diệt nó trong lúc nó sinh ra thì không có gì khác biệt nhau cả. cái phải trở thành một con người thì đó là một con người rồi” (64).

Trải qua lịch sử gần hai ngàn năm của mình, cùng một đạo lý này đã được kiên trì giảng dạy bởi các Giáo phụ, các Mục tử và các Tiến sĩ. Ngay cả các cuộc tranh luận có tính cách khoa học và triết học về thời điểm chính xác của việc phú bẩm linh hồn thiêng liêng cũng không bao giờ gây ra do sự nhỏ nhất nào cho sự kết án về mặt luân lý đối với việc phá thai.

**62.** Gần đây, Quyền giáo huấn của Giáo Hoàng đã nhắc lại đạo lý chung ấy hết sức mãnh liệt. Đặc biệt, Đức Piô XI, trong Thông điệp Casti connubii, đã phi bác những luận cứ mạo xưng là biện minh cho việc phá thai (65), Đức Piô XI đã loại trừ mọi việc phá thai trực tiếp, nghĩa là mọi hành động trực tiếp dẫn đến huỷ diệt sự sống con người chưa sinh ra, “dù sự huỷ diệt đó được quyết định như một mục đích hay chỉ như một phương thế nhằm tới mục đích” (66); Đức Gioan XXIII đã khẳng định lại rằng sự sống con người là thánh thiêng, vì “ngay từ trong cội nguồn của nó, nó đòi hỏi hành động sáng tạo của Thiên Chúa” (67). Như đã nhắc tới trên đây, Công Đồng Vatican II đã lên án sự phá thai rất nghiêm khắc: “vậy sự sống phải được bảo vệ với một chăm sóc tột độ từ lúc thụ thai: việc phá thai và giết trẻ sơ sinh là những tội ác ghê tởm” (68).

Từ những thế kỷ đầu, Kỷ luật Giáo hội đã trừng phạt những ai tự làm nhơ nhuốc bằng việc phá thai, và việc trừng phạt đó, với những hình phạt hoặc ít hoặc nhiều nặng nề, đã được xác nhận vào những giai đoạn lịch sử khác nhau. Bộ Giáo luật 1917 qui định vạ tuyệt thông cho việc phá thai (69). Giáo luật canh tân hiện nay nằm trong đường lối đó, khi tuyên bố rằng kẻ nào “phá thai mà có hiệu quả, thì tức khắc bị vạ tuyệt thông” (70),. Vạ tuyệt thông đánh vào tất cả những ai phạm tội ác này trong khi biết hình phạt họ phải chuốc lấy, cũng kể cả những kẻ tòng phạm mà nếu không có họ thì việc thực hiện tội ác đó không thể xảy ra (71); bằng sự xác nhận hình phạt ấy, Giáo Hội chỉ rõ tội ác này như một trong những tội ác nghiêm trọng và nguy hiểm nhất, để thúc đẩy những kẻ phạm tội nhanh chóng tìm lại con đường hoán cải. Vì chưng trong Giáo Hội vạ tuyệt thông nhằm mục đích làm cho người ta ý thức trọn vẹn tính nghiêm trọng của một tội ác, đặc biệt và giúp họ dễ dàng hoán cải, và đền tội thích đáng.

Trước sự nhất trí như thế của truyền thống đạo lý và kỷ luật Giáo Hội, Đức Phaolô VI đã có thể tuyên bố rằng giáo huấn này không bao giờ thay đổi và là bất di bất dịch (72). Vì vậy, với uy quyền Chúa Kitô đã trao cho Phêrô và những người kế vị ngài, trong sự hiệp thông với các giám mục – vốn đã nhiều lần liên tiếp lên án việc phá thai, và để trả lời cho sự tham khảo ý kiến nói trên đây, mặc dù tản mác khắp thế giới, đã nhất trí bày tỏ sự đồng ý với đạo lý này – tôi tuyên bố rằng, việc phá thai trực tiếp, nghĩa là được muốn như mục đích hay như phương thế luôn luôn là một thác loạn luân lý nghiêm trọng, xét như là sự cố ý giết chết một con người vô tội. Đạo lý này dựa trên cơ sở lề luật tự nhiên và lời của Thiên Chúa đã được viết ra, được tự nhiên truyền thống Giáo hội truyền lại và quyền giáo huấn thông thường và quyền phổ quát giảng dạy (73). Không bao giờ một trường hợp nào một mục đích nào, một luật pháp nào trên thế giới có thể làm cho trở thành hợp pháp một hành động vốn thực chất là không hợp pháp bởi vì trái với lề luật của Thiên Chúa ghi khắc trong tâm hồn mọi người mà ta có thể phân biệt nhờ chính lý trí và đã được Giáo hội công bố.

**63.** Sự đánh giá việc phá thai về mặt luân lý cũng phải được áp dụng cho những hình thức can thiệp trên các phôi người mới đây, mặc dù theo đuổi những mục đích tự nó là chính đáng các can thiệp ấy không có thể tránh được việc giết chết nó. Đó là những trường hợp sự thí nghiệm trên các phôi ngày lan rộng trong lĩnh vực nghiên cứu y sinh học và được chính thức chấp nhận bởi một số nhà nước nếu “người ta phải coi như được phép là những sự can thiệp trên phôi người với điều kiện chúng tôn trọng sự sống và sự toàn vẹn của phôi, và nếu chúng không ghi cho nó những bất trắc không cân xứng, nhưng nhằm chữa trị nó, nhằm cải thiện những điều kiện sức khoẻ hoặc sự sống” (74), thì trái lại phải khẳng định rằng việc xử dụng những phôi hoặc những thai người như những đồ vật thí nghiệm là một tội ác nghịch với phẩm giá người của chúng vốn có quyền được tôn trọng với những đứa trẻ được sinh ra và với mọi người (75).

Cùng một sự lên án về mặt luân lý đó cũng liên quan đến phương pháp khai thác các phôi và các thai người còn sống – đôi khi “được sản xuất” cho mục đích đó bằng sự thụ tinh trong ống nghiệm – hoặc như “vật tư sinh học” để sử dụng, hoặc như kẻ cho cơ quan hay cho mô để đem ghép nhằm chữa trị một số bệnh giết chết những hữu thể người vô tội, dù có vì lợi ích của những người khác thực tế là một hành động tuyệt đối không thể chấp nhận.

Người ta phải đặc biệt chú ý đến sự đánh giá về mặt luân lý những kỹ thuật chẩn đoán tiền sản vốn cho phép sớm phát hiện rõ ràng những dị dạng thường có thể xảy ra nơi con trẻ sẽ sinh ra. Quả thật do tính phức tạp của những kỹ thuật ấy, sự định giá này phải được thực hiện rất cẩn thận và thật chặt chẽ các kỹ thuật sẽ hợp pháp về mặt luân lý khi chúng không có nguy cơ gây ra những bất trắc không cân xứng cho đứa con và cho bà mẹ và được bố trí để có thể tiến hành một liệu pháp sớm, hoặc ít ra giúp cho dễ dàng chấp nhận đứa con sắp sinh ra một cách bình thản và có ý thức. Nhưng vì ngày nay những khả năng chăm sóc trước khi sinh còn giới hạn, nên thường xảy ra là những kỹ thuật đó được đem phục vụ cho một tâm địa ưu sinh vốn chấp nhận việc phá thai chọn lọc để ngăn cản sự sinh ra những đứa con có những dị dạng khác nhau. Một tâm địa như thế thật nhục nhã và luôn luôn đáng chê trách bởi vì nó có ý định đo lường giá trị của một sự sống con người, chỉ theo những tham số của “tính hợp chuẩn” và của sự thoải mái vật chất, như thế là mở đường cho việc hợp pháp hoá tội giết trẻ sơ sinh và việc làm chết êm dịu.

Nhưng thực tế là sự dũng cảm và bình thản mà một số đông những người của chúng ta, bị tàn tật trầm trọng, sống cuộc sống của họ, khi được chúng ta chấp nhận và yêu mến, hợp thành một bằng chứng đặc biệt mạnh mẽ, và những giá trị đích thực, làm rõ nét đặc tính của sự sống, và làm cho sự sống trở thành quý giá cho mình và cho những người khác, dù là trong những điều kiện khó khăn. Giáo hội gần gũi với những đôi vợ chồng trong lo sợ và đau khổ lớn lao, chấp nhận đón tiếp những đứa con tật nguyền trầm trọng; Giáo hội cũng biết ơn những gia đình tiếp nhận làm con nuôi những đứa con bị cha mẹ của chúng bỏ rơi vì tàn tật hay bệnh hoạn.

***Thảm kịch của việc làm chết êm dịu***

*“Chính Ta làm cho chết và làm cho sống” (Đnl 32,39)*

**64.** Vào lúc kết thúc cuộc đời, con người được đặt đối diện với mầu nhiệm sự chết. Do những tiến bộ của y học và trong một bối cảnh văn hoá khép kín đối với những gì là siêu nghiệm, hiện nay kinh nghiệm về cái chết trình bày một số phương diện mới. Quả nhiên, khi mà xu hướng chỉ đánh giá cao đời sống trong chừng mục nó đem lại vui sướng và sung túc đang thắng thế, thì sự đau khổ xuất hiện như một thất bại không chịu nổi cần phải thoát khỏi bằng mọi giá. Sự chết, xem như “phi lý” nếu nó thình lình làm đứt đoạn một đời sống còn mở ra cho một tương lai giàu kinh nghiệm lý thú để thực hiện, trái lại sẽ trở thành một “sự giải thoát đòi hỏi” khi sự sống bị coi như không có ý nghĩa từ lúc mà nó chìm trong sự đau đớn và được khắc nghiệt dành cho những đau khổ càng dữ dội.

Vả lại, khi từ chối hoặc quên đi quan hệ căn bản của mình với Thiên Chúa, con người nghĩ rằng mình là tiêu chuẩn và mực thước của mình, và cũng cho rằng mình có quyền đòi hỏi xã hội phải bảo đảm cho mình khả năng và những phương thế để quyết định về sự sống của mình, trong một quyền tự chủ trọn vẹn và hoàn toàn. Đặc biệt chính con người ở những nước phát triển xử sự như thế, họ cảm thấy được đưa đến thái độ bởi những tiến bộ không ngừng của y học và những kỹ thuật ngày càng tiên tiến của nó. Bằng những phương pháp và những máy móc tinh vi, khoa học và kinh nghiệm y học bây giờ có khả năng không chỉ giải quyết những trường hợp trước kia là nan giải và giảm nhẹ hoặc loại hẳn sự đau đớn, nhưng còn duy trì và kéo dài sự sống cả trong những trường hợp cực kỳ suy nhược, làm hồi sinh một cách nhân tạo những người mà các chức năng sinh học cơ bản đã bị tổn hại do những chấn thương thình lình, và can thiệp làm cho một số cơ quan sẵn sàng sử dụng được để đem ghép chúng lại.

Trong bối cảnh đó, sự cám dỗ của việc làm chết êm dịu ngày càng mạnh mẽ hơn, tức là sự cám dỗ làm chủ cái chết bằng cách gây ra nó trước và như thế bằng cách kết thúc “êm dịu” cuộc đời riêng của mình hay cuộc đời của kẻ khác, thực tế lại tỏ ra là phi lý và vô nhân đạo, nếu người ta nhìn kỹ nó trong tất cả chiều sâu của nó. Ở đây chúng ta đứng trước một trong những triệu chứng đáng hãi hùng nhất của “văn hoá sự chết đang lan rộng”, nhất là trong những xã hội sung túc, được rõ nét bởi một não trạng vị lợi, khiến người ta nhìn thấy số những người già và những kẻ suy nhược tinh thần đang tăng như một gánh nặng không chịu nổi. Những người này rất thường khi bị tách rời khỏi gia đình của họ và xã hội, được tổ chức dựa trên những tiêu chuẩn của hiệu năng sản xuất, theo đó một sự bất tài bất lực không thể đáo hồi sẽ tước đi hết mọi giá trị của một sự sống.

**65.** Để đưa ra một phê phán đúng đắn về sự chết êm dịu, trước hết cần phải định nghĩa nó cách rõ ràng. Qua từ gây chết êm dịu theo nghĩa hẹp người ta phải hiểu là một hành động hay một sự bỏ sót, tự nó và với ý định gây ra cái chết để như thế tránh được mọi sự đau đớn. Vậy thì “sự gây chết êm dịu được đặt ở tầm mức những ý định và những phương pháp sử dụng”. (76).

Phải phân biệt gây chết êm dịu với quyết định khước từ điều mà người ta gọi là “sự bám riết điều trị”, nghĩa là một số can thiệp y y học không còn hợp với tình trạng thực tế của người bệnh, bởi vì từ nay chúng không cân xứng so với những kết quả mà người ta có thể hy vọng, hoặc ít ra là bởi vì chúng gây thêm gánh nặng quá lớn cho bệnh nhân hay cho gia đình của người ấy. Trong những trường hợp này, khi cái chết được báo trước là sắp xảy ra và không tránh được, người ta có thể hết sức trung thực “khước từ những cách chữa trị chỉ mang lại cho sự sống một sự trì hoãn mong manh và cực nhọc, nhưng không gián đoạn công việc chăm sóc mà thông thường phải làm cho người bệnh trong trường hợp tương tự” (77). Chắc chắn là có cái nghĩa vụ đạo đức phải chữa bệnh và nhờ chữa bệnh cho mình, nhưng nghĩa vụ đó phải được đối chiếu với những tình huống cụ thể; nghĩa là phải xác định các phương tiện điều trị mà người ta thủ đắc có khách quan cân xứng với viễn tượng thuyên giảm hay không. Sự khước từ những phương thế ngoại thường hay không cân xứng không phải là điều tương đương với tự sát hay việc làm chết êm dịu, đúng hơn là nó có thể hiện sự chấp nhận thân phận con người trước cái chết (78).

Trong y học hiện đại, điều mà người ta gọi là những “chăm sóc tạm thời” có môt tầm quan trọng đặc biệt; những chăm sóc này được dự liệu để làm cho sự đau đớn có thể chịu đựng được hơn trong thời kỳ cuối của con bệnh và đồng thời làm cho bệnh nhân có thể có được sự nâng đỡ nhân đạo thích hợp. Nằm trong phạm vi này, giữa những cái khác có vấn đề tính hợp pháp của sự dùng đến những loại hình giảm đau và an thần để làm dịu cơn đau của người bệnh, khi việc sử dụng chúng bao hàm nguy cơ rút ngắn đời sống của người ấy. Trên thực tế, nếu có thể cho là đáng ca tụng người nào chấp nhận chịu đựng bằng cách khước từ những can thiệp chống đau để giữ tất cả sự tỉnh táo của mình, và nếu người đó là một kẻ có lòng tin, để tham gia cách ý thức vào cuộc Khổ nạn của Chúa, thì một cách xử sự “anh hùng” như thế không thể được coi như là một bổn phận đối với mọi người. Đức Pio XII đã từng tuyên bố rằng, làm giảm cơn đau bằng cách dùng thuốc an thần là hợp pháp, dù có gây ra hiệu quả giảm ý thức và rút ngắn đời sống, “nếu không có những phương thế khác, và nếu, trong những hoàn cảnh nào đó, điều ấy không ngăn trở việc hoàn thành những bổn phận tôn giáo và đạo đức khác” (79). Trong trường hợp này, trên thực tế, không được muốn hay tìm đến cái chết, mặc dù vì những lý do hợp pháp người ta có thể bị cái chết đe dọa: người ta chỉ muốn giảm cơn đau cách hiệu quả khi dùng đến thuốc giảm đau mà y học cho phép sử dụng. Tuy nhiên, “không được làm người hấp hối mất ý thức, nếu không có những lý do nghiêm trọng” (80): đến gần cái chết con người phải có khả năng thoả mãn những nghĩa vụ đối với tôn giáo và gia đình của mình, và nhất là họ phải có thể, trong ý thức trọn vẹn, dọn mình cho cuộc gặp gỡ dứt khoát của họ với Thiên Chúa.

Sau khi đã nêu lên những phân biệt này, am hợp với quyền giáo huấn của các vị tiền nhiệm của tôi (81) và trong mối hiệp thông với các giám mục của Giáo hội Công giáo, tôi xác nhận rằng việc gây chết êm dịu vi phạm nghiêm trọng lề luật của Thiên Chúa, xét như nó là việc giết chết một con người cách cố ý và không thể chấp nhận về mặt luân lý. Đạo lý này được dựa trên cơ sở lề luật tự nhiên và trên lời của Thiên Chúa đã được viết ra: Nó được truyền thống Giáo Hội truyền lại và được quyền giáo huấn thông thường và phổ quát giảng dạy (82).

Tuỳ theo trường hợp, một cách làm như thế bao hàm tính độc hại đặc thù của việc tự sát hoặc là việc giết người.

**66.** Mà, tự tử vẫn luôn luôn không thể chấp nhận về mặt luân lý, y như sát nhân vậy. Truyền thống Giáo Hội luôn phi bác việc tự tử, coi nó là sự lựa chọn xấu xa cách nặng (83). Mặt dầu một số hoàn cảnh tâm lý, văn hoá xã hội có thể đưa đẩy tới việc thực hành một hành vi nghịch hẳn với khuynh hướng bẩm sinh của từng con người là muốn sống, trong khi giảm khinh hoặc miễn trừ trách nhiệm cá nhân, thì theo quan điểm khách quan tự tử là một hành vi nghiêm trọng phạm luân lý, vì nó từ chối tình yêu đối với chính mình và từ bỏ bổn phận công bình bác ái đối với người anh em, đối với những cộng đồng khác nhau mà họ là thành phần, và đối với toàn bộ xã hội (84). Trong nguyên lý sâu xa nhất, tự tử là từ chối uy quyền tuyệt đối của Thiên Chúa, Đấng chủ tể sự sống và sự chết, như lời nguyện của nhà hiền triết Israel tuyên xưng: “Chính Ngài có quyền trên sự sống và cái chết, Ngài đày xuống âm phủ và lại đưa lên” (Kn 16,13; Tx 13,2).

Chia sẻ ý định tự tử của người khác và giúp họ thực hiện, gọi là tự tử có tiếp tay, là dấu chỉ mình là người cộng tác, và đôi khi chính mình là kẻ thực hiện điều bất công không bao giờ có thể biện minh được ấy, mặc dù đương sự yêu cầu. Thánh Augustino viết bằng một nét bút thời sự tuyệt vời: “Không bao giờ được giết kẻ khác, dù chính họ muốn thế, hoặc nhất là do chính họ yêu cầu, bởi vì bị chới với giữa sự sống và chết, họ van xin được giúp đỡ để giải phóng linh hồn đang đấu tranh chống lại các mối dây ràng buộc với thân xác và muốn thoát khỏi nó, cả đến bệnh nhân trong tình trạng không hy vọng sống được nữa, tự tử vẫn không được phép” (85). Cả khi lý do không phải vì người đau khổ từ chối cái ích kỷ không muốn mang gánh nặng cuộc sống, ta cũng phải nói rằng việc làm chết êm dịu là một thứ “thương hại sai lầm”, hơn thế, nó còn là sự “suy đồi” đáng e ngại đối với lòng thương xót: quả vậy, lòng “cảm thương”chân thực khiến ta liên đới với nỗi đau của tha nhân, nhưng nó không triệt tiêu kẻ đang gặp nỗi đau khổ mà chính mình cũng không thể chịu được. Hành vi chịu làm chết êm dịu càng tỏ ra độc ác, khi nó được thực hiện bởi chính những người – như là người trong gia đình lẽ ra phải nâng đỡ người thân của mình một cách kiên nhẫn và yêu thương, hay bởi những người, vì nghề nghiệp của họ, như các y sĩ, đúng ra phải chăm sóc bệnh nhân, cả trong những hoàn cảnh khó khăn nhất khi họ sắp chết.

Việc chọn lựa “làm chết êm dịu” càng nặng tội, khi nó được coi như một việc sát nhân mà các đệ tam nhân thực hiện đối với một người không hề yêu cầu như thế và không bao giờ tỏ một ý ưng thuận nào. Người ta đã đi tới tột đỉnh của ý thích tùy nghi về sự bất công ghê gớm khi một số người, bác sĩ hay nhà làm luật, đã đoạt quyền quyết định ai được sống ai phải chết. Chuyện đó tả lại cơn cám dỗ trong vườn Êđen: “Trở nên như Thiên Chúa, biết lành biết dũ” (x. St 3,5). Nhưng chỉ có Thiên Chúa mới cầm quyền sinh tử: “Chính ta làm cho chết và làm cho sống” (Đnl 32,29; 2V 5,7; 1 Sm 2,6). Thiên Chúa vẫn sử dụng quyền ấy theo ý định khôn ngoan và yêu thương của Ngài, và chỉ mình Ngài có quyền làm như thế. Khi con người chiếm quyền ấy, theo cái logic vô lý và ích kỷ, thì việc mà họ đã thực hiện chắc chắn đưa họ tới bất công bình và đe doạ tận gốc rễ lòng tín nhiệm lẫn nhau, là cơ sở cho mọi quan hệ chân chính giữa các ngôi vị.

**67.** Trái lại, con đường khác hẳn chính là con đường của tình yêu và xót thương đích thực, mà nhân loại đòi hỏi, và được đức tin vào Chúa Kitô Đấng Cứu Chuộc, Đấng đã chết và phục sinh, soi sáng cho bằng những nguyên do mới. Lời yêu cầu thốt lên từ trái tim con người, trong giây phút đối diện sau cùng với đau khổ và sự chết, đặc biệt là khi con người bị thử thách muốn co cụm lại trong thất vọng và như muốn tự huỷ diệt mình, thì lời yêu cầu đó trước hết là kêu xin tình liên đới và sự nâng đỡ trong thử thách. Đó là lời yêu cầu được giúp đỡ để tiếp tục hy vọng, khi mọi hy vọng của con người đều tan biến. Đó là điều Công Đồng Vatican II nhắc nhở chúng ta; “chính khi đối diện với cái chết mà điều bí ẩn về số phận nhân sinh đạt tới cao điểm” đối với con người, tuy nhiên, “chính nhờ một cảm hứng đúng đắn của lòng mình mà con người vứt bỏ và từ chối sự tàn phá trọn vẹn này cũng như cái thất bại dứt khoát của bản thân mình, cái mầm sống không thể chỉ gói gọn vào vật chất ấy, đã nổi lên chống lại sự chết” (86).

Sự chống cưỡng tự nhiên đó trước cái chết được sáng tỏ và niềm hy vọng vào sự bất tử được hoàn chỉnh bằng niềm tin Kitô giáo, niềm tin này hứa và cho phép ta tham dự vào chiến thắng của Chúa Kitô Phục sinh, chiến thắng của Đấng đã dùng cái chết cứu độ của mình mà giải phóng con người khỏi sự chết và ban ơn tha tội (x. Rm 6,23), và ban Thánh Thần cho con người để làm bảo chứng sự sống lại và sự sống (x. Rm 8,11). Niềm xác tín được bất tử sau này và niềm hy vọng đượ phục sinh Chúa hứa ban chiếu giải một ánh sáng mới lên mầu nhiệm đau khổ và sự chết, niềm xác tín và hy vọng ấy đặt tâm hồn tín hữu một sức mạnh khác thường để họ phó thác cho ý định của Thiên Chúa.

Thánh Phaolô Tông đồ đã diễn giải quan niệm mới này dưới hình thức một sự dứt khoát thuộc về Chúa, liên hệ tới con người trong mọi tình huống: “Không ai trong chúng ta được sống cho mình và cũng không ai được chết cho mình. Vì nếu ta sống, là sống cho Chúa, và nếu ta chết là chết cho Chúa. Vậy dù sống hay chết, ta vẫn thuộc về Chúa” (Rm 14,7-8). Chết cho Chúa nghĩa à sống sự chết của Ngài như một hành vi cao vời của lòng vâng phục Chúa Cha (x. Pl 2,8) bằng cách đónh nhận lấy sự chết vào giờ mà Thiên Chúa đã muốn và đã chọn cho ta (x. Ga 13,1), chỉ mình Ngài mới có thể phán quyết bao giờ chấm dứt đường trần của ta. Sống điều xấu và là một thử thách, vẫn có thể trở nên nguồn tình yêu và với tình yêu mà chịu đau khổ, như tham dự vào đau khổ của Chúa Kitô bị đóng đinh, nhờ ơn nhưng không của Thiên Chúa vào do chính mình chọn lấy. Như vậy ai chịu đau khổ trong Chúa sẽ càng nên đồng hình dạng với Ngài, đầy công nghiệp cứu độ của Chúa đối với Giáo Hội và loài người (87). Bất cứ đau khổ nào cũng được mời gọi sống kinh nghiệm của thánh Tông đồ: “Tôi vui sướng trong các nỗi đau khổ chịu vì anh em, và trong thân xác tôi, tôi bù đắp những gì còn thiếu nơi các thử thách Chúa Kitô chịu vì thân mình Ngài là Hội Thánh” (Cl 1,24).

***Luật dân sự và luật luân lý***

*“Phải vâng lời Thiên Chúa hơn vâng lời người phàm” (Cv 5,2)*

**68.** Một trong những phương diện đặc thù của những cuộc ám hại ngày nay chống lại sự sống – như ta đã nhiều lần nói tới – là cái khuynh hướng được hưởng yêu sách được hợp thức hoá theo pháp luật như thể đó là quyền mà nhà nước, ít là trong vài hoàn cảnh, phải nhìn nhận cho công dân, và do vậy, đó cũng là khuynh hướng muốn sử dụng những quyền ấy, với sự giúp đỡ chắc chắn và miễn phí của các y sĩ và nhân viên y tế.

Rất thường thấy người ta coi sự sống của những hài nhi chưa sinh hay của những người bị tật nguyền nặng, chỉ là một thiện ích tương đói: theo logic của những tỷ lệ hay số học thuần tuý sự sống phải được so sánh với nhiều thiện ích khác và tuỳ vào đó mà đánh giá. Người ta cũng nghĩ rằng chỉ ai ở vào hoàn cảnh cụ thể, và thấy bản thân mình có liên hệ với hoàn cảnh ấy, mới có thể thực hiện sự cân nhắc chính xác các thiện ích đó, bởi vậy, kết quả là chỉ họ mới có thể quyết định về mặt luân lý của việc họ chọn lựa. Trong lợi ích của việc cộng đồng sinh tồn dân sự và của sự hài hoà xã hội, nhà nước phải tôn trọng sự lựa chọn ny, đến mức phải công nhận việc phá thai “và làm chết êm dịu”.

Trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, người ta nghĩ rằng luật dân sự không thể đòi hỏi mọi công dân sống mức độ luân lý cao hơn mức độ mà họ công nhận và tuân giữ. Trong những điều kiện như vậy, luật pháp sẽ phải luôn luôn phản ảnh dư luận và ý kiến của đa số công dân, và ít ra trong một số trường hợp nguy kịch, phải nhận cho họ được phá thai và giúp họ chết êm dịu không thể đưa tới việc thực hiện bất hợp pháp, đàng khác lại không có được sự kiểm soát tối cần của xã hội, và thự hiện mà không có sự an toàn cần thiết, vì thiếu trợ giúp y tế. Người ta còn đòi hỏi, nếu bảo vệ một đạo luật không được cụ thể tuân giữ, xét cho cùng lại chẳng là làm hại đến uy quyền của mọi luật khác sao.

Sau cùng có những ý kiến triệt để đã chủ trương rằng, trong xã hội hiện đại và đa nguyên, người ta sẽ phải nhận cho mọi người được quyền hoàn toàn tự chủ để định đoạt về sự sống của mình và sự sống của em bé chưa sinh ra: quả vậy, việc chọn lựa các ý kiến luân lý khác biệt nhau sẽ không tuỳ luật pháp, và luật pháp càng không được áp đặt một chọn lựa nào làm tổn hại cho những chọn lựa khác.

**69.** Dù sao trong nền văn hoá dân chủ thời đại ta, dư luận rộng rãi cho rằng lãnh vực pháp lý của một xã hội phải đượi giới hạn ở việc ghi và nhận những xác tín của đa số, và do vậy, nó chỉ phải dựa trên điều mà đa số công nhận và sống như là hợp luân lý. Nêu khi đó người ta nghĩ rằng cả chân lý chung và khách quan, thật sự là bất khả đạt tới, thì tôn trọng tự do của công dân, trong nền dân chủ, công dân được “coi như” các người có chủ quyền – đòi hỏi, ở mức độ làm luật, người ta phải nhìn nhận sự tự quyết của lương tâm cá nhân, va do đó, khi thiết lập những quy định thật cần thiết cho việc đồng sinh tồn trong xã hội, khi người ta chỉ phải thích nghi với ý muốn của đa số, bất kỳ ý ấy như thế nào. Từ sự kiện trên, trong lúc hành động, mọi nhà làm chính trị phải tách biệt hẳn lãnh vực lương tâm cá nhân khỏi lãnh vực hành động chính trị.

Như vậy là ta thấy hai khuynh hướng, bề ngoài đối nghịch hẳn nhau. Một bên các cá nhân đòi dành cho mình một sự hoàn toàn tự quyết về luân lý trong việc lựa chọn và đòi nhà nước không được nhận hay áp đặt một quan niệm mang tính luân lý nào, nhưng phải quan tâm đến việc bảo đảm tự do mỗi người một môi trường rộng rãi nhất, chỉ có giới hạn đối ngoại là không được lấn sang môi trường của sự tự quyết mà mọi công dân đều có quyền hưởng. Mặt khác người ta cho rằng, trong việc thi hành những chức năng công cộng và chuyên nghiệp, sự tôn trọng tự do lựa chọn của những người khác đòi mỗi người phri dẹp bỏ chính những xác tín của riêng mình, để phục vụ mọi yêu cầu của công dân đã đựoc luật pháp nhìn nhận và bảo vệ, bằng cách nhận như tiêu chuẩn duy nhất của luân lý, trong khi thi hành chức năng của mình, tất cả những gì được xác định bởi luật pháp ấy. Trong nhứng điều kiện như vậy, trách nhiệm của mỗi con người được uỷ thách cho luật dân sự, vì điều ấy giả thiết sự thoái vị của lương tâm luân lý, ít ra là trong lãnh vực của hoạt động công cộng.

**70.** Cội nguồn chung của tất cả những khuynh hướng này là “chủ thuyết tương đối trong luân lý” nó là đặc điểm của phần lớn nền văn hoá hiện nay. Nhiều người cho rằng chủ thuyết tương đối là điều kiện của nền dân chủ, bởi vì chỉ một mình nó bảo đảm cho sự bao dung, tôn trọng lẫn nhau giữa các cá nhân và bám sát được quyết định của đa só, trong khi những luật lệ luân lý coi là khách quan và nguồn bắt buộc, sẽ đưa tới chủ nghĩa chuyên chế và bất bao dung. Nhưng vấn đề phải tôn trọng sự sống lại khiến xuất hiện nhiều nghịch ý và nhiều mâu thuẫn, kèm theo nhiều hậu quả khủng khiếp rất cụ thể ẩn nấp dưới những quan niệm trên.

Quả thực trong lịch sử còn ghi nhiều trong trường hợp mà tội ác được người ta phạm nhân danh “chân lý”. Nhưng, nhân danh “chủ thuyết tương đói trong luân lý”: người ta cũng đã phạm và còn đang phạm những tội ác không kém nặng nề và những sự chối bỏ tự do không kém quyết liệt. Khi đa số trong Quốc hội hay trong xã hội ra sắc lệnh huỷ diệt sự sống của con người chưa được sinh ra, dù có đặt ra một vài điều kiện, thì đa số ấy lại chẳng có một quyết định “tàn ác” đối với hữu thể con người còn non nớt và không có gì bênh vực đó sao? Lương tâm của mọi người đều phản ứng đúng trước những tội ác chống nhân loại mà thế kỷ ta đã từng có kinh nghiệm bi thảm. Liệu những tội ác này có hết là tội ác, nếu như chúng không được thực hiện bởi những bạo chúa vô lương tâm, mà lại được hợp thức hoá bởi sự đồng tình của nhân dân chăng?

Thật thế, nền dân chủ không thể được nâng lên hàng huyền thoại, đến mức trở nên chỗ thay thế cho luân lý, hay là thứ thuốc vạn ứng của sự vô luân được. Căn bản dân chủ là “chế độ”, và là chế độ thì nó là dụng cụ chứ không phải mục đích. Tính cách “luân lý” của nó không phải tự động mà có, nhưng phải tuỳ thuộc sự hoà hợp với luật luân lý mà chính nền dân chủ phải vâng phục, y như bất cứ hành vi nào của con người: tính cách luân lý ấy tuỳ thuộc vào tính luân lý của các mục đích được theo đuổi và của các phương tiện được dùng. Nếu hiện nay người ta coi sự đồng tình của gần như tất cả mọi người về giá trị của nền dân chủ, thì cũng phải coi điều ấy như một “giá trị thời đại” mang tính tích cực, như Giáo huấn của Giáo Hội đã nhiều lần nhấn mạnh (88). Nhưng giá trị của nền dân chủ sẽ được duy trì hay mất đi là tuỳ theo những giá trị mà nền dân chủ đã mang lấy và chấn hưng: căn bản và cần thiết phải là phẩm giá của mọi người, sự tôn trọng mọi quyền bất khả đụng chạm, bất khả nhượng của con người cũng như sự nhìn nhận “lợi ích chung” như mục đích và tiêu chuẩn điều khiển đời sống chính trị.

Nền tảng các giá trị này không thể có được nơi những “đa số” dư luận tạm thời và biến động, nhưng chỉ có được nơi sự nhìn nhận luân lý khách quan, vì là “luật tự nhiên”, được ghi khắc trong lòng con người, luật luân lý khách quan là nơi quy chiếu mẫu mực cho chính luật dân sự. Khi nào, vì nỗi tối tăm thảm khốc của lương tâm tập thể, chủ thuyết hoài nghi đi tới chỗ nghi ngờ cả những nguyên tắc căn bản của luật luân lý, thì đó là lúc chế độ dân chủ bị lung lay tới tận nền tảng, chỉ còn quy lại một bộ phận máy móc điều khiển theo cảm nghiệm lợi ích khác nhau và đối nghịch nhau mà thôi (89).

Một số người có thể sẽ nghĩ rằng, không có gì tốt hơn được thì cũng phải coi trọng vai trò của nền dân chủ chiếu theo lợi ích của nó đối với hoà bình xã hội. Trong ý kiến ấy có đôi chút sự thật, nhưng thực khó mà không thấy rằng, nếu không có một cơ sở luân lý khách quan, thì nền dân chủ không thể bảo đảm được hoà bình bền vững. Cũng như nếu hoà bình không được dựa trên nhân phẩm của mọi người và trên tình liên đới giữa mọi người, thì thường chỉ là hão huyền. Ngay cả trong những chế độ có sự tham gia của dân chúng, việc điều hoà các lợi ích cũng vẫn thường có lợi cho những kẻ mạnh hơn vì họ được nhiều khả năng hành động không những trên các lợi thế quyền lực mà còn nhờ việc gầy tạo nên sự đồng tình nhất trí nữa. Trong tình huống ấy, dân chủ dễ trở nên một từ trống rỗng.

**71.** Vì tương lai xã hội và vì sự phát triển nền dân chủ lành mạnh, phải cấp bách khám phá ra những giá trị nhân bản và luân lý thiết yếu và nguyên thuỷ, phát sinh ngay từ luân lý về hữu thể nhân linh, những giá trị diễn tả và bảo vệ phẩm giá con người: đó là những giá trị mà không ai, không đa số nào, không nhà nước nào sáng tạo ra được, biến đổi hay bãi bỏ đi được, nhưng mọi người phải nhìn nhận, tôn trọng và chấn hưng các giá trị ấy.

Trong bối cảnh này, phải lấy lại các yếu tố căn bản của quan niệm về những tương quan giữa luật dân sự và luật luân lý, đúng như đã được Giáo Hội đề nghị, nhưng chúng vẫn là di sản của những truyền thống về pháp lý của nhân loại.

Vai trò của luật dân sự chắc chắn là khác vai trò của luật luân lý, và có tầm mức giới hạn. Vì thế, “trong mọi lãnh vực đời sống, luật dân sự không được thay thế lương tâm, cũng không được ra những điều luật về những gì không thuộc thẩm quyền của mình” (90), thẩm quyền này chỉ là để bảo đảm ích lợi của mọi người, bằng cách nhìn nhận và bảo vệ những quyền căn bản của họ và chấn hưng hoà bình cũng như luân lý công cộng (91). Quả thế, vai trò của luật dân sự là bảo đảm việc đồng sinh tồn có nề nếp trong xã hội, trong công bình thật sự, để “mọi người chúng ta có thể sống cuộc đời thanh thản và bình an, trong đạo đức và phẩm giá” (1Tm 2,2). Chính vì thế, luật dân sự phải bảo đảm cho tất cả mọi phần tử xã hội được tôn trọng về những quyền căn bản vốn thuộc về con người mà bất cứ luật pháp dân sự nào cũng phải công nhận và bảo đảm. Đứng đầu và căn bản nhất là quyền sống bất khả xâm phạm của mọi người vô tội. Nếu công quyền đôi khi có thể từ chối dẹp bỏ những gì mà vì sự cấm đoán của nó sẽ gây ra thiệt hại nặng hơn (92), thì công bao giờ được chấp nhận là hợp pháp, với danh nghĩa quyền cá nhân, dù những cá nhân này là đa số trong xã hội – sự vi phạm đối với con người, bằng cách không nhìn nhận một quyền căn bản như quyền được sống của người khác. Việc luật pháp cho phá thai và giúp cho chết êm dịu, không thể, bất cứ hoàn cảnh nào, được dựa vào sự tôn trọng lương tâm người khác, chính bởi vì xã hội có quyền và bổn phận tự bảo vệ chống lại những lạm dụng có thể xảy đến nhân danh lương tâm và nại cớ tôn trọng tự do (93).

Trong thông điệp “Hoà bình trên trái đất”, Đức Gioan XXIII đã nhắc lại về đề tài này: “Đối với tư tưởng ngày nay, công ích trước tiên hệ tại việc bảo vệ các quyền lợi và bổn phận của nhân vị: do đó, vai trò của các nhà cai trị cốt yếu là ở việc bảo đảm sự nhìn nhận và tôn trọng quyền lợi, sự giao lưu giữa các quyền lợi, và phát triển quyền lợi, va do đó phải làm cho từng công dân được dễ dàng chu toàn bổn phận của họ. Bởi vì “sứ mệnh thiết yếu của mọi quyền bính chính trị là bảo vệ những quyền bất khả xâm phạm của con người và làm thế nào từng người hoàn tất dễ dàng chức năng riêng của họ. Vì thế, nếu công quyền đi tới chỗ không biết hoặc xâm nhập quyền con người, thì không những người cầm quyền không chu toàn trách nhiệm, nhưng các dự tính của họ thiếu hẳn mọi giá trị pháp lý” (94).

**72.** Giáo lý về sự cần thiết phải làm cho luật dân sự phù hợp với luật luân lý vẫn liên tục được giảng dạy trong truyền thống Giáo Hội, như một lần nữa ta thấy điều này nổi bật trong thông điệp kể trên của Đức Gioan XXIII: “Quyền bính mà trật tự luân lý đòi hỏi phải có, xuất phát từ Thiên Chúa, vậy nếu xảy ra việc những nhà lãnh đạo ban hành các điều luật hay dùng những biện pháp nghịch lại trật tự luân lý, và do đó, nghịch lại ý Thiên Chúa, thì những điều ấy không thể bắt buộc lương tâm con người… Hơn thế, trong những trường hợp này, chính quyền tự biến chất thành áp bức” (95). Đó là giáo huấn theo thánh Toma Aquino, ngài viết rõ rằng: “luật con người làm ra chỉ đúng là luật pháp xét theo nó phù hợp với lẽ phải; với danh nghĩa ấy, rõ ràng nó từ luật vĩnh cửu mà phát xuất. Nhưng theo mức độ nó tách rời khỏi lẽ phải, thì phải tuyên bố nó là luật gian tà, và do đó, không có lý do tồn tại như là luật, mà là một sự cưỡng bức” (96). Và, “mọi luật do con người đặt ra, chỉ đúng là luật tuỳ theo mức độ nó phát xuất từ luật tự nhiên. Nếu nó lệch lạc ở quan điểm nào đó khỏi luật tự nhiên, lúc ấy nó không phải là luật, mà là huỷ hoại luật” (97).

Hiện nay, việc áp dụng đầu tiên và cách trực tiếp giáo huấn trên, liên hệ đến cái luật con người đặt ra để không nhận quyền căn bản và nguyên thuỷ của sự sống, một quyền thuộc riêng về con người. Vì thế, những thứ luật, trong trường hợp phá thai và làm chết êm dịu, “hợp thức hoá” việc trực tiếp tiêu diệt những con người vô tội, là hoàn toàn mâu thuẫn không thể am hợp với quyền sống bất khả xâm phạm thuộc riêng về mọi người, mà những thứ luật ấy còn chối bỏ sự bình đẳng của mọi người trước pháp luật. Có lẽ người ta muốn vấn nạn rằng đó không phải là trường hợp làm chết êm dịu, khi nó được yêu cầu một cách ý thức do chính đương sự. Nhưng một nhà nước hợp thức hoá yêu cầu này, và cho phép thi hành, sẽ đi tới chỗ hợp thức hoá trường hợp tự tử-sát nhân (suicide-homicide), ngược lại với những nguyên tắc căn bản về sự bất khả định đoạt trên sự sống và việc bảo vệ mọi sự sống vô tội. Cứ theo kiểu cách ấy, người ta ủng hộ việc giảm thiểu lòng tôn trọng sống và người ta mở đường cho những cách sống bãi bỏ sự tín nhiệm, trong các quan hệ xã hội. Những luật cho phép và ủng hộ phá thai và làm chết êm dịu đi ngược lại công ích, và do đó, những thứ luật ấy thiếu tính hợp pháp thực sự. Quả vậy, sự không nhìn nhận sự sống, chính vì nó dẫn đến chỗ triệt tiêu con người mà xã hội chỉ tồn tại để phục vụ, đấy là điều trực tiếp và tệ hại nhất, đi ngược lại khả năng thực hiện công ích. Hậu quả là, khi một luật dân sự hợp thức hoá việc phá thai và làm chết êm dịu thì tự nó luật ấy không còn là luật dân sự có tính bắt buộc về luân lý nữa.

**73.** Như vậy, việc phá thai và làm chết êm dịu là những tội ác mà không luật nhân loại nào có thể cho rằng hợp pháp được. Những luật loại này không những không hề có giá trị bắt buộc đối với lương tâm mà chúng còn được đòi buộc cách nghiêm trọng và chính xác là chống lại chúng, vì sự phản đối của lương tâm. Ngay những ngày đầu của Giáo Hội, các Tông đồ giảng dạy những người theo Chúa Kitô bổn phận vâng phục công quyền được thiết lập hợp pháp (x. Rm 13,1-7,13-14) nhưng đồng thời việc giảng dạy cũng mạnh mẽ chỉ bảo “phải vâng lời Thiên Chúa hơn loài người” (Cv 5,29). Ngay trong Cựu Ước, chính về vấn đề những đe doạ đối với mạng sống, ta gặp một ví dụ rất ý nghĩa về việc kháng cự mệnh lệnh bất công của nhà cầm quyền. Những bà hộ sinh cho trẻ Do Thái đã chống lại vua Pharaon, khi ông ra lệnh giết các trẻ trai mới sinh: “Các bà đã không làm điều mà vua Ai Cập ra lệnh và cứ để các bé trai được sống” (Xh 1,17). Nhưng phải nhìn rõ lý do sâu xa của việc xử sự ấy: ”Các bà hộ sinh kính sợ Thiên Chúa” (Xh 1,17). Chỉ có sự tuân phục Thiên Chúa-Đấng duy nhất mà ta phải kính sợ, lòng kính sợ do sự nhìn nhận quyền tối cao của Ngài, mới làm phát sinh sức mạnh và lòng can đảm của những ai sẵn sàng hy sinh kể cả đến tính mạng với niềm tin xác tín rằng việc ấy “tạo nên sự can trường và lòng tin cậy của các thánh” (Kh 13,10).

Trong trường hợp thứ luật tự nó đã bất công, như luật công nhận phá thai và làm chết êm dịu, thì không bao giờ được phép theo, cũng không được tham gia vào chiến dịch gây dư luận ủng hộ một luật như thế, cũng không bỏ phiếu cho luật đó (98).

Một vấn đề đặc biệt của lương tâm có thể được đặt ra, trong trường hợp bỏ phiếu trong Quốc hội tỏ ra xác định việc ủng hộ một luật hạn chế lại, có nghĩa là hạn chế số phá thai đã từng được phép, để thay thế luật cho phép phá thai đang có hiệu lực hoặc luật chờ để được quyết định. Nhưng trường hợp ấy không hiếm. Quả vậy, người ta thấy có sự kiện này là, trong khi ở một số vùng trên thế giới vẫn tiến hành các chiến dịch để du nhập những luật ủng hộ phá thai, được yểm trợ bởi nhiều tổ chức quốc tế giàu mạnh, thì trong nhiều nước khác, nhất là những nước đã có kinh nghiệm cay đắng về những luật lệ cho phép này, các nước ấy tự tỏ ra là những dấu chỉ của một sự suy nghĩ mới. Trong trường hợp đã định ở đây, rõ ràng là khi không có thể tránh hay bãi bỏ hoàn toàn luật cho phép phá thai, thì một dân biểu, đã rõ rệt chống đối quyết liệt việc phá thai, mà ai cũng biết rõ như thế, thì ông sẽ có thể góp phần ủng hộ những kiến nghị có ý giới hạn những thiệt hại của một luật như thế và nhờ đó giảm đi những hậu quả tiêu cực trên bình diện văn hoá và luân lý công cộng. Quả vậy, hành động như thế, người ta không thực hiện việc cộng tác vào cái luật tai ác kia, nhưng là thực hiện một cố gắng hợp pháp, cũng là bổn phận để được hạn chế những phương diện bất công.

**74.** Việc đưa ra những luật bất công thường đặt những người ngay thẳng về mặt luân lý trước nhiều vấn đề lương tâm khó khăn, trong những điều liên can đến cộng tác của họ, vì bổn phận phải khẳng định quyền của mình là không bị ép buộc tham gia những hành động xấu về mặt luân lý. Những chọn lựa phải làm đôi khi đau đớn và có thể đòi hỏi phải hy sinh những vị trí nghề nghiệp từng được củng cố, hay còn phải từ bỏ những viễn ảnh hợp pháp để thăng tiến nghề nghiệp. Trong nhiều trường hợp khác có thể xảy ra là việc hoàn thành một số hành vi tự nó là không xấu không tốt, đôi khi còn tích cực, được dự tính để chuẩn bị cho những luật lệ mà đại để là bất công, sẽ cho phép cứu được nhiều sinh mạng con người bị đe doạ. Mặt khác, người ta có thể có lý sợ rằng khi tỏ ra mình sẵn sàng hoàn thành những hành vi ấy, không những sẽ đưa tới gương mù và làm yếu kém sự phản đối cần thiết chống lại những ám hại sự sống, nhưng còn dần dần đưa tới thoả hiệp với một logic được phép.

Để làm sáng tỏ vấn đề luân lý khó khăn này, cần nhắc lại những nguyên tắc tổng quát về việc cộng tác với hành vi xấu. Người Kitô hữu cũng như mọi người thiện chí -chiếu theo bổn phận nghiêm trọng của lương tâm, được kêu gọi không cộng tác với những việc đi ngược lại với Lề luật của Thiên Chúa, dù là chúng được luật dân sự công nhận. Quả vậy, theo quan điểm luân lý, không bao giờ được minh nhiên cộng tác vào việc xấu. Sẽ có sự cộng tác như thế, khi hành động được thực hiện kia, hoặc do chính bản tính nó, hoặc do tính chất nó mang lấy trong một bối cảnh cụ thể, đã nổi bật như là một sự tham gia vào hành vi chống lại sự sống con người vô tội, hay như một sự đồng tình với ý định vô luân của tác nhân chính. Sự cộng tác này không bao giờ được biện minh bằng cách nại tới việc tôn trọng tự do của người khác, hay dựa vào sự kiện là luật dân sự đã tiên liệu và đòi hỏi sự cộng tác ấy: đối với những hành vi mà mỗi cá nhân tự làm lấy, quả vậy, vẫn có một trách nhiệm luân lý mà không ai có thể trút bỏ, và căn cứ theo trách nhiệm này Thiên Chúa sẽ phán xét họ (x. Rm 2,6; 14,12).

Từ chối tham gia việc thực hiện điều bất công không những là bổn phận luân lý mà còn là quyền cơ bản của con người. Nếu không như vậy, nhân vị con người, khi bị bắt buộc làm một việc tự nó không xứng hợp với nhân phẩm, và do đó với tự do của con người, mà ý tưởng và mục đích chính thực là hướng về chân lý và thiện hảo, sẽ bị tác hại tận căn. Đây là một quyền thiết yếu, mà vì là thiết yếu, mà phải được tiên liệu và bảo vệ do chính luật dân sự nữa. Theo ý nghĩa này, khả năng từ chối tham gia ở các giai đoạn tham khảo ý kiến, chuẩn bị và thi hành những hành vi chống lại sự sống, phải được bảo đảm cho các y sĩ, các nhân viên liên hệ trong ngành y tế và các người có trách nhiệm trong cơ quan bệnh viện, nhà thương, trung tâm y tế. Những người nêu lên sự phản kháng lương tâm, cũng được miễn trừ, không những khỏi những chế tài mà còn được miễn trừ không phải chịu sự thiệt thòi nào đó, dù là ở bình diện pháp lý và kỷ luật, hay là ở bình diện kinh tế và nghề nghiệp.

***Ngươi phải bênh vực “sự sống”***

*“Ngươi phải yêu anh em như chính mình ngươi” (Lc 10,27)*

**75.** Các giới răn của Thiên Chúa dạy ta con đường sự sống. Những điều luật luân lý tiêu cực, nghĩa là những điều luật tuyên bố không thể chấp nhận một hành vi xác định nào đó về mặt luân lý, những điều luật ấy có giá trị tuyệt đối trong việc hành xử sự tự do của con người: chúng vẫn có giá trị ở mọi thời, mọi hoàn cảnh, không có luật trừ. Chúng chứng tỏ rằng việc chọn một số hành vi nào đó là triệt để không hợp với lòng yêu mến Thiên Chúa và với phẩm giá con người được tạo thành theo hình ảnh Chúa: vì vậy, một sự chọn lựa như thế không thể bù trừ bằng tính cách tốt của một ý hướng nào hay bằng một hậu quả nào; sự lựa chọn ấy vẫn nghịch với sự hiệp thông giữa các con người, không thể sửa chữa, và ngược hẳn với ý định căn bản là hướng sự sống về Thiên Chúa (99).

Theo ý nghĩa này, những điều luật luân lý tiêu cực đã có một chức năng tích cực quan trọng: tiếng “không” mà những điều luật ấy đòi hỏi một cách vô điều kiện, diễn tả giới hạn không thể vượt qua, con người tự do không được xuống quá mức đó, và đồng thời tiếng”không” còn diễn tả mức tối thiểu phải tôn trọng, và từ mức độ con người phải nói ra nhiều tiếng “phải” làm sao cho viễn ảnh sự thiện phải dần dần trở nên một chân trời duy nhất (x. Mt 5,48). Những giới răng, đặc biệt những luật luân lý tiêu cực, là điểm khởi hành và là chặng đầu, rất quan trọng, của con đường dẫn tới tự do. Thánh Augustinô viết: “Tự do đầu tiên, là không phạm tội ác… như giết người, ngoại tình, tà dâm, trộm cắp, lừa đảo, phạm thánh, và mọi hình thức thuộc loại đó. Khi một người bắt đầu từ bỏ, không phạm những tội ấy, đây là luật buộc người Kitô hữu không được phạm, người ấy đã khởi sự ngẩng đầu lên hướng về tự do, nhưng đây mới chỉ là khởi điểm của tự do, chưa phải là tự do hoàn hảo” (100).

**76.** Giới răn :ngươi chớ giết người” là điểm khởi đầu của con đường tự do chân thật, dẫn ta tới chỗ tích cực chấn hưng sự sống, tới chỗ chấp nhận một thái độ chính xác đề phục vụ sự sống: làm như thế. ta thi hành trách nhiệm của ta đối với mọi người đã được trao phú cho ta và ta bày tỏ, trong việc làm và trong chân lý, lòng tri ân Thiên Chúa về ơn cao cả là sự sống (x. Tv 139/138,13-14).

Đấng Tạo Hoá đã trao sự sống con người cho trách nhiệm của chính con người đề chăm sóc. Không phải để mình muốn định đoạt ra sao tuỳ tiện, nhưng để khôn ngoan giữ gìn và yêu mến trung thành hướng dẫn nó. Thiên Chúa của Giao ước đã ký thác sự sống của mọi người cho người khác, cho anh em họ, chiếu theo luật hỗ tương là cho và nhận, là hy sinh mình và đón nhận anh em. Khi thời gian đã mãn, Con Thiên Chúa nhập thể và hiến mạng sống loài người, như vậy Ngài đã biểu lộ luật hỗ tương cao cả và sâu rộng biết bao. Quan việc ban Thánh Thần, Chúa Kitô mang đến một ý nghĩa mới, một nội dung mới cho luật hỗ tương, thực ra, là trao người này cho người kia. Chúa Thánh Thần, Đấng tạo tác sự hiệp thông trong tình yêu, sáng tạo nên giữa loài người một tình huynh đệ mới, một tình liên đới mới là phản ánh thật của mầu nhiệm trao ban và đón nhận giữa Ba Ngôi Thiên Chúa. Chính Chúa Thánh Thần trở thành lề luật mới, luật ban sức mạnh cho các tín hữu và kêu gọi trách nhiệm của họ để sống hỗ tương trong việc hiến dâng thân mình và đón nhận người khác, bằng cách tham dự vào tình yêu của Chúa Kitô và theo mức độ tình yêu của Ngài.

**77.** Chính luật mới này làm sống động và hình thành khuôn mẫu cho giới răn “ngươi chớ giết người”. Như vậy người Kitô hữu hiểu được mệnh lệnh tôn trọng, mến yêu và thăng tiến sự sống của tất cả mọi anh em, theo những đòi hỏi và sự cao cả của Tình yêu Thiên Chúa nơi Chúa Giêsu Kitô, “Chúa đã thí mạng sống vì chúng ta. Phần chúng ta cũng phải thí mạng sống vì anh em ta” (1Ga 3,16).

Giới răn “ngươi chớ giết người” ngay ở nội dung tích cực nhất là tôn trọng, mến yêu và thăng tiến sự sống con người, đòi buộc tất cả mọi người. Quả vậy, giới răn ấy vang dội trong lương tâm mỗi người như tiếng vang không thể xoá nhoà của Giao ước từ nguyên thuỷ, mà Thiên Chúa, Đấng Tạo Hoá ký kết với con người. Giới răn này được mọi người biết đến nhờ ánh sáng của lý trí, và được tuân giữ nhờ tác động mầu nhiệm của Chúa Thánh Thần, Ngài thổi hơi vào nơi đâu Ngài muốn (x. Ga 3,8). Ngài liên kết và thu hút mọi người sống trên trần gian này.

Sự phục vụ mà chúng ta được gọi để thi hành cho anh em, là một phục vụ của tình thương, để sự sống của anh em luôn luôn được bảo vệ và thăng tiến, nhưng nhất là khi sự sống ấy yếu ớt và bị đe doạ hơn. Đây là sự sống mà mỗi người nhưng cũng cả xã hội nữa phải chăm sóc: Tất cả chúng ta phải phát triển sự chăm sóc ấy bằng cách lấy việc tôn trọng vô điều kiện sự sống con người làm nền tảng của xã hội được canh tân.

Chúng ta được yêu cầu quý mến và tôn trọng sự sống của mỗi người, nam cũng như nữ, và kiên trì làm việc với lòng dũng cảm, để sau cùng trong thời đại ta đang có quá nhiều dấu hiệu chết chóc, được phục hồi một nền văn hoá mới của sự sống, là kết quả do nền văn hoá của chân lý và tình yêu.

\*\*\*

**CHƯƠNG IV**

**CHÍNH LÀ CHO TA MÀ CÁC CON LÀM ĐIỀU ĐÓ**

**TIẾN TỚI NỀN VĂN HOÁ MỚI CỦA SỰ SỐNG CON NGƯỜI**

***Dân tộc của sự sống và vì sự sống***

*“Anh em là dân tộc thuộc về Thiên Chúa, có nhiệm vụ loan báo những kỳ công của Ngài” (x. 1Pr 2,9)*

78. Giáo Hội đã đón nhận Tin Mừng như một loan báo và như một nguồn vui và nguồn cứu độ. Giáo Hội đón nhận Tin Mừng như hồng ân của Chúa Giêsu, Đấng mà Chúa Cha sai xuống “đề mang Tin Mừng cho người nghèo khó” (Lc 4,18). Giáo Hội đón nhận Tin Mừng qua các Tông đồ được Chúa sai khắp thế gian (x. Mc 16,15; Mt 28,19-20). Được sinh ra từ hành động loan báo Tin Mừng này, Giáo Hội cảm thấy vang lên trong lời mình lời cảnh cáo hằng ngày của Thánh Tông Đồ: “Khốn cho tôi, nếu tôi không loan báo Tin Mừng” (1Cr 9,16). Như Đức Phaolô VI đã viết, phúc âm hoá quả thực là hồng ân và ơn gọi riêng của Giáo Hội, là căn tính sâu xa nhất của Giáo Hội. Giáo Hội hiện hữu để loan báo Tin Mừng (101).

Phúc âm hoá là hành động bao quát và năng động, đưa Giáo Hội tới chỗ tham gia sứ mệnh ngôn sứ, tư tế và vương giả của Chúa Giêsu. Vì thế, việc ấy bao gồm một cách không thể tách rời các chiều kích của việc loan báo, cử hành và việc phục vụ của đức ái. Đó là hành vi mang tính Giáo Hội sâu xa liên quan tới mọi người thợ làm việc cho Tin Mừng, mỗi người theo ơn đoàn sủng và thừa tác vụ của mình.

Cũng như thế đối với việc loan báo Tin Mừng về sự sống, thành phần của Tin Mừng, là Chúa Giêsu Kitô. Chúng ta là những người phục vụ Tin Mừng này, được nâng đỡ bởi ý thức rằng mình đã đón nhận Tin Mừng ấy như một hồng ân và được sai đi để loan báo Tin Mừng ấy cho cả nhân loại “tới mãi tận cùng trái đất” (Cv 1,8). Chính vì thế chúng ta khiêm tốn và tri ân duy trì tâm tư mình là dân của sự sống và vì sự sống: trước mặt mọi người chúng ta thật sự là như vậy đó.

79. Chúng ta là dân của sự sống và vì sự sống bởi lẽ, trong tình yêu nhưng không của Ngài, Thiên Chúa đã ban cho ta Tin mừng về sự sống và bởi lẽ Tin Mừng này đã biến đổi và cứu chuộc chúng ta. Chúng ta được “Đấng ban sự sống” chinh phục lại (Cv 3,15) với giá bửu huyết của Ngài (x. 1Cr 6,20; 7,23; 1Pr 1,19), nhờ được dìm trong giếng Thanh Tẩy, ta được tháp nhập vào Ngài (x. Rm 6,4-5); Cl 2,12) như những cành cây hút từ cùng một thân cây nhựa sống và sinh hoa kết trái (x. Ga 15,5). Được canh tân trong nội tâm bởi ơn Chúa Thánh Thần, “Ngài là Chúa và là Đấng ban sự sống”, chúng ta đã trở nên dân tộc vì sự sống và chúng ta được gọi để cư xử trong tư cách ấy.

Chúng ta được sai đi: đối với chúng ta, phục vụ sự sống, không phải là lý do cho ta kiêu ngạo, mà là bổn phận phát sinh từ ý thức rằng mình là: “dân tộc Chúa đã chiếm hữu, để tuyên xưng lời ca tụng Ngài” (x. 1Pr 2,9). Luật của tình yêu hướng dẫn ta và nâng đỡ ta trên đường đi, tình yêu mà Con Thiên Chúa làm người là nguồn mạch phát sinh và mẫu gương, Ngài “đã ban sự sống cho thế gian nhờ cái chết của mình” (102).

Chúng ta được sai đi như một dân tộc.Việc dấn thân phục vụ sự sống liên hết tới từng người. Đó là một trách nhiệm mang tính “Giáo Hội”, nó đòi một hành động nhịp nhàng và quảng đại của mọi thành viên và mọi cơ cấu trong Cộng đoàn Kitô giáo. Tuy nhiên, bổn phận chung không loại bỏ và không giảm bớt trách nhiệm cá nhân, bởi vì lệnh truyền của Chúa nói với từng con người là phải làm cho mọi người thành người lân cận của mình: “Anh hãy đi, và chính anh hãy làm như thế” (Lc 10,37).

Tất cả chúng ta cùng cảm thấy bổn phận loan báo Tin Mừng về sự sống, tôn dương Tin Mừng này trong phụng vụ và trong cả cuộc sống, phục vụ Tin Mừng này bằng nhiều sáng kiến và nhiều tổ chức có mục đích yểm trợ và cổ võ Tin Mừng ấy !

***Loan báo Tin Mừng về sự sống***

*Điều chúng tôi đã thấy và đã nghe, chúng tôi loan báo cho anh em” (1Ga 1,3)*

80. Điều ngay từ đầu đã có, điều chúng tôi đã nghe, điều chúng tôi đã tận tay sờ tới về Lời Sự Sống… chúng tôi loan báo cho anh em, để anh em cùng hiệp thông với chúng tôi” (1Ga 1,1-3). Chúa Giêsu là Tin Mừng duy nhất: không có tin mừng nào khác mà chúng ta tuyên xưng và làm chứng.

Loan báo Chúa Giêsu, đúng là loan báo sự sống. Vì Ngài là “Lời Sự Sống” (1Ga 1,1). Nơi Ngài “sự sống đã được tỏ hiện” (1Ga 1,2), hoặc đúng hơn chính Ngài là “sự sống đời đời ấy, vẫn hướng về Chúa Cha và đã hiện cho chúng ta thấy” (1Ga 1,2).

Chính là sự sống ấy, nhờ ơn Chúa Thánh thần, đã được thông ban cho con người. Được hướng về sự sống sung mãn, về sự sống vĩnh hằng, nên sự sống trần gian của mỗi người đã có được tất cả ý nghĩa của mình.

Được soi sáng bởi Tin Mừng về sự sống chúng ta cảm thấy nhu cầu cần phải công bố và làm chứng tá trong một sự mới lạ làm nổi bật Tin Mừng này: bởi vì Tin Mừng này đồng nhất với chính Chúa Giêsu là Đấng đem đến mọi điều mới lạ (103) và là Đấng chiến thắng mọi “già cỗi” xuất phát từ tội lỗi và đưa tới sự chết (104), Tin Mừng vượt quá lòng mong chờ của con người, và mặc khải những độ cao tuyệt vời mà nhờ ân sủng, phẩm giá con người đã được nâng lên. Đó là điều mà Thánh Grêgoriô Nyssênô đã chiêm ngắm: “Trong các hữu thể, thì con người chẳng đáng kể là gì, con người là cát bụi, rơm rác, phù vân, thế mà một khi trở nên nghĩa tử của Thiên Chúa Chủ Tể càn khôn, lại được thân mật với Đấng mà không ai có thể thấy, hoặc nghe, hoặc hiểu được sự tuyệt đối thiện hảo và vĩ đại của Ngài. Ta dùng lời nói, tư tưởng nào, tầm vương cao nào của tâm trí để có thể tung hô sự sung mãn của ơn này? Con người siêu việt hơn bản tính mình: từ chỗ chết vươn tới bất tử, từ chỗ hư nát vươn tới bất khả hư nát, từ phù vân qua vĩnh cửu, tóm lại, từ thân phận là người được trở nên Thiên Chúa” (105).

Niềm tri ân và hân hoan vì phẩm giá khôn lường của con người thúc đẩy ta phải làm cho cả thế giới được hưởng sứ điệp này: “Điều mà chúng tôi đã thấy và đã nghe, chúng tôi loan báo cho anh em, để anh em được hiệp thông với chúng tôi” (1Ga 1,3). Cần thiết phải làm cho Tin Mừng về sự sống đến được với mọi người, nam cũng như nữ, đưa Tin Mừng ấy vào trong những ngõ ngách sâu kín nhất của toàn xã hội.

81. Đây là vấn đề, trước hết, phải công bố tâm điểm của Tin Mừng này. Đó là việc loan báo về Đấng Thiên Chúa hằng sống và gần gũi, Ngài gọi tới hiệp thông sâu xa với Ngài, và mở cho ta niềm hy vọng vững chắc được sống đời đời; đó là sự khẳng định về mối dây không thể tách lìa giữa ngôi vị, sự sống và tính xác thể của con người; đó là việc trình bày sự sống con người như là sự sống liên đới, là hồng ân Thiên Chúa, là kết quả và dấu chỉ của tình yêu Ngài; đó là việc công bố mối tương quan khác thường giữa Chúa Giê su với từng người, cho phép ta nhìn trên gương mặt con người chính dung mạo Chúa Kitô; đó là việc “bày tỏ sự hiến dâng trọn bản thân” như một bổn phận và như nơi thể hiện đầy đủ sự tự do.

Đồng thời, cũng trình bày mọi hậu quả của chính Tin Mừng này mà ta có thể tóm lược như sau: là hồng ân quý báu Chúa ban, sự sống con người thì thánh thiêng và bất khả xâm phạm, và vì thế, đặc biệt việc có ý phá thai là làm chết êm dịu đều tuyệt đối không thể chấp nhận được, không những không được huỷ diệt sự sống con người mà còn phải bảo vệ nó trong mối quan tâm đầy tình thương; sự sống tìm thấy ý nghĩa của nó trong tình yêu được tiếp nhận và được trao ban: chính ở tầm mức này mà giới tính và việc truyền sinh của con người đạt tới chân tính của chúng; trong tình yêu này, đau khổ và sự chết cũng có một ý nghĩa và, mặc dầu còn mãi mầu nhiệm bao quanh chúng, đau khổ và sự chết có thể trở nên những biến cố cứu độ, lòng tôn trọng sự sống đòi hỏi khoa học và kỹ thuật phải được hiến về con người và sự phát triển toàn diện con người; toàn xã hội tôn trọng, bênh vực và thăng tiến phẩm giá của mọi con người, vào mọi thời điểm và mọi tình trạng của cuộc sống họ.

82. Để được thực sự là một dân tộc biết phục vụ sự sống chúng ta phải kiên trì và can đảm đề nghị sứ điệp này, ngay từ lời đầu tiên loan báo Tin Mừng, và tiếp sau là trong giáo lý và những hình thức giảng thuyết khác nhau, trong đối thoại cá nhân cũng như trong mọi công trình giáo dục. Các nhà giáo dục, giáo viên, các người giảng dạy giáo lý và thần học gia, đều có bổn phận làm nổi bật lên những lý do nhân loại học xây dựng và nâng đỡ lòng tôn trọng mọi sự sống con người. Bằng cách này, khi làm sáng ngời tính mới lạ độc đáo của Tin Mừng về sự sống, chúng ta có thể giúp mọi người cũng khám phá ra, nhờ ánh sáng của lý trí và của kinh nghiệm, bằng cách này mà sứ điệp Kitô giáo soi sáng đầy đủ con người, cũng như ý nghĩa hữu thể và hiện hữu của con người, chúng ta cũng sẽ tìm được nhiều điểm gặp gỡ và đối thoại quý báu với những người không tín ngưỡng, trong khi cùng nhau dấn thân làm phát triển nền văn hoá của sự sống mới.

Bị tấn công bởi những ý kiến đối nghịch nhất, khi mà có nhiều người chối bỏ giáo lý chân chính về sự sống con người, chúng ta cảm thấy lời căn dặn của Thánh Phao lô gửi cho Tim ô thê cũng như đang được nói với mình: “Hãy rao giảng Lời Chúa, hãy ứng phó lúc thuận lúc nghịch, hãy biện bác, hãy khiển trách, hãy khuyên lơn, với tất cả lòng kiên nhẫn và dụng tâm dạy dỗ” (2 Tm 4,2). Lời khuyên này phải được vang dội thật mạnh trong trái tim của mọi người, trong Giáo Hội, đang tham gia trực tiếp hơn, dưới nhiều tước vị, vào sứ mệnh của Giáo Hội là “thầy” dạy chân lý. Lời khuyên này phải liên quan đến chúng ta trước hết,. chúng ta, các Giám mục: chúng ta là những người đầu tiên được kêu gọi làm sứ giả không mỏi mệt rao giảng Tin Mừng về sự sống, chúng tta cũng có bổn phận canh giữ sự truyền thông trọn vẹn và trung thành giáo huấn được nhắc lại trong Thông điệp này và đưa ra những biện pháp thích hợp nhất để các tín hữu được bảo vệ khỏi mọi lý thuyết trái nghịch giáo huấn này. Chúng ta phải đặc biệt chú ý tới điều này là trong các phân khoa thần học, các chủng viện và các trường Công giáo khác nhau, sự hiểu biết giáo lý lành mạnh này phải được truyền bá, giải thích và đào sâu (106). Lời khuyên của Thánh Phaolô cũng phải được nghe biết bởi tất cả các nhà thần học, các mục tử và bởi tất cả mọi người có sứ mệnh giáo huấn, dạy giáo lý và đào tạo các lương tâm: thấu suốt vai trò mình phải chu toàn, họ sẽ không bao giờ phải chịu trách nhiệm nặng nề vì đã phản bội chân lý và sứ mệnh riêng của mình bằng cách trình bày những ý tưởng cá nhân nghịch với tin Mừng về sự sống mà quyền giáo huấn đã nhắc lại và giải thích cách trung thành.

Trong việc loan báo Tin Mừng này, chúng ta không được sợ bị thù oán hay sợ thất nhân tâm, nhưng phải từ chối mọi sự đồng loã hay mọi sự hàm hồ làm cho chúng ta phù hợp với não trạng thế gian (x. Rm 12,2). Chúng ta phải ở trong thế gian, nhưng không thuộc về thế gian (x. Ga 15,19; 17,16), nhờ sức mạnh đến ta từ Chúa Kitô, Đấng chiến thắng thế gian bằng sự chết và cuộc chinh phục của Ngài (x. Ga 16,38).

***Tôn dương Tin mừng về sự sống***

*“Con tạ ơn Chúa vì bao nhiêu kỳ công” (Tv 139/138,14)*

83. Được sai đi khắp thế gian như “dân tộc vì sự sống”, việc loan báo của ta cũng phải trở nên việc tôn dương Tin mừng về sự sống. Hơn nữa, việc tôn dương này, với sức mạnh gợi ý của các cử chỉ, các biểu tương và các nghi thức, được mời gọi trở thành nơi chốn riêng biệt và rất ý nghĩa cho việc truyền đạt vẻ đẹp và sự cao cả của Tin Mừng ấy.

Với mục đích này, trước hết cần kiếp phải duy trì nơi ta và nơi người khác một cái nhìn chiêm niệm (107). Cái nhìn này phát sinh từ lòng tin kính Thiên Chúa của sự sống. Đấng đã tạo dựng mọi con người, bằng cách làm cho họ nên như một kỳ công (x. Tv 139/138,14). Đó là cái nhìn của ai trông thấy sự sống tận chiều sâu của nó bằng cách thấu hiểu những chiều kích của sự nhưng không, của vẻ đẹp, của tiếng kêu mời đến với tự do và trách nhiệm. Đó là cái nhìn của ai không kỳ vọng làm chủ thực tại, nhưng đón nhận thực tại như một hồng ân, khám phá trong mọi sự ánh phản chiếu của Đấng Tạo Hoá và trong mọi người hình ảnh sống động của Ngài (x. St 1,27; Tv 8,6). Cái nhìn này không để mất lòng tin cậy trước kẻ bệnh tật, đau khổ, bị gạt ra bên lề, hay đang đứng bên ngưỡng cửa của sự chết, nhưng cái nhìn này lắng nghe lời chất vấn của tất cả tình cảnh đó, để đi tìm ra một ý nghĩa, và trong những dịp ấy, cái nhìn này sẵn sàng nhận ra trên khuôn mặt mọi người một lời mời gọi gặp gỡ, đối thoại và liên đới.

Linh hồn cảm kích vì nỗi sửng sốt mang tính tôn giáo, đã đến giờ tất cả chúng ta cần có cái nhìn ấy để lại có khả năng tôn quý và trọng vọng mọi người, như Đức Phaolô VI đã mời gọi ta thực hiện, trong một sứ điệp Giáng Sinh (108). Được thúc đẩy bởi cái nhìn chiêm niệm ấy, dân tộc mới của những người cứu chuộc không thể không vang lên những khúc ca hân hoan, khen ngợi và tri ân đối với hồng ân vô giá là sự sống, đối với mầu nhiệm của lời kêu gọi tất cả mọi người tham dự, trong Chúa Kitô, vào đời sống ân sủng và vào cuộc sinh tồn hiệp thông vô tận với Thiên Chúa là Đấng Tạo Thành và là Cha.

84. Tôn dương Tin mừng về sự sống có nghĩa là tôn dương Thiên Chúa của sự sống, Thiên Chúa ban sự sống: “Chúng ta phải tôn dương sự sống đời đời, từ đó phát nguyên mọi hình thức sự sống. Chính từ sự sống đời đời mà mọi hữu thể, tuỳ khả năng của mình, đã nhận được sự sống, tức là mọi hữu thể tham dự vào sự sống cách này hay cách khác. Sự Sống thần linh, vượt trên mọi hình thức sự sống, đang tác sinh và bảo tồn sự sống. Mọi hình thức sự sống và mọi vận động có sinh khí đều phát xuất từ sự sống siêu việt trên mọi sự sống và mọi nguyên lý sống khác. Các linh hồn phải nhờ Sự sống ấy mà mọi động vật và thảo mộc – nhận từ đó tia sống nhỏ bé nhất – mới được sống động. Còn đối với con người, là những hữu thể được làm nên bằng tinh thần và vật chất thì Sự Sống ban cho họ sức sống. Và nếu ta phải bỏ sự sống này, thì lúc ấy Sự Sống cải hoá chúng ta và gọi ta đến với Sự Sống nhờ tình yêu sung mãn của sự sống đối với con người. Hơn thế nữa, Sự Sống còn hứa dẫn đưa ta cả hồn và xác đến sự sống hoàn hảo, đến sự bất tử, thật quá ít khi nói rằng Sự Sống ấy hằng sống mà phải nói: Sự Sống ấy là Nguyên Lý sự sống, là Nguyên nhân và Nguồn mạch duy nhất phát sinh Sự Sống. Mọi sinh vật phải chiêm ngắm và ngợi khen Sự Sống ấy: vì đó là Sự Sống ban cho ta được sống dồi dào. (109)

Cùng với tác giả Thánh Vịnh, trong kinh nguyện hằng ngày, cá nhân hay cộng đoàn, chúng ta ngợi khen và chúc tụng Thiên Chúa, Cha chúng ta, Đấng đã dệt nên chúng ta trong lòng mẹ, Đấng đã thấy và yêu thương chúng ta khi chúng ta chưa được hoàn chỉnh hình hài (x. Tv 139/138,13.15.16), và reo lên với niềm vui tràn đầy: “Con cảm tạ Chúa vì biết bao kỳ công: lạ lùng thay thân con, lạ lùng thay những công trình của Chúa” (Tv 139/138,14). Phải “sự sống hay chết này, mặt dầu những dằn vặt, những mầu nhiệm tăm tối, những đau đớn và nỗi mỏng dòn không thể tránh được, lại là một thực tại lạ lùng, một kỳ diệu luôn mới và gây cảm động, một biến cố đáng được ca ngợi và tôn vinh trong niềm hân hoan” (110). Vả lại, con người và sự sống con người không chỉ xuất hiện như một trong những điều kỳ diệu lớn nhất trong công trình sáng tạo, nhưng Thiên Chúa còn ban cho con người một phẩm giá gần như là thần thiêng (x. Tv 8,6-7). Trong từng em bé sinh ra hay trong từng con người đang sống hay đang chết, chúng ta đều nhận ra hình ảnh của vinh quang Thiên Chúa: Ta tôn dương vinh quang ấy nơi mọi người là dấu chỉ của Thiên Chúa hằng sống, hình ảnh của Chúa Giêsu Kitô.

Chúng ta được mời gọi bày tỏ nỗi ngạc nhiên thán phục và biết ơn vì sự sống ta nhận được như một hồng ân, và đón tiếp, trân trọng, thông báo Tin mừng về sự sống, không những trong lời kinh riêng tư và cộng đoàn, mà nhất là trong những việc cử hành Năm Phụng vụ. Ở đây phải nhắc riêng đến các bí tích là dấu chỉ linh nghiệm về sự hiện diện và hành động cứu độ của Chúa Giêsu trong cuộc sống Kitô hữu: những bí tích ấy làm cho con người được tham dự đời sống Thiên Chúa, trong khi bảo đảm cho họ một nghị lực thiêng liêng, cần thiết để thấu hiểu, trong tất cả sự thật, ý nghĩa của sự sống, của sự đau khổ, và của sự chết. Nhờ sự tái khám phá đích thực ý nghĩa các nghi thức, và nhờ việc đặt đúng giá trị của các nghi thức ấy, các cử hành phụng vụ, nhất là cử hành bí tích, sẽ luôn luôn có thể diễn tả tất cả sự thật về việc sinh ra đời, và sự sống, về sự đau khổ và sự chết, trong khi giúp ta sống những điều ấy, như một sự tham gia vào mầu nhiệm vượt qua của Chúa Kitô đã chết và phục sinh.

85. Trong việc cử hành Tin mừng về sự sống, cần phải biết thẩm định và làm nổi bật giá trị những nghĩa cử và những biểu hiện rất phong phú trong các truyền thống khác nhau và trong các tập quán văn hoá bình dân. Đó là những cơ hội và những hình thức giao lưu, qua đó được biểu lộ trong nhiều quốc gia và nhiều nền văn hoá khác nhau niềm vui của sự sống đang bắt đầu, sự tôn trọng và sự bảo vệ toàn vẹn sự sống con người, sự quan tâm đến người đau khổ hoặc đến những kẻ đang gặp khó khăn, sự gần gũi đối với người già yếu hay kẻ đang hấp hối, sự chia sẻ nỗi đau của người gặp tang chế, niềm hy vọng và khát khao cõi vĩnh hằng.

Trong viễn tưởng ấy, tôi cũng đã đón nhận sự gợi ý của các vị Hồng y nhân Hội nghị năm 1991 và tôi đề nghị chớ gì hằng năm trong nhiều quốc gia khác nhau được cử hành một Ngày vì sự sống như đã được thực hiện theo sáng kiến của một số Hội đồng Giám Mục. Chớ gì ngày này nên được chuẩn bị và cử hành với sự tham gia tích cực của mọi thành phần trong giáo hội địa phương. Mục đích căn bản của ngày này là để khơi dậy trong mọi lương tâm, trong mọi gia đình, trong Giáo Hội và trong xã hội loài người sự nhận biết ý nghĩa và giá trị của sự sống con người ở mọi giai đoạn, trong mọi hoàn cảnh, bằng cách gây sự chú ý đặc biệt đến tính chất nghiêm trọng của việc phá thai và làm chết êm dịu, nhưng không vì đó mà coi thường những thời kỳ và những khía cạnh khác của sự sống, cũng đáng được quan tâm trong từng trường hợp, tuỳ vào sự biến chuyển của hoàn cảnh.

86. Trong tin thần thờ phượng thiêng liêng đẹp lòng Thiên Chúa (x. Rm 12,1), việc tôn dương Tin Mừng về sự sống nên được thực hiện cốt yếu là trong cuộc sống hằng ngày, được sống trong tình yêu tha nhân và trong sự trao hiến bản thân. Chính cuộc sống của chúng ta sẽ trở nên sự tiếp nhận chân thực và đầy trách nhiệm trước ân ban sự sống, đồng thời cũng trở nên bài ca chân thành biết ơn Thiên Chúa, Đấng trao ban cho chúng ta quà tặng này. Đó chính là điều đang xảy ra trong biết bao hành vi phước thiện, thường thường khiêm tốn và ẩn kín, được nhiều người nam người nữ, trẻ em, người lớn, người trẻ người già, đau ốm hay mạnh khoẻ thực hiện.

Chính trong bối cảnh chan chứa tình người và tình yêu như thế, mà phát sinh nhiều nghĩa cử anh hùng. Những nghĩa cử này là việc tôn dương Tin Mừng về sự sống cách trọng đại nhất, bởi vì chúng công bố Tin Mừng bằng chính việc trao hiến trọn vẹn bản thân mình, chúng là sự biểu hiện rực rỡ của mức độ cao nhất của tình yêu: trao hiến mạng sống mình vì người mình yêu (x. Ga 15,13); chúng là sự hiệp thông vào mầu nhiệm thập giá, trên cây thập giá Chúa Giêsu mặc khải cho ta thấy tất cả giá trị mà sự sống của mọi người có được đối với Ngài và sự sống này được thực hiện cách tràn đầy trong việc trao hiến trọn vẹn bản thân mình như thế nào. Ngoài những công việc hiển hách, còn có sự anh hùng thường ngày, hình thành từ những hành vi chia sẻ nhỏ nhặt hay to tát đang làm phong phú nền văn hoá đích thực của sự sống. Giữa những nghĩa cử này, đặc biệt nên đánh giá cao việc hiến tặng các bộ phận thân thể, thực hiện dưới một hình thức luân lý có thể chấp nhận được; việc tự hiến tặng này cho phép nhiều bệnh nhân đôi khi tuyệt vọng, có được viễn tượng mới mẻ về sức khoẻ và ngay cả sự sống.

Thuộc về sự anh hùng thường ngày là việc làm chứng thầm lặng, nhưng phong phú và hùng hồn biết bao, của “tất cả những bà mẹ dũng cảm tự hiến trọn vẹn cho gia đình, chấp nhận đau khổ khi sinh con, và sau đó sẵn sàng chịu đựng mọi mệt nhọc, đương đầu với mọi hy sinh để truyền đạt cho con cái điều tốt đẹp nhất mà các bà có được” (111). Trong khi hoàn thành sứ mệnh của mình, “không phải lúc nào các bà mẹ anh hùng này cũng được người thân cận nâng đỡ. Trái lại, nhiều mô hình văn minh, thường được các phương tiện truyền thông xã hội cổ xuý và phổ biến, không mấy ưu đãi tình mẫu tử. Nhân danh sự tiến bộ và tính hiện đại, từ nay người ta coi như lỗi thời các giá trị của sự thuỷ chung, đức khiết tịnh và sự hy sinh đã và vẫn còn làm rạng rỡ vo số những người vợ, người mẹ công giáo… Chúng tôi cám ơn các bà vì sự hy hiến mạng sống của các bà… Trong huyền nhiệm phục sinh, Chúa Ki tô hoàn lại cho các bà quà tặng mà các bà đã làm. Quả vậy, Ngài có quyền ban trả cho các bà sự sống mà các bà đã mang làm của lễ dâng lên Ngài” (112).

***Phục vụ Tin Mừng về sự sống***

*“Ích gì, hỡi anh em, khi ai nói “tôi có đức tin” mà việc làm không có?” (Gc 2,14)*

87. Bằng việc tham dự vào sứ mệnh vương giả của Chúa Kitô, sự nâng đỡ và thăng tiến sự sống con người cần được thi hành bằng việc phụ vụ của đức ái, thể hiện qua chứng từ cá nhân, qua nhiều hình thức thiện nguyện, vận động xã hội và dấn thân làm chính trị. Đó là một đòi buộc đặc biệt cấp bách trong thời điểm hiện tại, lúc mà “nền văn hoá sự chết” đang kịch liệt chống đối và thường thường xem ra lấn lướt “nền văn hoá sự sống”. Nhưng trước đó phải nói đến một đòi buộc phát sinh từ “đức tin thể hiện ra bằng đức ái” (Ga 5,6), như thánh Giacôbê khuyến dụ chúng ta: “Thưa anh em, ai bảo rằng mình có đức tin mà không hành động theo đức tin, thì nào có ích gì? Đức tin có thể cứu người ấy được chăng? Giả như có người anh em hay chị em không có áo che thân và không đủ của ăn hằng ngày, mà có ai trong anh em lại nói với họ: “hãy đi bình an, mặc cho ấm và ăn cho no, nhưng lại không cho họ những thứ thân xác họ đang cần, thì nào ích gì?” Gc 2,14-17).

Trong công việc phục vụ của đức ái, có một trạng thái tinh thần cần động viên và nâng phẩm giá chúng ta: chúng ta phải chăm sóc người khác như một nhân vị được Thiên Chúa giao phó cho trách nhiệm của chúng ta. Như những môn đệ của Chúa Giêsu, chúng ta được mời gọi trở nên người thân cận của mọi người (x. Lc 10,29-37), với sự ưu tiên cho kẻ bất hạnh nhất, cô đơn nhất và ngặt nghèo nhất. Chính trong lúc trợ giúp kẻ đói khát, người xa lạ, kẻ mình trần thân trụi, bệnh tật hay tù đày, cũng như trợ giúp em bé sắp sinh, người già nua đau ốm hay gần kề cửa tử thần, mà chúng ta được gọi để phụng sự Chúa Giêsu, như chính Ngài đã nói: “Những gì các con đã làm cho một người trong các anh em hèn mọn nhất này của Ta, là các con đã làm cho chính Ta” (Mt 25,40). Bởi vậy cho nên chúng ta không thể không cảm thấy bị chất vấn và kết án bởi những lời lẽ luôn luôn hiện thực của Thánh Gioan Kim Khẩu: “Bạn muốn tôn kính Mình Thánh Chúa Kitô ư? Bạn đừng khinh dể Người khi Người trần trụi – đừng tôn kính Người nơi đây, trong nhà thờ, sau lớp vải lụa, trong lúc mà bạn để Người ở ngoài kia khổ sở vì rét, vì không đủ áo che thân” (113).

Công việc phục vụ của Đức ái đối với sự sống cần phải thống nhất sâu sát: không được khoan nhượng với điều gì phiến diện hoặc có thể gây phân biệt, bởi vì sự sống của con người là thánh thiêng và bất khả xâm phạm trong mọi giai đoạn, trong mọi hoàn cảnh; sự sống ấy là một tài sản không thể chia tách được. Vậy cần phải “chăm sóc” mọi sự sống và sự sống của mọi người. Hoặc hơn nữa, cần phải đi đến tận chính gốc rễ của sự sống và của tình yêu.

Chính từ tình yêu sâu xa dành cho mọi người nam và mọi người nữ mà phát triển qua nhiều thế kỷ lịch sử phi thường của đức ái, đã đưa vào đời sống Giáo Hội và dân sự rất nhiều tổ chức nhằm phục vụ sự sống, gây kinh ngạc cho mọi quan sát viên không được loan báo trước. Đó là lịch sử mà mọi cộng đoàn Công giáo phải tiếp tục viết bằng hoạt động mục vụ và xã hội đa dạng, cùng với ý thức mới mẻ về thách nhiệm. Để đạt được mục tiêu trên, nên vận dụng những hình thức hợp lý và hữu hiệu hỗ trợ sự sống mới sinh ra, bằng cách đặc biệt gần gũi các bà mẹ, dù không có người cha nâng đỡ, vẫn không sợ sinh đẻ để giáo dục con cái. Người ta cũng chăm sóc như thế đối với sự sống bên lề xã hội hoặc đang đau khổ, đặc biệt trong giai đoạn sau cùng.

88. Tất cả điều đó cho phép một hoạt động có tính giáo dục đầy nhẫn nại và dũng cảm động viên mỗi người vác gánh nặng của tha nhân (x. Gl 6,2); điều đó đòi hỏi một sự cổ vũ nâng đỡ các ơn gọi phục vụ, đặc biệt nơi giới trẻ; điều đó bao hàm việc thực hiện những sáng kiến và những kế hoạch cụ thể, lâu dài được Tin Mừng soi dẫn.

Có nhiều cách thức đề làm nổi bật một cách có thẩm quyền và nghiêm túc giá trị trong sự dấn thân. Đối với thời kỳ bắt đầu sự sống, cần huy động những trung tâm điều hoà sinh sản bằng phương pháp tự nhiên như chỗ dựa vững chắc cho kẻ làm cha mẹ có trách nhiệm, nhờ đó tất cả mọi người, bắt đầu từ trẻ em. Được công nhận và tôn trọng vì chính mình, và nhờ đó mọi sự lựa chọn đều khơi động và hướng dẫn từ thước đo của sự trao hiến trọn vẹn bản thân mình. Chính bởi tác động đặc trưng của lời khuyên và dự kiến, được bày tỏ dưới ánh sáng nhân chủng học, phù hợp với quan niệm công giáo về con người, về đôi lứa và về tính dục, mà các nhà cố vấn hôn nhân nhân và gia đình trở thành những trợ tá quý báu để tái khám phá ý nghĩa của tình yêu và sự sống, và để nâng đỡ, hỗ trợ mỗi gia đình trong sứ mệnh là “cung thánh của sự sống”. Còn những trung tâm tương trợ sự sống và những nhà hoặc trung tâm tiếp nhận sự sống cũng sẵn sàng phục vụ sự sống mới sinh ra. Nhờ hoạt động của những cơ sở đó, rất nhiều bà mẹ độc thân và rất nhiều cặp vợ chồng đang gặp khó khăn tìm lại được lẽ sống và niềm tin khi có được sự trợ giúp và nâng đỡ để vượt qua khó khăn và sợ hãi trước việc đón nhận một sự sống sắp sinh ra hoặc vừa mới chào đời.

Đứng trước tình cảnh túng quẫn, bệnh tật hoặc lạc lõng bên lề xã hội, còn có những tổ chức khác như các cộng đồng phục hồi người nghiện ngập, cộng đồng tiếp nhận vị thành niên hay bệnh nhân tâm thần, trung tâm chăm sóc và tiếp nhận bệnh nhân AIDS, nhất là hiệp hội tương trợ người tàn tật, tất cả đều là tiếng nói hùng hồn của đức ái, biết tìm ra phương cách tạo ra cho mỗi người vì nhiều lý do mới mẻ để mà hy vọng và nhiều khả năng cụ thể để sinh sống.

Cuối cùng, khi cuộc sống trần gian đến thời kết thúc cũng chính đức ái tìm ra những dạng thức thích hợp nhất hầu cho những người có tuổi, đặc biệt những người không thể sinh sống một mình, và những bệnh nhân ở vào giai đoạn cuối cùng có thể hưởng một sự trợ giúp hết sức nhân đạo và nhận được những đáp ứng phù hợp với các nhu cầu của họ, nhất là với những gì liên quan đến nỗi lo âu và sự cô đơn của họ. Trong những trường hợp này không có gì có thể thay thế được vai trò của gia đình, nhưng các gia đình có thể tìm gặp được một chỗ nương tựa đáng kể trong những tổ chức cứu tế xã hội, và khi cần thiết, cậy nhờ đến việc điều trị tạm thời bằng cách kêu gọi đến dịch vụ y tế và xã hội chuyên biệt đang hoạt động trong các trung tâm điều dưỡng hoặc trong các trung tâm săn sóc cộng đồng hay tư gia.

Cách riêng, chúng ta phải kể đến vai trò của các bệnh viện, dưỡng đường và các nhà hưu dưỡng: căn tính địch thực của chúng không những chỉ là căn tính của những cơ sở săn sóc bệnh nhân hay người hấp hối, mà trước hết là căn tính của những nơi mà nỗi đau khổ, sự đau đớn và sự chết được nhận rõ và hiểu biết theo một ý nghĩa hoàn toàn nhân bản và đặc trưng Kitô giáo. Cách đặc biệt căn tính này còn phải biểu lộ một cách rõ ràng và hữu hiệu trong các cơ sở thuộc quyền của các tu sĩ hoặc trong các tổ chức có liên hệ cách này hay cách khác với Giáo Hội.

89. Các cơ cấu và các địa điểm phục vụ sự sống này, cũng như tất cả các sáng kiến hỗ trợ và liên đới khác mà nhiều hoàn cảnh có thể gợi lên trong từng trường hợp, cần được nhiều người khuyến khích, những người vốn dĩ sẵn lòng quảng đại và ý thức sâu xa tầm quan trọng của Tin Mừng về sự sống đối với lợi ích cá nhân và xã hội.

Một trách nhiệm đặc biệt được giao phó cho nhân viên y tế, dược sĩ, y tá, tuyên uý, tu sĩ nam nữ, những người điều hành và những người thiện nguyện. Chức nghiệp của quý vị là trở nên người bảo vệ và phục vụ sự sống nhân loại. Trong bối cảnh văn hoá xã hội hiện tại khi mà khoa học và y thuật liều lĩnh bỏ qua chiều kích luân lý tự nhiên của chính mình, đôi khi quý vị có thể bị cưỡng bức lối cuốn trở nên những tác nhân xử lý trên sự sống hoặc ngay cả trở nên những kẻ tạo ra sự chết. Trước sự lôi cuốn này, trách nhiệm của quý vị ngày nay tăng thêm đáng kể; trách nhiệm này kín múc nguồn cảm hứng sâu sắc nhất và tìm gặp được sự nâng đỡ mãnh liệt nhất trong chiều kích luân lý của nghề y tế, chiều kích thuộc về bản chất nghề nghiệp của quý vị, mà không ai có thể xao nhãng, như lời thề Hippocrate cổ xưa, nhưng luôn luôn hiện thực, lời thề đòi buộc tất cả mọi bác sĩ tuyên hứa tuyệt đối tôn trọng sự sống con người và đặc tính thánh thiêng của sự sống đó.

Sự tuyệt đối tôn trọng mọi sự sống vô tội của con người cũng đòi buộc thi hành sự phản bác của lương tâm trước việc cố ý phá thai và làm chết êm dịu. “Làm cho chết” không bao giờ được coi như một săn sóc y học, cho dù ý hướng chỉ đáp ứng nhu cầu của bệnh nhân, trái lại đồng tình là chối bỏ nghề y tế, một nghề tự xác định như lời “tán thành” mãnh liệt và kiên trì đối với sự sống. Chính việc nghiên cứu y học, một lĩnh vực đầy quyến rũ và tuyên báo nhiều lợi ích mới mẻ vĩ đại cho nhân loại phải luôn luôn từ chối những thí nghiệm, những nghiên cứu hoặc những ứng dụng, trong khi chối bỏ phẩm giá bất khả xâm phạm của con người, những việc này không còn phục vụ con người nữa và kỳ thực, tự biến mình thành những thực thể áp chế con người trong khi lại có vẻ giúp đỡ con người.

90. Những ai dấn thân trong các trại từ thiện được mời gọi giữ một vai trò đặc biệt: họ góp phần quý báu để phục vụ sự sống trong khi họ kết hợp khả năng chuyên môn nghề nghiệp với tình yêu quảng đại vô vị lợi. Tin Mừng về sự sống thúc giục họ nâng cao những tâm tình của lòng nhân ái đơn thuần lên tới mức độ của đức ái Chúa Kitô; Tin Mừng về sự sống khuyến khích họ hằng ngày khôi phục lại trong lao lực và mệt nhọc, ý thức về phẩm giá của tất cả mọi con người; Tin Mừng về sự sống động viên họ khám phá mọi nhu cầu của con người, bằng cách mở thêm, nếu cần thiết, nhiều lối thoát ở những nơi có nhu cầu cấp bách nhất và ở những nơi mà sự quan tâm giúp đỡ khiếm khuyết nhất.

Thực tại kiên định của đức ái đòi buộc Tin Mừng về sự sống cũng được loan báo qua các hình thức vận động xã hội và dấn thân làm chính trị, nơi mà người ta bênh vực và đề cao giá trị của sự sống trong xã hội của chúng ta, một xã hội ngày càng mang dấu phức tạp và đa nguyên. Cá nhân, gia đình, đoàn nhóm, thực thể hiệp hội, tuỳ theo tôn chỉ và phương cách khác nhau, đều có trách nhiệm trong cuộc vận động xã hội và trong việc khai triển các dự án văn hoá, kinh tế, chính trị và luật pháp, nhằm góp phần, trong sự tôn trọng mọi người và theo sự hợp lý của sinh hoạt xã hội dân chủ, xây dựng một xã hội ở đó phẩm giá của mỗi người đều được công nhận và được bảo toàn, và ở đó sự sống của mọi người đều được che chở và thăng tiến.

Nhiệm vụ đặc biệt này thuộc về những người có trách nhiệm lo cho đời sống công cộng. Được mời gọi phục vụ con người và lợi ích cộng đồng, họ có bổn phận thực hiện những sự lựa chọn can đảm vì lợi ích của sự sống, nhất là trong lĩnh vực thuộc quyết định lập pháp. Trong chế độ dân chủ, luật pháp và các quyết định đều được định đoạt trên cơ sở một sự nhất trí cao, nên ý nghĩ trách nhiệm cá nhân có thể bị giảm bớt trong lương tâm các nhà cầm quyền. Nhưng người ta không bao giờ có thể bỏ qua trách nhiệm này, nhất là khi người ta lãnh nhận quyền đại diện lập pháp này có liên can đến các quyết định, quyền mà người ta càng phải trả lời trước Thiên Chúa, trước lương tâm và trước toàn thể xã hội về những quyết định có thể trái nghịch với lợi ích thiết thực của cộng đồng. Nếu như luật pháp không phải là những phương cách duy nhất để bảo vệ sự sống con người, thì luật pháp cũng giữ một vai trò rất quan trọng và đôi khi quyết định trong việc hình thành các tâm thức và các thói quen. Tôi lập lại một lần nữa rằng thật là phi lý quy định nào xâm phạm quyền lợi tự nhiên của một con người vô tội đang sống, và như vậy, quy định đó không thể có hiệu lực pháp lý. Cũng vậy, tôi khẩn thiết lập lại lời kêu gọi của tôi với các nhà chính trị, mong quý vị đừng phổ biến những luật lệ nào, mà trong khi phủ nhận phẩm giá của con người, luật đó phá hại tận gốc rễ chính sự sống của xã hội dân sự.

Giáo hội biết rằng, trong bối cảnh chế độ dân chủ đa nguyên, do sự hiện diện của nhiều luồng văn hoá có khuynh hướng khác biệt, thật khó mà thực hiện một cách hữu hiệu việc bảo vệ sự sống cách hợp pháp. Thế nhưng, được khởi động bởi niềm xác tín rằng, sự thật luân lý không thể không gây ảnh hưởng trong cõi sâu thẳm của lương tâm, Giáo Hội khuyến khích các nhà chính trị, bắt đầu từ những ai là Kitô hữu, không nhượng bộ và, sau khi lưu ý những khả năng cụ thể, nên thực hiện những chọn lựa nào có thể đưa tới việc tái lập một trật tự công bằng trong sự xác nhận và cổ vũ giá trị của sự sống. Trong chiều hướng này, nên ghi nhận rằng loại bỏ những nỗ lực bất công thì chưa đủ. Phải chiến đấu với những nguyên nhân tạo điều kiện cho những mưu toan làm hại sự sống, nhất là bảo đảm cho gia đình và tình mẫu tử sự nâng đỡ cần thiết: chính sách gia đình phải là nền móng và động cơ tất cả mọi chính sách xã hội. bởi vậy, phải đưa ra những sáng kiến xã hội và lập pháp để có thể bảo đảm những điều kiện tự do chân thật trong việc chọn lựa liên hệ đến tình phụ tử và tình mẫu tử; hơn nữa cần xét xem lại quan điểm về các loại chính sách lao động, đời sống đo thị, nhà cửa và các dịch vụ, để người ta có thể điều hoà thời gian đi làm và thời gian dành cho gia đình, và để người ta có thể thực sự chăm sóc con cái và những người lớn tuổi.

91. Ngày nay, những vấn đề nhân khẩu tạo thành một phương diện quan trọng của chính sách vì sự sống. Chắc chắn công quyền có trách nhiệm đề ra những sáng kiến “nhằm định hướng khoa nhân khẩu học quần chúng” (114), nhưng những sáng kiến này luôn luôn phải biết đến và tôn trọng trách nhiệm đầu tiên và không thể khoan nhượng của đôi vợ chồng và của gia đình; những sáng kiến kiểu này không được bao hàm việc sử dụng những phương pháp không tôn trọng con người và những quyền căn bản của con người, bắt đầu từ quyền được sống của mọi người vô tội. Như vậy, về phương diện luân lý không thể chấp nhận được rằng, đề điều hoà sinh sản, người ta khuyến khích hoặc đi đến việc áp đặt việc sử dụng những phương pháp ngừa thai, triệt sản và phá thai.

Rõ ràng còn có nhiều cách khác để giải quyết vấn đề nhân khẩu: các chính phủ và các tổ chức quốc tế trước hết phải hướng tới việc tạo nên những điều kiện kinh tế, xã hội, y tế, vệ sinh và văn hoá cho phép các đôi vợ chồng hoàn toàn tự do và đầy đủ trách nhiệm thực hiện việc chọn lựa trong lãnh vực truyền sinh; sau nữa, các chính phủ và các tổ chức quốc tế cũng nên cố gắng “tăng cường các biện pháp và phân phối của cải một cách công bằng hơn để mọi người có thể dự phần cách đồng đều vào của cải trên thế giới. Phải tìm ra những giải pháp ở tầm mức quốc tế bằng cách thiết lập một nền kinh tế đích thực của hiệp thông và chia sẻ mọi công ích, trên bình diện quốc tế cũng như trên bình diện quốc gia” (115). Đó chính là con đường duy nhất tôn trọng phảm giá của con người và của gia đình, cũng như tôn trọng gia sản đích thực của mọi dân tộc.

Như vậy việc phục vụ Tin Mừng về sự sống là rộng lớn và phức tạp. Càng ngày chúng ta càng thấy việc phục vụ Tin Mừng về sự sống như là một lĩnh vực quý giá và thuận lợi cho việc hợp tác cụ thể với các anh em của những Giáo Hội và những Cộng đoàn Giáo Hội khác, trong đường hướng những việc làm đại kết mà Công đồng Vatican II đã dùng uy quyền của mình khuyến khích (116). Hơn nữa việc phục vụ Tin Mừng về sự sống còn như một khung cảnh quan phòng cho sự đối thoại và cộng tác với các tín hữu của những tôn giáo khác và với tất cả mọi người thiện tâm: bênh vực và thăng tiến sự sống không là độc quyền của riêng ai nhưng đúng là bổn phận và trách nhiệm của mọi người. Thách đố mà chúng ta phải đương đầu trước thềm đệ tam thiên niên kỷ thật là khó khăn: chỉ có sự hiệp lực nhịp nhàng của tất cả những ai tin vào giá trị của sự sống mới có thể tránh được một thất bại của nền văn minh, với những hậu quả không thể lường trước được.

***Gia đình, “cung thánh của sự sống”***

*“Con cái, đó là hồng ân Chúa ban; kết quả của dạ cưu mang, là phần thưởng ngài tặng” (Tv 127/126)*

92. Trong lòng “dân tộc của sự sống và vì sự sống”, trách nhiệm gia đình có tính quyết định: đó là một trách nhiệm nảy sinh từ bản tính của gia đình – gia đình hệ tại là một cộng đồng tình yêu, dựa trên hôn nhân, và từ sứ mệnh của nó là “gìn giữ, biểu lộ và thông truyền tình yêu” (117). Đây thực sự là chính tình yêu của Thiên Chúa mà cha mẹ là những người cộng tác và như những thông dịch viên trong việc truyền ban sự sống và trong việc giáo dục, theo dự phòng của Chúa Cha (118). Vậy đây là một tình yêu đã tự hiến tặng nhưng không, đã trở nên sự đón tiếp và trao ban trong gia đình, người nào cũng được nhìn nhận, kính trọng và tôn quý, bởi vì họ là mộ nhân vị, và nếu người nào nhiều nhu cầu hơn, thì cáng đáng được dành cho sự quan tâm và những chăm sóc cấp thiết hơn.

Gia đình có vai trò phải đóng suốt cuộc đời của các phần tử, từ khi sinh ra cho tới khi qua đời. Gia đình thật là “cung thánh của sự sống: nơi mà sự sống, hồng ân Thiên Chúa ban, có thể được đón nhận cách xứng hợp và bảo hộ chống lại nhiều sự tấn công mà nó phải thường hứng chịu; nơi mà sự sống có thể phát triển theo những nhu cầu tăng trưởng chính thực của con người” (119). Vì thế vai trò của gia đình có tính quyết định và không thể thay thế, để xây dựng văn hoá sự sống.

Như là Giáo Hội tại gia, gia đình có ơn gọi loan báo, tôn dương và phục vụ Tin Mừng về sự sống. đó là sứ mệnh liên quan trước hết đến đôi bạn, những người được mời gọi để truyền ban sự sống, bằng cách dựa trên một ý thức luôn luôn được canh tân về ý nghĩa việc sinh sản, coi đó là biến cố ưu đãi, trong đó được biểu lộ sự kiện: sự sống của con người là một ơn được tiếp nhận, để rồi đến lượt mình nó lại được trao ban. Trong việc tạo nên một sự sống mới, cha mẹ ý thức rằng đứa con mình “nếu là kết quả của việc họ tự hiến cho nhau trong tình yêu, thì đến lượt nó, nó sẽ trở nên một hồng ân cho cả hai người: một hồng ân phát sinh từ một hồng ân” (120).

Nhất là nhờ việc giáo dục con cái mà gia đình làm tròn sứ mệnh loan báo Tin Mừng về sự sống. Bằng lời nói và bằng gương sáng, trong những tương quan và chọn lựa hằng ngày, và qua những cử chỉ và dấu hiệu cụ thể, cha mẹ khai tâm cho con cái vào tự do đích thực, được thể hiện trong việc hoàn toàn hiến thân, và họ vun trồng nơi con cái lòng tôn trọng người khác, ý thức về công bình, sự đón tiếp nhân hậu, việc đối thoại, sự phục vụ cách quảng đại, tình liên đới và các giá trị khác giúp ta sống cuộc đời như một hồng ân. Hành động giáo dục của cha mẹ Kitô giáo phải phục vụ đức tin của con cái và giúp chúng đáp ứng ơn gọi mà chúng nhận từ Thiên Chúa. Cũng trong sứ mệnh giáo dục của bậc cha mẹ là phải dạy con cái biết ý nghĩa thực của đau khổ và sự chết, và làm chứng cho chúng biết về những điều ấy: họ sẽ làm được việc ấy, nấu họ biết lưu ý đến mọi nỗi đau khổ họ gặp thấy chung quanh mình, và trước hết, nếu họ biết, ngay từ môi trường gia đình, tỏ ra gần gũi cách cụ thể với các bệnh nhân và những người già yếu, để giúp đỡ và chia sẻ với họ.

93. Hơn thế, gia đình tôn dương Tin Mừng về sự sống bằng kinh nguyện hằng ngày, riêng từng cá nhân hay chung cả gia đình. Trong kinh nguyện, gia đình ngợi khen và cảm tạ Thiên Chúa đã ban cho mình được sống, và xin ơn soi sáng cùng sức mạnh để đối phó với những thời điểm khó khăn và đau khổ, không bao giờ mất hy vọng. Nhưng hình thức tôn dương mang ý nghĩa cho mọi hình thức cầu nguyện và thờ phượng khác, đó là sự tôn dương diễn tả ngay trong cuộc sống hằng ngày của gia đình, nếu được làm vì yêu thương và tự hiến. Như vậy việc tôn dương ấy trở nên sự phục vụ Tin Mừng về sự sống diễn tả bằng tình liên đới, được sống trong gia đình và chung quanh gia đình như một sự quan tâm tế nhị, tỉnh táo và nhân ái, trong những hành động bé nhỏ và khiêm tốn hằng ngày. Tình liên đới được diễn tả một cách đặc biệt khi các gia đình sẵn sàng để tiếp nhận hay để được trao phó những trẻ em bị cha mẹ bỏ rội, hoặc ở trong những hoàn cảnh nghiêm trọng. Tình yêu phụ mẫu đích thực, biết đi xa hơn những liên hệ máu thịt, và biết đón nhận những đứa con của các gia đình khác, sẽ mang lại cho chúng ta tất cả những gì cần thiết để sống và phát nở đầy đủ. Trong những hình thức nhận con nuôi, sự nhận nuôi từ xa (sự bảo trợ) đáng được đề nghị, nhất là trong những trường hợp mà sự bỏ rơi con cái chỉ vì lý do những hoàn cảnh quá nghèo khổ của gia đình. Cách nhận con nuôi này, quả thực là cống hiến cho các cha mẹ sự giúp đỡ cần thiết để nuôi nấng và giáo dục con họ mà không cần đưa chúng ra khỏi môi trường tự nhiên của chúng.

Được hiểu như “sự quyết định vững mạnh và kiên trì làm việc cho công ích: (121) tình liên đới đòi hỏi cũng được thi hành trong những cách tham gia vào đời sống xã hội chính trị. Do đó việc phục vụ Tin Mừng về sự sống giả thiết rằng các gia đình, đặc biệt bằng cách tham dự các hiệp hội, hoạt động để các luật lệ và định chế của nhà nước không làm tổn thương bằng bất cứ cách nào đến quyền được sống, từ lúc thụ thai tới khi chết cách tự nhiên, nhưng phải bảo vệ và nâng đỡ quyền ấy.

94. Người ta phải để dành cho người già cả một vị trí riêng. Trong một số nền văn hoá, người cao niên vẫn là thành phần trong gia đình với vai trò hoạt động quan trọng, nhưng trong nhiều nền văn hoá khác, người già bị coi như gánh nặng vô dụng và người ta bỏ mặc họ, trong tình cảnh này, cơn cám dỗ muốn nhờ tới việc làm cho chết êm dịu có thể dễ xảy đến hơn.

Việc đặt ra bên lề hay cả đến ruồng bỏ những người già là điều không thể tha thứ được. Sự hiện diện của họ trong gia đình, ít là hiện diện gần gũi gia đình, khi gặp cảnh cửa nhà chật chội hay những lý do khác chưa có cách nào giải quyết, mang một tầm quan trọng thiết yếu để tạo ra bầu khí trao đổi hỗ tương và hiệp thông làm phong phú thêm giữa các thế hệ khác nhau. Như thế người ta cần phải duy trì một loại “hiệp ước” giữa các thế hệ, hoặc là người ta tái lập khi nó đã biến mất ngõ hầu những bậc cha mẹ gia nua, khi đã tới chặng đường cuối của đời mình, cũng gặp được nơi con cháu sự tiếp nhận và liên đới mà chính họ đã dành cho con cháu khi chúng vào đời: đây là một yêu sách theo giới răn của Chúa, là phải thảo kính cha mẹ (x. Xh 20,12; Lv 19,3). Nhưng phải còn hơn thế nữa. Người già không chỉ được coi như đối tượng của mối quan tâm gần gũi và của sự giúp đỡ, người già cũng có phần đóng góp quý báu vào việc mang đến Tin Mừng về sự sống. Nhờ di sản phong phú về kinh nghiệm, tích trữ qua bao tháng năm, người già có thể và phải lưu truyền sự không ngoan, làm chứng tá về lòng cậy trông và đức ái.

Nếu quả thực “tương lai nhân loại đến từ gia đình” (122) thì người ta phải nhận rằng, hiện nay, những điều kiện xã hội, kinh tế và văn hoá thường làm cho việc gia đình dấn thân phục vụ sự sống trở nên khó khăn và cực nhọc hơn. Để gia đình có thể đáp ứng được ơn gọi làm “cung thánh sự sống”, như tế bào của xã hội biết yêu thương đón nhận sự sống thì cần thiết và cấp bách là chính gia đình phải được hỗ trợ và nâng đỡ. Các xã hội và nhà nước phải đảm bảo sự nâng đỡ cần thiết, kể cả trên bình diện kinh tế, để các gia đình có thể đối phó với các khó khăn của họ một cách nhân bản nhất. Về phần mình, Giáo Hội phải thăng tiến cách không mệt mỏi mục vụ về gia đình, khả dĩ giúp cho từng gia đình khám phá ra sứ mệnh của họ đối với Tin Mừng về sự sống để sống Tin Mừng ấy với lòng can đảm và niềm hân hoan.

***Thực hiện một khúc ngoặc văn hóa***

*“Anh em hãy ăn ở như con cái ánh sáng” (Ep 5,8)*

95. “Anh em hãy ăn ở như con cái ánh sáng… Hãy xét xem điều gì làm đẹp lòng Chúa, và đừng thông dự vào những việc vô ích của tối tăm” (Ep 5,8.10-11). Trong hoàn cảnh xã hội hiện nay, bị ghi dấu bằng việc đối đầu thảm khốc giữa “văn hoá sự sống” và “văn hoá sự chết”, phải phát triển một ý thức phê bình sâu sắc cho phép ta phân biệt được những giá trị chân chính và những nhu cầu đích thực.

Cấp bách phải lao vào cuộc dộng viên toàn bộ lương tâm và một cố gắng chung thuộc lãnh vực đạo đức, để phát dộng một chiến lược lớn hơn cho việc phục vụ sự sống. Ta phải cùng nhau xây dựng nền văn hoá mới của sự sống mới, bởi vì nó có khả năng đề cập và giải quyết những vấn đề chưa từng có mà ngày nay được đặt ra cho sự sống của con người; mới, vì nó sẽ được tiếp nhận bởi tất cả các Kitô hữu với niềm xác tín mạnh mẽ và chủ động; mới, bởi vì nó sẽ có khả năng khơi dậy một cuộc tranh luận văn hoá nghiêm túc và can đảm với mọi người. Sự cấp bách của khúc ngoặc văn hoá này là do hoàn cảnh lịch sử chúng ta đang trải qua, nhưng nó lại xuất phát nhất là từ sứ mệnh Phúc Âm hoá, là sứ mệnh riêng của Giáo Hội. Quả vậy, Tin Mừng nhắm tới việc “chuyển biến từ nội tâm, làm cho chính nhân loại trở nên mới” (123); Tin Mừng như là men làm dậy men cả khối bột (x. Mt 13,33) và như thế, Tin Mừng được chỉ định nhuần thấm mọi nền văn hoá và làm cho chúng sinh động từ bên trong (124) để chúng bày tỏ toàn vẹn chân lý về con người và sự sống của con người.

Người ta phải bắt đầu bằng cách chanh tân nền văn hoá sự sống từ trong các cộng đoàn Kitô hữu. Các tín hữu, cả những người tham gia tích cực vào đời sống Giáo Hội, cũng rất thường rơi vào việc tách lìa đức tin khỏi những đòi hỏi đạo đức đối với sự sống, như thế là họ đi tới thuyết chủ quan luân lý và tời một số những hành xử không thể chấp nhận được. Vì thế ta phải tự vấn, với nhiều sáng suốt và can đảm, về bản chất của nền văn hoá sự sống ngày nay đang phổ biến giữa các Kitô hữu, các gia đình, các nhóm và cộng đoàn trong các giáo phận chúng ta. Với cùng một sự sáng suốt và cùng một quyết tâm, chúng ta phải xác định những hành vi mà chúng ta đã được gọi để chu toàn hầu phục vụ sự sống trong độ sung mãn của chân lý. Đồng thời ta phải hướng dẫn một cuộc tranh luận nghiêm túc và sâu sắc với mọi người, kể cả người vô tín ngưỡng, về những vấn đề căn bản của sự sống con người, trong các lĩnh vực hoạt động tư tưởng, cũng như trong những môi trường chuyên nghiệp khác nhau và ở đâu diễn ra cuộc sống hằng ngày của từng người.

96. Hành động căn bản đầu tiên phải làm để đạt tới khúc ngoặc văn hoá này là việc huấn luyện lương tâm luân lý về giá trị không thể đo lường và bất khả xâm phạm của mọi sự sống con người. Thật là vô cùng quan trọng phải tái khám phá mối dây liên hệ không thể tách rời giữa sự sống và tự do. Đó là những sự thiện không thể tách rời nhau được: khi một trong những sự thiện này bị tổn thương, thì sự thiện kia cũng bị thương tổn. Không có tự do chân chính nơi mà sự sống được không được tiếp nhận và yêu thương, và không có sự sống sung mãn nếu không phải là trong tự do. Hai thực tại này có một điểm quy chiếu hàng đầu và đặc thù nối kết chúng không thể tách nhau ra được, đó là ơn gọi yêu thương. Tình yêu, như một sự hiến thân trto5n vẹn (125), diễn tả ý nghĩa đích thực nhất về sự sống và tự do của nhân vị.

Để huấn luyện lương tâm, việc tái khám phá ra mối dây cấu thành kết hợp tự do với chân lý không kém phần quyết định. Như tôi đã nói nhiều lần, tách rời hẳn tự do khỏi chân lý khách quan sẽ ngăn cản việc thiết lập những quyền lợi của ngôi vị trên nền tảng hợp lý vững chắc, và như thế, sẽ mở cho xã hội một nẻo đường dẫn tới nguy cơ, là sự chuyên chế bất khả trị của các cá nhân, hoặc tới chỗ độc tài gây tử vong của công quyền. (126)

Tiếp đó, cần thiết con người phải nhìn nhận sụ hiển nhiên nguyên thuỷ của thân phận thụ tạo của mình, đã nhận được từ nơi Thiên Chúa hữu thể và sự sống như một hồng ân và một nhiệm vụ: chỉ khi chấp nhận sự lệ thuộc đầu tiên của mình trong hữu thể, con người mới thực hiện được mức sung mãn về sự sống và tự do của mình, và đồng thời, mới có thể tôn trọng toàn vẹn sự sống và tự do của mọi người khác. Nơi đây ta khám phá ra rằng ở “trung tâm mọi nền văn hoá có thái độ mà con người phải bày tỏ trước mầu nhiệm cao cả, nhất là mầu nhiệm Thiên Chúa” (127), khi người ta chối bỏ Thiên Chúa và khi người ta sống như thể Ngài không hiện hữu, hoặc ít ra chẳng quan tâm tới giới răn của Ngài, thì người ta sẽ mau chóng đi tới chối bỏ hoặc làm tổn thương phảm giá ngôi vị con người và tính bất khả xâm phạm của sự sống.

97. Thêm vào việc đào tạo lương tâm, phải liên kết chặt chẽ mọi hoạt động giáo dục, hoạt động này giúp con người vẫn mãi là người hơn, đưa con người tiến hơn mãi vào chân lý, hướng dẫn con người đi tới chỗ tăng gia lòng tôn trọng sự sống, và huấn luyện con người duy trì những tương quan đúng đắn với các nhân vị.

Đặc biệt là cần phải giáo dục theo giá trị sự sống, bằng cách bắt đầu từ cội nguồn riêng của nó. Thật là ảo tưởng khi nghĩ rằng ta có thể xây dựng một nền văn hoá chân thực của sự sống con người, mà lại không giúp các người trẻ hiểu và sống giới tính, tình yêu và cả cuộc đời họ, bằng cách nhìn nhận ý nghĩa thực tại và sự liên kết chặt chẽ của chúng. Giới tính, là sự phong phú của toàn thể ngôi vị, “bày tỏ ý nghĩa thâm trầm của nó, bằng cách đưa (ngôi vị) đến chỗ hiến thân trong tình yêu” (128). Việc tầm thường hoá giới tính biểu lộ ở những yếu tố chính là nguồn sinh ra sự khinh khi đối với sự sống đang nảy sinh; chỉ có tình yêu chân thật mới biết bảo vệ sự sống. Vì vậy ta không bỏ qua việc trình bày, nhất là cho thiếu niên và thanh niên, một nền giáo dục đúng đắn về giới tính và tình yêu, một nền giáo dục bao hàm việc đào tạo để giữ đức thanh khiết, một nhân đức yểm trợ cho sự trưởng thành của một ngôi vị và làm cho ngôi vị có khả năng tôn trọng ý nghĩa “lứa đôi” (sponsal) của thân xác.

Tiến trình giáo dục cho sự sống gồm việc đào tạo các đôi bạn về sự sinh sản có trách nhiệm. Trong tầm mức thực thụ của nó, việc sinh sản có trách nhiệm giả định rằng đôi bạn phải vâng phục tiếng gọi của Chúa và hành động như những thông dịch viên trung thành của thánh ý Ngài; việc này sẽ làm được khi họ biết quảng đại mở rộng gia đình đón nhận những sự sống mới, bằng cách vẫn ở trong thái độ cởi mở và phục vụ đối với sự sống , cả những khi vì lý do nghiêm trọng và trong sự tôn kính luật luân lý, đôi bạn chọn lựa tránh việc mang thai mới, dù tạm thời hay vô thời hạn. Luật luân lý bắt buộc họ dù sao cũng phải làm chủ những xu hướng của bản năng và dục vọng nơi họ, và tôn trọng những quy luật sinh lý đã được ghi khắc ngay trong con người họ. Chính đấy là thái độ làm cho hợp thức việc nhờ các phương pháp tự nhiên để điều hoà sự thụ thai, hầu giúp đôi bạn thực hiện trách nhiệm trong việc truyền sinh: theo khoa học, những phương pháp này càng ngày càng được chính xác và cống hiến những khả năng cụ thể đề có những chọn lựa am hợp với những giá trị luân lý. Việc quan sát đúng đắn các kết quả đạt được phải đánh đổ mọi thành kiến còn khá phổ cập, và làm cho đôi bạn, cũng như nhân viên y tế và các dịch vụ xã hội, xác tín về tầm quan trọng của một nền đạo lý giáo dục cân xứng trong lãnh vực này. Giáo Hội biết ơn những người, với giá của lòng tận tuỵ và của những hy sinh cá nhân mà thường chẳng ai biết đến, đang dấn thân vào những việc nghiên cứu theo các phương pháp tự nhiên này và vào việc phổ biến chúng, đồng thời mở rộng việc giáo dục về các giá trị luân lý mà nghề nghiệp của họ đòi hỏi phải có.

Tiến trình giáo dục cũng không thể thiếu việc quan tâm đến đau khổ và chết. thực sự đau khổ và chết là thành phần của kinh nghiệm con người, cho nên tìm cách giấu nhẹm đi hay tránh né chúng là một điều vô ích và sai lầm. Trái lại mỗi người phải được giúp đỡ để hiểu biết mầu nhiệm sâu xa của chúng, trong thực tại cam go cụ thể của mình. Cả sự đau đớn và nỗi khổ đều có một ý nghĩa và một giá trị, khi chúng được sống trong tương quan chặt chẽ với tình yêu được nhận lãnh và được trao ban. Trong nhãn giới này, tôi muốn rằng mỗi năm người ta sẽ cử hành Ngày Quốc Tế Bệnh Nhân, nhấn mạnh “tính cách cứu độ của việc hiến dâng sự đau khổ mà nếu được sống trong tình hiệp thông với Chúa Kitô, sẽ thuộc về chính yếu tính của công trình Cứu Chuộc” (129). Vả lại, chính sự chết cũng khác hẳn với một cuộc phiêu lưu không hy vọng: nó là cửa vào cuộc sống mở về cõi vĩnh hằng, và đối với những ai sống nó trong Chúa Kitô, thì nó sẽ là kinh nghiệm của việc tham dự vào mầu nhiệm sự chết và phục sinh của Ngài.

98. Tóm lại, ta có thể nói rằng khúc ngoặc văn hoá được mong ước ở đây đòi hỏi nơi tất cả chúng ta một lòng can đảm đi vào một cung cách sống mới, lấy một thang giá trị đúng đắn làm nền tảng cho các lựa chọn cụ thể ở những tầm mức cá nhân, gia đình, xã hội và quốc tế: sự trỗi vượt của hữu thể trên sở hữu (130) của ngôi vị trên các sự vật (131). Cách sống đổi mới cũng đòi hỏi việc bỏ đi tính dửng dưng đề quan tâm đến người khác, bỏ đi việc loại trừ để tiếp đón: những người khác không phải là những kẻ cạnh tranh mà mình phải tự vệ, nhưng là anh chị em mà mình phải liên đới; phải yêu thương họ vì chính họ, họ làm cho ta phong phú nhờ sự hiện diện của họ.

Không ai được cảm thấy như mình bị loại ra ngoài cuộc động viên đi tới nền văn hoá mới của sự sống: tất cả mọi người đều có vai trò quan trọng phải đóng. Cùng với sứ mệnh của các gia đình, sứ mệnh của các nhà giáo và nhà giáo dục là đặc biệt quý báu. Lớp trẻ, được huấn luyện về sự tự do chân chính, có biết giữ nơi mình và làm lan rộng ra chung quanh những lý tưởng sống chân chính và biết lớn lên trong lòng tôn trọng và phục vụ mọi người trong gia đình cũng như ngoài xã hội hay không, điều đó tuỳ thuộc vào các vị ấy.

Cũng thế, các nhà trí thức có thể làm nhiều việc để xây dựng một nền văn hoá mới của sự sống con người. Những nhà trí thức công giáo có vai trò đặc biệt vì họ được coi đề chủ động hiện diện trong những môi trường có ưu đãi nơi tạo nên văn hoá , trong thế giới nhà trường và đại học, trong những sáng tạo nghệ thuật và suy tư nhân bản. Trong khi nuôi dưỡng cảm hứng và hành động của mình bằng nhựa tinh tuý của Tin Mừng, các nhà trí thức công giáo phải hết mình ủng hộ một nền văn hoá mới sự sống, với mục đích “nghiên cứu, thông tin và đào tạo về những điều lia6n can đến các vấn đề chính của khoa y sinh học và pháp lý, liên hệ với việc thăng tiến và bảo vệ sự sống, nhất là trong mối tương quan trực tiếp với luân lý Kitô giáo và các chỉ dẫn của quyền giáo huấn trong Hội Thánh” (132). Các đại học cũng sẽ cung cấp một đóng góp đặc thù, nhất là các đại học công giáo, cũng như các Trung tâm, các Viện và Uỷ ban về đạo đức sinh học.

Những tác nhân khác nhau của các phương tiện truyền thông xã hội cũng có trách nhiệm lớn lao và nghiêm trọng: họ phải làm sao để sứ điệp được truyền đi với nhiều hiệu quả, góp phần cho văn hoá sự sống. Chính vì thế mà họ phải giới thiệu các gương mẫu đời sống cao thượng, dành chỗ cho những chứng từ tích cực, đôi khi đến mức anh hùng, về tình yêu thương con người, trình bày những giá trị của giới tính và của tình yêu với lòng tôn trọng lớn lao, mà không thích thú trong điều làm suy đồi và hạ thấp phẩm giá con người. Trong khi đọc biết thực tại, họ phải từ chối đề cao những gì có thể khơi dậy hay làm nặng nề thêm những tình cảm hay thái độ dửng dưng, khinh thường hoặc chối từ đối với sự sống. Khi cặn kẽ trung thành với sự thật của các sự kiện, họ có bổn phận nối kết sự tự do thông tin với lòng tôn trọng mọi con người và với một tính nhân bản sâu xa.

99. Để đạt tới khúc ngoặc văn hoá vì sự sống, tư tưởng và hành động của nữ giới đóng một vai trò độc nhất và hẳn là quyết định: phụ nữ có bổn phận chấn hưng một “tân thuyết nữ quyền”, không rơi vào cơn cám dỗ muốn đi theo những kiểu mẫu nam giới, nhưng biết nhận ra và biểu lộ đặc tính chân thật thuộc nữ giới qua mọi thể hiện của cuộc sống giữa xã hội, trong khi làm việc để vượt thắng mọi hình thức kỳ thị, bạo lực và khai thác.

Nhắc lại sứ điệp kết thúc Công đồng Vatican II, tôi cũng gởi tới chị em phụ nữ lời kêu gọi thúc bách này: “Hãy giao hoà mọi người với sự sống” (133). Chị em được mời để làm chứng tá cho ý nghĩa tình yêu đích thực, của sự hiến thân và tiếp nhận kẻ khác, hai việc ấy được thực hiện một cách đặc biệt trong quan hệ hôn nhân, nhưng chúng cũng phải làm sinh động mọi tương quan khác giữa người với người. Kinh nghiệm làm mẹ tăng cường nơi chị em một cảm tình sâu sắc đối với bản thân kẻ khác và, đồng thời, trao cho chị em một nhiệm vụ đặc biệt: “Việc làm mẹ bao gồm hiệp thông đặc biệt với mầu nhiệm sự sống được chín muồi trong dạ người phụ nữ… loại tiếp xúc duy nhất này với hữu thể con người mới, được cưu mang trong lòng mẹ, tạo nên thái độ mới của con người – không những đối với người con của mình, mà còn đối với con người nói chung – thái độ ấy mang chất biểu thị cách sâu sắc toàn diện nhân cách của phụ nữ” (134). Quả thực người mẹ đón nhận và mang trong mình một con người khác, bà cho phép con người ấy đứng lên nơi mình, cho nó một chỗ thích hợp, trong khi vẫn tôn trọng tha tính của nó. Như thế, người phụ nữ thấu hiểu và cho biết rằng những tương giao giữa người với người sẽ là đích thực nếu chúng mở rộng để đón nhận nhân vị kẻ khác, được nhìn nhận và yêu mến vì phẩm giá, phát xuất từ sự kiện kẻ khác ấy là một con người, chứ không vì những yếu tố khác, như lợi ích, sức mạnh, trí thông minh, sắc đẹp, sức khoẻ. Đó là sự đóng góp căn bản mà Giáo Hội và nhân loại đợi chờ nơi người phụ nữ. Đó là một điều tiên quyết cần thiết cho khúc ngoặc văn hoá đích thực này.

Tôi muốn được nói lên một suy tư đặc biệt với chị em, là những người phụ nữ đã nhờ đến việc phá thai. Giáo Hội biết rõ ràng bao nhiêu sức ép đã có thể đè nặng trên quyết định của chị em. Giáo Hội cũng chắc chắn rằng, trong nhiều trường hợp, quyết định ấy cũng thực là đau đớn, và cả đến thảm khốc nữa. Có thể là vết thương trong tâm hồn chị em chưa liền lại. Thực ra, chuyện gì đã xảy ra cũng đã là và vẫn còn là bất công sâu xa. Nhưng chị em đừng để mình nản chí, đừng chối từ niềm hy vọng. Tốt hơn nên biết cách hiểu chuyện đã xảy ra và hãy giải thích nó theo sự thật. Nếu chị em chưa làm như vậy, thì xin mở rộng tâm hồn cho sự sám hối với lòng khiêm tốn và cậy trông: Chúa Cha đầy lòng từ bi đang chờ đón chị em ơn tha thứ và bình an trong bí tích Giao Hoà. Chị em biết rằng chẳng có chi là hư mất cả và chị em sẽ có thể xin lỗi đứa con của mình từ nay đang sống trong Chúa. Với sự giúp đỡ bằng lời khuyên và bằng sự hiện diện của những bạn hữu có thẩm quyền, chị em có thể tham gia vào số những người bảo vệ xác tín nhất quyền sống của mọi người, bằng chính chứng từ đau đớn của chị em, trong việc dấn thân cho sự sống, có thể sẽ được chói sáng bằng sự chào đời của những tạo vật mới và được thực hiện qua sự tiếp đón và quan tâm tới những người cần đến một sự hiện diện nhiệt tình, chị em sẽ làm việc để khôi phục một cách nhìn mới về sự sống con người.

100. Trong cố gắng lớn lao để đạt tới nền văn hoá mới về sự sống, chúng ta được nâng đỡ, và được sinh động vì chắc chắn là Tin Mừng về sự sống, như Nước Thiên Chúa, đang lớn lên và kết quả dồi dào (x. Mc 4,26-29). Chắc hẳn sự chênh lệch thật là to lớn giữa nhưng phương tiện đáng kể và hùng mạnh dành cho những thế lực đang hoạt động vì nền “văn hoá sự chết”, so với phương tiện của những người ủng hộ một nền “văn hoá sự sống và tình thương”. Nhưng chúng ta biết có thể cậy nhờ vào ơn phù trợ của Thiên Chúa, đối với Ngài không có gì là không thể làm được (x. Mt 19,26).

Khi có niềm xác tín trong tim, và được sinh động bời sự lo lắng cho số phận từng người, nam cũng như nữ, hôm nay tôi xin nhắc lại cho tất cả mọi người điều mà tôi đã nói cho các gia đình dấn thân trong những trách vụ đã trở nên khó khăn vì những cảm bẫy đang đe doạ họ (135): việc cầu nguyện cho sự sống rộng khắp trên toàn cầu, là một điều khẩn cấp. Ước mong, qua những sáng kiến khác thường và trong việc cầu nguyện thường xuyên, lời tha thiết khẩn nài được dâng lên Thiên Chúa, Đấng Tạo Hoá hằng yêu quý sự sống, từ tất cả các cộng đồng Kitô hữu, từ tất cả các nhóm, các phong trào, các gia đình, từ trái tim của mọi người tin! Chúa Giêsu đã làm gương cho ta thấy rằng cầu nguyện và chay tịnh là những võ khí chính và linh nghiệm nhất chống lại thế lực sự dữ (x. Mt 4,1-11), và Chúa đã dạy các môn đệ rằng có một số quỷ chỉ bị trừ khử bằng việc cầu nguyện này (x. Mc 9,29). Vậy ta hãy khiêm nhường và can đảm cầu nguyện và giữ chay để xin cho sức mạnh từ Đấng Tối Cao đến làm đổ những bức tường lừa phỉnh và dối trá đang che mắt bao anh chị em chúng ta, không cho thấy bản chất gian tà của những cách đối xử và luật lệ thù nghị với sự sống, và xin sức mạnh của Chúa mở tâm hồn cho họ những quyết tâm và ý hướng được cảm hứng bởi nền văn minh sự sống và yêu thương.

***Tin Mừng về sự sống dành cho thành trì loài người***

*“Tất cả những điều này, chúng tôi viết cho anh em, để niềm vui của chúng ta được đầy đủ” (1 Ga 1,4)*

101. “Tất cả những điều này, chúng tôi viết cho anh em, để niềm vui chúng ta được đầy đủ” (1Ga 1,4). Mặc khải Tin Mừng về sự sống được ban cho chúng ta như một thiện hảo để thông chuyển cho tất cả mọi người, để cho tất cả được hiệp thông với ta và với Chúa Ba Ngôi (x. 1Ga 1,3). Chúng ta cũng vậy, chúng ta sẽ không thể ở trong niềm vui đầy đủ, nếu chúng ta không thông truyền Tin Mừng này cho những người khác, mà lại chỉ giữ riêng cho mình.

Tin Mừng về sự sống không chỉ dành riêng cho những người có tín ngưỡng, nó được dành cho tất cả mọi người,. Vấn đề sự sống, vấn đề bảo vệ và thăng tiến sự sống, không phải chỉ là đặc quyền của người Kitô hữu. Dầu vấn đề này tiếp nhận từ đức tin một ánh sáng và một sức mạnh khác thường, thì nó vẫn thuộc về mọi lương tâm con người khát vọng chân lý và chăm chú ưu tư với vận mệnh nhân loại. Chắc chắn là trong sự sống có một giá trị thánh thiêng và tôn giáo, nhưng bằng bất cứ cách nào người ta không thể bảo rằng việc ấy chỉ liên quan đến những người có tín ngưỡng: quả vậy, đây là một giá trị mà bất cứ con người nào cũng có thể hiểu được dưới ánh sáng lý trí và nó nhất thiết liên hệ tới mọi người.

Do đó, hành động của chúng ta, là “dân của sự sống và vì sự sống” đòi phải được hiểu cho đúng và được tiếp nhận với thiện cảm. Khi Giáo Hội tuyên bố sự tôn trọng vô điều kiện quyền sống của mọi người vô tội, từ khi thành thai cho đến lúc chết tự nhiên, là một trong những cột trụ trên đó được xây dựng mọi thứ xã hội dân sự, thì Giáo Hội “chỉ muốn chấn hưng một nhà nước nhân bản, một nhà nước nhìn nhận rằng bổn phần hàng đầu của mình là bảo vệ những quyền căn bản của nhân vị, đặc biệt là những quyền của kẻ yếu nhất” (136).

Tin Mừng về sự sống được dành tặng cho thành trì của loài người. Hành động vì sự sống, là góp phần vào sự canh tân xã hội bằng việc thực hiện công ích. Quả vậy, không thể nào có thể thực hiện công ích mà không nhìn nhận và bảo vệ quyền sống, trên đó được thiết lập và phát triển mọi quyền bất khả nhượng khác của con người. Và một xã hội không thể có nền tảng vững chắc, nếu như, khi khẳng định các giá trị như phẩm giá con người, công lý và hoà bình, xã hội ấy lại tự mâu thuẫn triệt để bằng cách chấp thuận hay miễn trách những hình thức khác nhau của việc khinh dễ hay xâm phạm chính sự sống con người, nhất là khi sự sống ấy thật non yếu hay bị gạt ra bên lề. Chỉ có lòng tôn trọng sự sống mới có thể thiết lập và bảo đảm những thiện hảo quý báu nhất, và cần thiết nhất của xã hội, như nền dân chủ và hoà bình.

Quả thế, không thể có dân chủ thực sự nếu người ta không nhìn nhận phẩm giá của mọi người và không tôn trọng các quyền của mọi người.

Cũng không thể có hoà bình thực sự nếu người ta không bênh vực và nâng đỡ sự sống, như Đức Phao lô VI đã nhắc: “Mọi tội ác chống lại sự sống và một nguy hại cho hoà bình, nhất là khi nó phạm đến phong tục của dân… Trong lúc mà ở đâu quyền con người được thực sự tuyên xưng và công khai nhìn nhận và bảo vệ, thì hoà bình trở thành bầu khí vui tươi và có hiệu quả cho đời sống trong xã hội” (137).

“Dân tộc của sự sống” được vinh dự chia sẻ với bao nhiêu người khác những dấn thân của mình; và nền văn hoá mới của tình thương yêu và liên đới sẽ được phát triển vì lợi ích thực sự của thành trì nhân loại.

\*\*\*

**KẾT LUẬN**

102. Vào cuối Thông điệp này, tự nhiên chúng ta hướng nhìn về Chúa Giêsu, về “Hài Nhi đã sinh ra cho chúng ta” (x. Is 9,5) để chiêm ngắm nơi Ngài “Sự Sống đã tỏ hiện” (1Ga 1,7). Trong mầu nhiệm Giáng Sinh này, đã hoàn thành sự gặp gỡ của Thiên Chúa với loài người, và bắt đầu nẻo đường của con Thiên Chúa trên trái đất, nẻo đường đạt tới tột đỉnh trong việc Ngài hiến dâng mạng sống trên thập giá: qua cái chết của mình, Ngài sẽ thắng sự chết và trở nên nguyên lý sự sống mới cho toàn thể nhân loại.

Để tiếp nhận “Sự Sống”, nhân danh mọi người và vì ích lợi của mọi người, có Đức Maria, người mẹ đồng trinh: như vậy Mẹ đã có những liên lạc bản thân rất khắng khít với Tin Mừng về sự sống. Sự ưng thuận của Đức Maria vào dịp Truyền Tin, và việc làm mẹ của ngài là ở tận nguồn mạch của mầu nhiệm sự sống mà Chúa Ki tô đã đến ban cho loài người (x. Ga 10,10). Qua việc Đức Mẹ đón tiếp, qua việc Đức Mẹ lo lắng cho sự sống của Ngôi Lời Nhập Thể, án chết dứt khoát và đời đời đã được miễn trừ cho sự sống của con người.

Vì thế, “như Giáo Hội, mà Mẹ là hình ảnh, Đức Maria là mẹ của tất cả mọi người tái sinh vào sự sống. Đức Mẹ thực là mẹ của Sự Sống làm cho mọi người được sống, và khi sinh ra Sự Sống, Mẹ đã tái sinh cách nào đó tất cả mọi người sẽ sống bằng Sự Sống ấy” (138).

Khi chiêm ngắm việc làm mẹ của Đức maria, Giáo Hội cũng đã được khám phá ra ý nghĩa việc làm mẹ của mình và cung cách mà Giáo Hội được mời gọi để diễn tả việc ấy. đồng thời, kinh nghiệm làm mẹ của Giáo Hội mở ra một viễn ảnh sâu xa nhất để hiểu kinh nghiệm của Đức Maria, như mẫu gương khôn ví của việc tiếp nhận sự sống và của lòng ân cần đối với sự sống.

***Việc làm mẹ của Đức Maria và của Giáo Hội***

*“Một điềm vĩ đại xuất hiện trên trời: một Người Nữ mặc áo mặt trời” (Kh 12,1)*

103. Tương quan giữa mầu nhiệm Giáo Hội và mầu nhiệm Đức Maria, rõ ràng xuất hiện trong “điềm vĩ đại” được diễn tả trong sách Khải Huyền: “Một điềm vĩ đại hiện ra trên trời: một Người Nữ mặc áo mặt trời, chân đứng trên mặt trăng, đầu đội triều thiên mười hai ngôi sao” (Kh 12,1). Giáo Hội nhìn ra trong điều này một hình ảnh của mầu nhiệm riêng mình: được dìm ngập trong lịch sử, Giáo Hội là “mầm giống và khởi đầu” Nước Thiên Chúa (139). Giáo Hội trông thấy sự thực hiện đầy đủ và kiểu mẫu mầu nhiệm này nơi Đức Maria. Chính Mẹ là Người Nữ hiển vinh, nơi Mẹ ý định của Thiên Chúa đã được chu toàn với sự hoàn hảo lớn nhất.

“Người Nữ mặc áo mặt trời đang mang thai” như sách Khải Huyền nhấn mạnh (Kh 12,2). Giáo Hội hoàn toàn ý thức mình đang mang Chúa Cứu Thế, là Chúa Kitô và mình được gọi trao Chúa Kitô cho thế giới, để tái sinh loài người vào chính sự sống của Thiên Chúa. Nhưng Giáo Hội không thể quên rằng sứ mệnh của mình đã trở nên có thể thi hành được nhờ việc Đức Maria làm mẹ, Mẹ đã cưu mang và sinh ra cho thế giới Đấng là “Thiên Chúa sinh bởi Thiên Chúa”, “Thiên Chúa thật sinh bởi Thiên Chúa thật”, Đức Maria đích thật là Mẹ của Thiên Chúa, là Theothokos: trong sứ mệnh làm mẹ của Đức maria, ơn gọi làm mẹ mà Thiên Chúa ghi khắc trong từng người nữ đã được cực kỳ nâng cao. Như thế, Đức Maria xuất hiện như mẫu gương cho Giáo Hội, được gọi làm “Eva mới”, mẹ của các tín hữu, mẹ của “những người sống” (x. St 3,20).

Việc làm mẹ thiêng liêng của Giáo Hội – Giáo Hội cũng ý thức rõ điều này – chỉ được thực hiện trong những đau đớn “chuyển dạ sinh con” (Kh 12,2), tức là sự căng thẳng liên miên với những thế lực của sự dữ hằng tiếp xúc xâm nhập vào thế giới và ghi dấu vào trái tim con người, trong khi chống cự lại Chúa Kitô: “Điều ở nơi Ngài là sự sống, và sự sống là ánh sáng soi cho nhân loại, và ánh sáng chiếu rạng trong tối tăm, và tối tăm đã không năm được ánh sáng” (Ga 1,4-5).

Như Giáo Hội, Đức Maria đã phải sống tình làm mẹ dưới dấu chỉ của đau đớn: “Hài Nhi này… phải là dấu chỉ của vấp phạm và chống đối, còn Bà, một mũi gương sẽ đâm thâu vào lòng Bà, hầu bộc lộ tâm tư nhiều cõi lòng” (Lc 2,34-35). Trong những lời Simêon nói với Đức Maria ngay từ bình minh cuộc đời Chúa Cứu Thế, ta thấy được trình bày cách tổng hợp sự từ chối Chúa Giêsu và Đức Maria cùng với Ngài, sự từ chối lên tới tột đỉnh trên núi Canvê. “Đứng gần thập giá Chúa Giêsu” (Ga 9,25), Đức Maria tham gia vào việc tự hiến của Chúa Con: Đức Mẹ dâng Chúa Giêsu lên Chúa Cha, trao hiến Người đi, và dứt khoát sinh Người ra cho ta. Tiếng “xin vâng” ngày Truyền Tin được trọn vẹn chín muối trong ngày của Thập giá, khi đến giờ để Đức Maria đón nhận và sinh hạ, như con mình, tất cả mọi người đã trở nên môn đệ và mang nơi mình tình yêu cứu thế của Chúa Con: “Chúa Giêsu thấy Mẹ và gần Mẹ có môn đệ yêu quý, Ngài thưa với mẹ: “ Hỡi bà, này là con của Bà” (Ga 19,26).

***Sự sống bị đe doạ bởi thế lực sự ác***

*“Dừng lại trước người nữ, con rồng rình nuốt người con của bà khi sinh ra” (Kh 12,4)*

104. Trong sách Khải Huyền, “dấu chỉ vĩ đại” về “người nữ” (Kh 12,1) kèm theo ngay “một dấu chỉ khác xuất hiện trên trời: một con rồng màu đỏ lửa to lớn” (Kh 12,3), ám chỉ satan, một kẻ mang sức mạnh ám hại và đồng thời là một sức mạnh của sự dữ đang hoạt động trong lịch sử và ngăn cản sứ mệnh của Giáo hội.

Ở đây nữa, Đức Maria vẫn còn soi sáng cho cộng đoàn tín hữu: sự thù địch của các thế lực sự dữ, quả là một sự chống đối ngấm ngầm, trước khi đụng tới môn đệ của Chúa Giêsu đã quay qua chống lại Mẹ Chúa. Để cứu lấy sự sống của Con Mình trước những kẻ sợ Chúa như một mối ngăm đe nguy hiểm, Đức Maria đã phải trốn sang Ai Cập cùng với Thánh Giuse và Hài nhi Giêsu (x. Mt 2,13-15).

Như vậy, Đức Maria giúp Giáo Hội ý thức rằng sự sống luôn luôn ở giữa một cuộc chiến đấu rất lớn giữa sự thiện và sự ác, giữa ánh sáng và bóng tối. Con rồng muốn nuốt chửng “hài nhi vừa sinh” (Kh 12,4) là hình ảnh Chúa Kitô , mà Đức Maria sinh ra trong “thời viên mãn” (Gl 4,4) và Giáo Hội hằng phải trao ban cho con người ở những thời kỳ khác nhau của lịch sử. Nhưng hài nhi này cũng là như hình ảnh của từng người, từng em bé, đặc biệt của từng tạo vật yếu ớt và bị đe doạ, bởi vì – như Công Đồng nhắc nhở chúng ta – “qua Mầu nhiệm Nhập Thể, con Thiên Chúa đã kết hiệp một cách nào đó với mọi người” (140). Chính trong “xác thể” của từng người mà Chúa Kitô tiếp tục tự mặc khải và đi vào mối hiệp thông với chúng ta, đến mức độ mà vứt bỏ sự sống của con người dưới hình thức khác nhau cũng chính là vứt bỏ Chúa Kitô . Đó là chân lý cảm kích và đồng thời thúc bách mà Chúa Kitô tỏ lộ cho chúng ta và Giáo Hội không hề mệt mỏi nói lại: “Ai đón tiếp một bé thơ như em này vì danh Thầy, là đón tiếp Thầy” (Mt 18,5); “Thật, Ta bảo thật các con, những gì các con đã làm cho một người trong các anh em hèn mọn nhất của Ta, là các con đã làm cho chính mình Ta” (Mt 25,40).

***Ánh rạng ngời của sự Phục Sinh***

*“Chết chóc không còn nữa” (Kh 21,4)*

105. Việc loan báo của sứ thần cho Đức Maria nằm trong những lời trấn an này: “Xin đừng sợ, thưa Đức Maria”, và “Không có gì là không thể được đối với Thiên Chúa” (Lc 1,30-37). Thật vậy, trọn cuộc đời của Đức Trinh Mẫu Maria được bao bọc bằng niềm tin chắc chắn rằng Thiên Chúa ở gần bên Ngài và đi cùng với Ngài bằng việc quan phòng nhân hậu với Chúa. Với Giáo Hội cũng thế, giáo Hội tìm được nơi “ẩn náu” (Kh 12,6) trong sa mạc, nơi thử thách, nhưng cũng là nơi biểu lộ tình yêu thương của Thiên Chúa đối với dân Ngài (x. Osê 2,16). Đức maria là lời sống động của niềm an ủi cho Giáo Hội trong cuộc chiến chống lại sự chết. Khi Mẹ tỏ ra cho ta thấy Con của Mẹ, Mẹ bảo đảm với ta rằng nơi Ngài các thế lực sự chết đã thua bại: “Tử sinh song đấu lạ kỳ, Chủ Tể sự sống đã chết; nay đang sống, Ngài hiển trị” (141).

Chiên Con bị sát tế đang sống trong khi mang dấu tích cuộc Khổ nạn trong ánh huy hoàng Phục sinh. Chỉ mình Ngài chủ trì mọi biến cố của lịch sử. Ngài đập tan “các ấn tín” của nó (Kh 5,1-10) và, trong thời gian và bên kia thời gian, Ngài công bố quyền lực sự sống trên sự chết. Trong “thành Giêrusalem mới” tức là trong thế giới mới mà lịch sử con người đang vươn tới, “chết chóc sẽ không còn nữa; khóc than, rên xiết và khổ đau sẽ không còn nữa, vì thế giớ cũ đã qua đi” (Kh 21,4).

Và trong khi chúng ta là dân của Thiên Chúa đang lữ hành, dân của sự sống và dân vì sự sống, trong niềm cậy trông, chúng ta đang tiến bước về “một trời mới và một đất mới” (kh 21,1), chúng ta hướng nhìn về Đấng, đối với ta, là “dấu chỉ của lòng cậy trông vững chắc và của niềm an ủi” (142).

Lạy Mẹ Maria,

Bình Minh của thế giới mới,

Là mẹ của chúng sinh,

Chúng con xin trao phó cho Mẹ

Vụ án về sự sống.

Lạy mẹ, xin nhìn đến

Vô số những trẻ thơ

Bị ngăn cản không được sinh ra đời,

Những người nghèo

Mà cuộc sống trở nên khó khăn,

Những người bị sát hại

Vì bạo lực bất nhân,

Những người già, người bệnh bị giết

Do sự lãnh đạm thờ ơ

Hay do lòng thương giả dối.

Xin Mẹ hãy làm cho

Những kẻ tin vào Con của Mẹ

Biết loan báo cho người thời nay

Tin Mừng về sự sống

Với lòng kiên quyết và tình yêu thương

Xin Mẹ cầu Chúa ban cho họ

Được ơn đón nhận Tin mừng về sự sống

Như một hồng ân luôn luôn mới mẻ,

Được niềm vui tôn dương Tin Mừng ấy

Với lòng tri ân trong cả cuộc đời,

Và được can đảm làm chứng

cho Tin Mừng ấy

với sự kiên trì chủ động,

để cùng những người thiện chí

xây dựng nền văn minh của chân lý và tình yêu

hầu ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa,

Đấng Tạo Thành hằng yêu thương sự sống.

*Ban hành tại Rôma, gần Đền thờ Thánh Phêrô*

*Ngày lễ Truyền Tin 25.3.1995*

*Năm thứ 17 triều Giáo hoàng của tôi*

***+ GIOAN PHAOLÔ II***

*Giáo Hoàng*

(1) Quả thực diễn ngữ *“Tin Mừng về sự sống”* không có trong thánh Kinh. Tuy nhiên diễn ngữ ấy am hợp với một phương diện cốt yếu của sứ điệp Thánh Kinh.

(2) Hiến chế *Mục vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay, Vui mừng và Hy vọng*, số 22.

(3) Xem Thông điệp *Đấng Cứu Chuộc con người*của Đức Gioan Phaolô II (4.3.1979), số 10.

(4) Xem Thông điệp trên, số 14.

(5) Hiến chế *Mục vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay, Vui mừng và Hy vọng*, số 27.

(6) Xem Thư gởi hàng Giám mục về *“Tin mừng về sự sống”* (19.5.1991).

(7) Cũng trong thư trên.

(8) Thư gởi các Gia đình – *Gratissimam sane* (2.2.1994) số 4.

(9) Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus – Năm thứ một trăm* (1.5.1991), số 39.

(10) Số 2259.

(11) Xem Bàn về Noê của Thánh Ambrôsiô, 26,94-96.

(12) x. *GLHTCG*, số. 1867 và 2268.

(13) *Bàn về Cain et Abel*, II, 10, 38.

(14) Xem Huấn thị Ơn ban sự sống (*Donum Vitae)* (22.2.1987) của Thánh Bộ Giáo lý Đức tin.

(15) Diễn từ trong dịp canh thức cầu nguyện cho ngày Quốc tế Giới trẻ lần VIII tại Denver (16,8,1993)

(16) Diễn từ của Đức Gioan Phaolô II trước các tham dự viên cuộc tham luận về “Quyền sống và Châu âu” (18.12.1987).

(17) Hiến chế *Vui mừng và Hy vọng*, số 36.

(18) x. như trên, số 16.

(19) x. *Luân lý về Gióp*, 13, 23 của thánh Gregorio Cả.

(20) Thông điệp *Redemptor Hominis (Đấng Cứu Chuộc con người)*(4.3.1979), Gioan Phaolô II, số 10.

(21) Hiến chế *Gaudium et Spes – Vui mừng và Hy vọng*, số 50.

(22) Hiến chế Tín lý về Mạc khải *Dei Verbum*, số 4.

(23) “Gloria Dei vivens homo”: *Adversus Haereses – Chống lạc giáo*, IV, 20, 7.

(24) Hiến chế *Gaudium et Spes – Vui mừng và Hy vọng*, số 12.

(25) *Confessions (Tự thuật)*, I, 1.

(26) *Exameron*, VI, 75-76.

(27) “Vita autem hominis visio Dei”: *Adversus Haereses – Chống lạc giáo*, IV, 20, 7.

(28) x. Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus – Năm thứ một trăm* (1.5.1991), số 38.

(29) Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis – Quan tâm đến việc xã hội*(30.12.1987), số 34.

(30) Hiến chế *Gaudium et Spes – Vui mừng và Hy vọng*, số 50.

(31) Thư gửi các Gia đình *Gratissimam sane* (2.2.1994), số 9; x. Pio XII, Tông huấn *Humani Generis – Nhân loại*(12.8.1950).

(32) “Animas enim a Deo immediate creari catholica fides nos retinere iubet”: Pio XII, Tông huấn*Humani Generis – Nhân loại*(12.8.1950).

(33) Hiến chế *Gaudium et Spes – Vui mừng và Hy vọng*, số 50.; x. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn Về Gia đình *Familiaris Consortio* (22.11.1981), số 28.

(34) *Homilies – Các bài giảng*, II, 1.

(35) Xem, chẳng hạn, các Thánh Vịnh 22/21,10-11; 71/70,6; 139/138,13-14.

(36) *Expositio Evangelii secundum Lucam – Trình bày Phúc âm theo Thánh Luca*, II, 22-23.

(37) Thánh Ignatio Antiokia, *Thư gửi tín hữu Ephêsô,* 7, 2: *Patres Apostolici*, ed. F.X. Funk, II, 82.

38 *De Hominis Opificio*, số 4.

39 x. Thánh Gioan Đamaxen, *De Fide Orthodoxa*, 2, 12, được Thánh Tôma Aquinô trích dẫn,*Summa Theologiae – Tổng luận thần học*, I-II, Lời nói đầu.

40 Đức Phaolô VI, Thông điệp*Humanae Vitae- Sự sống con người* (25.7.1968), số 13.

41 Thánh Bộ Giáo lý Đức tin, Huấn thị *Donum Vitae- Ơn ban sự sống*(22.2.1987), Nhập đề, số 5; x. *GLHTCG,* số 2258.

42 Sách *Didache*, I, 1; II, 1-2; V, 1 và 3: *Patres Apostolici*, ed. F.X. Funk, I, 2-3, 6-9, 14-17; x. *Thư của Pseudo-Barnabas*, XIX, 5.

43 x. *GLHTCG*, các số 2263-2269; cũng xem sách Giáo lý của Công đồng *Trentô*III, §§ 327-332.

44 *Sách GLHTCG*, số 2265.

45 x. Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae – Tổng luận thần học*, II-II, q. 64, a. 7; Thánh Anphonsô Liguori, *Theologia Moralis – Thần học luân lý*, l. III, tr. 4, c. 1, dub.3.

46 *Sách GLHTCG*, số 2266.

47 x. *như trên*.

48 Số 2267.

49 Công đồng Vatican II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium –Ánh sáng muôn dân*, số 12.

50 Hiến chế *Gaudium et Spes – Vui mừng và Hy vọng*, số 27.

51 Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium –Ánh sáng muôn dân*, số 25.

52 Thánh Bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên ngôn về việc làm chết êm dịu*Iura et Bona*(5.5.1980), II.

53 Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Veritatis Splendor-Ánh rạng ngời của chân lý* (6.8.1993), số 96.

54 Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes – Vui mừng và Hy vọng*, số 51, “Abortus necnon infanticidium nefanda sunt crimina”.

55 x. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông thư *Mulieris Dignitatem-Phẩm giá phụ nữ*(15.8.1988), số 14.

56 Sđd. Số 21.

57 Thánh Bộ Giáo lý Đức tin, *Tuyên ngôn về việc cố ý phá thai* (18.11.1974), các số 12-13.

58 Thánh Bộ Giáo lý Đức tin, Huấn thị *Donum Vitae- Ơn ban sự sống*(22.2.1987), I, số 1.

59 *Sđd* như trên.

60 Ngôn sứ Giêrêmia nói: “Chúa nói với tôi bằng những lời này: “Trước khi tạo nên ngươi trong dạ mẹ, Ta đã biết ngươi, ngay cả trước khi ngươi lọt lòng, Ta đã thánh hiến ngươi; Ta đã đặt ngươi làm ngôn sứ cho các dân tộc” (1,4-5). Về phần mình, Thánh vịnh gia thưa với Chúa những lời này: “Ngay từ lòng mẹ con đã tựa nương vào Chúa, ngay khi con ở trong dạ mẫu thân, Chúa đã là gia nghiệp của con” (Ps 71/70,6; x. *Is* 46,3; *G* 10,8-12; *Tv* 22/21,10-11). Trong cuộc gặp gỡ kỳ diệu giữa hai người mẹ: bà Êlizabeth và Đức Maria, và giữa hai người con: Gioan Tẩy giả và Chúa Giêsu, con náu ẩn trong lòng mẹ (x. Lc 1,39-45) – tác giả Luca cũng nhấn mạnh rằng con trẻ đón nhận Con Trẻ đến và phấn khởi vui mừng.

61 x. *Tuyên ngôn về việc cố ý phá thai* (18.11.1974), số 7.

62 “Ngươi không được giết con trẻ bằng việc phá thai và không được làm chết nó sau khi nó sinh ra”: V, 2: *Patres Apostolici*, ed. F.X. Funk, I, 17.

63 *Lời thỉnh cầu cho các Kitô hữu*, số 35.

64 *Apologeticum – Minh giáo*, IX, 8.

65 x. Thông điệp *Casti Connubii-Khiết tịnh hôn nhân* (31.12.1930), II.

66 Diễn văn trước Liên hiệp Y Sinh học “San Luca” (12.11.1944): *Discorsi e Radiomessaggi*, VI; x. Diễn văn trước Liên hiệp Công giáo Italia các bà hộ sinh (29.10.1951), số 2.

67 Thông điệp *Mater et Magistra-Mẹ và Thầy* (15.5.1961), số 3.

68 Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes – Vui mừng và Hy vọng*, số 51.

69 Xem điều 2350, § 1.

70 *Bộ Giáo luật*, điều 1398; x. *Bộ luật các Giáo hội Đông phương*, điều 1450, § 2.

71 x. sđd., điều 1329; cũng xem *Bộ luật các Giáo hội Đông phương*, điều 1417.

72 x. Diễn văn trước các luật gia Công giáo Italia (9.12.1972); Thông điệp *Humanae Vitae-Sự sống con người* (25.7.1968), số 14.

73 Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium –Ánh sáng muôn dân*, số 25.

74 Thánh Bộ Giáo lý Đức tin, Huấn thị *Donum Vitae- Ơn ban sự sống*(22.2.1987), I, số 3.

75 *Hiến chương về quyền của Gia đình* (22.10.1983), article 4b.

76 Thánh Bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên ngôn về việc làm chết êm dịu*Iura et Bona*(5.5.1980), II.

77 *Sđd*., IV.

78 x. *văn kiện trên*.

79 Đức Piô XII, Diễn văn trước một nhóm quốc tế các thầy thuốc (24.2.1957), III; x. Thánh Bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên ngôn về việc làm chết êm dịu*Iura et Bona*(5.5.1980), III.

80 Đức Piô XII, Diễn văn trước một nhóm quốc tế các thầy thuốc (24.2.1957), III.

81 Piô XII, Diễn văn trước một nhóm quốc tế các thầy thuốc (24.2.1957), như trên; Thánh Bộ Giáo lý, *Decretum de directa insontium occisione*(2.12.1940); Đức Phaolô VI, Sứ điệp cho Truyền hình Pháp: “Mọi sự sống đều thánh thiêng” (27.1,1971); Diễn văn tại trường quốc tế Surgeons (1.6.1972); Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes – Vui mừng và Hy vọng*, số 27.

82 x. Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium –Ánh sáng muôn dân*, số 25.

83 x. Thánh Augustinô, *De Civitate Dei-Thành trì Thiên Chúa*I, 20; Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae-Tổng luận thần học*, II-II, q. 6, a. 5.

84 Thánh Bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên ngôn về việc làm chết êm dịu*Iura et Bona*(5.5.1980), I;*GLHTCG*, các số 2281-2283.

85 *Thư* 204, 5.

86 Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes – Vui mừng và Hy vọng*, số 18.

87 x. Đức Gioan Phaolô II, Tông thư*Salvifici Doloris-Đau khổ cứu độ*(11.2.1984), số 14-24.

88 x. Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* – *Năm thứ một trăm* (1.5.1991), số 46; Đức Piô XII, Sứ điệp truyền thanh Giáng Sinh (24.12.1944).

89 Cf. Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Veritatis Splendor*–*Ánh rạng ngời của chân lý* (6.8.1993), số 97 và 99.

90 Thánh Bộ Giáo lý Đức tin, Huấn thị *Donum Vitae*– *Ơn ban sự sống* (22.2.1987), III.

91 x. Công đồng Vatican II, Tuyên ngôn về Tự do tôn giáo *Dignitatis Humanae- Phẩm giá con người*, số 7.

92 x. Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae-Tổng luận thần học*I-II, q. 96, a. 2.

93 x. Công đồng Vatican II, Tuyên ngôn về Tự do tôn giáo *Dignitatis Humanae- Phẩm giá con người*, số 7.

94 Thông điệp *Pacem in Terris-Hoà bình trên trái đất* (11.4.1963), II. Trưng dẫn trong bản văn mượn ở Đức Piô XII, Sứ điệp truyền thanh Lễ Hiện Xuống 1941 (1.6.1941). Về đề tài này, Thông điệp quy chiếu ở chú thích về Đức Piô XII, Thông điệp*Mit brennender Sorge* (14.3.1937); Thông điệp *Divini Redemptoris-Thiên Chúa Cứu Chuộc* (19.3.1937), III; Đức Piô XII, Sứ điệp truyền thanh dịp Giáng Sinh (24.12.1942).

95 Thông điệp *Pacem in Terris-Hoà bình trên trái đất* (11.4.1963), II, như trên.

96 *Summa Theologiae-Tổng luận thần học*I-II, q. 93, a. 3, ad 2um.

97 *Như trên*, I-II, q. 95, a. 2. Thánh Tôma Aquinô trưng dẫn Thánh Augustinô: “Non videtur esse lex, quae iusta non fuerit” (Luật mà không công bằng thì không phải luật), *De Libero Arbitrio*, I, 5, 11.

98 Thánh Bộ Giáo lý Đức tin, *Tuyên ngôn về việc cố ý phá thai* (18.11.1974), số 22.

99 x. Sách *GLHTCG*, các số 1753-1755; Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Veritatis Splendor-Ánh rạng ngời của chân lý* (6.8.1993), các số 81-82.

100*Khảo luận về Tin Mừng Gioan*, 41, 10; x. Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Veritatis Splendor-Ánh rạng ngời của chân lý* (6.8.1993), số 13.

101 Tông huấn Evangelii Nuntiandi-Loan báo Tin Mừng (8.12.1975), số 14.

102 x. Sách Lễ Rôma, lời kinh của chủ tế trước khi chịu lễ.

103 x. Thánh Irênê: “Omnem novitatem attulit, semetipsum afferens, qui fuerat annuntiatus”, Adversus Haereses-Chống lạc giáo: IV, 34, 1.

104 x. Thánh Tôma Aquinô, “Peccator inveterascit, recedens a novitate Christi”, In Psalmos Davidis Lectura: 6,5.

105 De Beatitudinibus-Bài giảng về các mối phúc, VII.

106 x. Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp Veritatis Splendor-Ánh rạng ngời của chân lý (6.8.1993), số 116.

107 x. Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp Centesimus Annus – Năm thứ một trăm (1.5.1991), số 37.

108 x. Sứ điệp Giáng Sinh 1967: AAS 60 (1968), 40.

109 Pseudo- Dionysius the Areopagite, On the Divine Names-Về các tên thần linh, 6, 1-3.

110 Đức Phaolô VI, Pensiero alla Morte-Tư tưởng về sự chết, Istituto Paolo VI, Brescia 1988, 24.

111 Đức Gioan Phaolô II, Bài giảng lễ phong Chân phước Isidore Bakanja, Elisabetta Canori Mora và Gianna Beretta Molla (24.4.1994): L”Osservatore Romano, 25-26 April 1994, 5.

112 Như trên.

113 In Matthaeum, Hom. (Bài giảng về Tin Mừng Matthêu) I, 3

114 Sách GLHTCG, số 2372.

115 Đức Gioan Phaolô II, Diễn văn tại Đại hội Giám mục Mỹ Latinh ở San Domingo (12.10.1992), số 15.

116 x. Sắc lệnh về Đại kết Unitatis Redintegratio, số 12; Hiến chế mục vụ Gaudium et Spes – Vui mừng và Hy vọng, số 90.

117 Đức Gioan Phaolô, Tông huấn về Gia đình Familiaris Consortio (22.11.1981), số 17.

118 x. Hiến chế mục vụ Gaudium et Spes – Vui mừng và Hy vọng, số 50.

119 Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp Centesimus Annus – Năm thứ một trăm (1.5.1991), số 39.

120 Đức Gioan Phaolô II, Diễn văn trước các tham dự viên Hội nghị Giám mục Âu châu về đề tài “Những thái độ đương thời trước việc sinh ra đời và trước cái chết: một thách đố cho việc rao giảng Tin Mừng” (17.10.1989), số 5. Con cái theo truyền thống Kinh Thánh được trình bày cách rõ ràng như là hồng ân của Thiên chúa (x. Tv 127:3) và như là dấu chỉ phúc lành của Ngài xuống trên những ai đi trong đường lối của Ngài (x. Tv 128:3-4).

121 Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp Quan tâm đến vấn đề xã hội – Sollicitudo Rei Socialis (30.12.1987), số 38.

122 Đức Gioan Phaolô II, Tông huấn về Gia đình Familiaris Consortio (22.11.1981), số 86.

123 Đức Phaolô VI, Tông huấn Loan báo Tin Mừng – Evangelii Nuntiandi (8.12.1975), số 18.

124 Như trên, số 20.

125 x. Hiến chế mục vụ Gaudium et Spes – Vui mừng và Hy vọng, số 24.

126 Cf. Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp Centesimus Annus – Năm thứ một trăm (1.5.1991), số 17; Thông điệp Ánh rạng ngời của chân lý – Veritatis Splendor (6.8.1993), số 95-101.

127 Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp Centesimus Annus – Năm thứ một trăm (1.5.1991), số 24.

128 Đức Gioan Phaolô II, Tông huấn về Gia đình Familiaris Consortio (22.11.1981), số 37.

129 Thư thiết lập ngày Quốc tế Bệnh Nhân (13.5.1992), số 2.

130 x. Hiến chế mục vụ Gaudium et Spes – Vui mừng và Hy vọng, số 35; Đức Phaolô VI, Thông điệp Phát triển các dân tộc – Populorum Progressio (26.3.1967), số 15.

131 x. Đức Gioan Phaolô II, Thư gửi các gia đình Gratissimam sane (2.2.1994), số 13.

132 Đức Gioan Phaolô II, Tự sắc Mầu nhiệm Sự Sống – Vitae Mysterium (11.2.1994), số 4.

133 Sứ điệp kết thúc Công đồng (8.12.1965): Gửi chị em phụ nữ.

134 Đức Gioan Phaolô II, Tông thư Phẩm giá phụ nữ – Mulieris Dignitatem (15.8.1988), số 18.

135 x. Đức Gioan Phaolô II, Thư gửi các gia đình Gratissimam sane (2.2.1994), số 5.

136 Đức Gioan Phaolô II, Diễn văn trước các tham dự viên một cuộc Hội thảo về “Quyền sống và Châu Âu” (18.12.1987).

137 Sứ điệp Ngày Thế Giới Hoà Bình 1977.

138 Chân phước Guerric of Igny, Bài giảng lễ Mông Triệu I, 2.

139 Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium –Ánh sáng muôn dân, số 5.

140 Hiến chế mục vụ Gaudium et Spes – Vui mừng và Hy vọng, số 22.

141 Sách lễ Rôma, Ca tiếp liên Chúa nhật Phục Sinh.

142 Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium –Ánh sáng muôn dân, số 68.